

15 THÁNG 5 NĂM 1968

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ A I

năm mười hai

LÝ CHÁNH TRUNG *sự thách đố của người Mỹ **
NGUYỄN HIỂN LÊ *Lỗ-Tấn ** VƯƠNG HỒNG SẼN *tôi
nhớ Huế : chuyển di mười năm trước ** TẠ CHÍ ĐẠI
TRƯỜNG *sử học tranh đấu : giải-phóng lịch-sử ** VÔ
PHIẾN *từ chuyện chữ tục ** TRẦN LƯƠNG NGỌC
*thuốc điều-sinh ** NGUYỄN QUANG *thời-sự Việt-nam
dưới mắt người Âu-châu ** TRẦN QUÍ SÁCH *những kẻ
trốn chạy ** HỒ MINH DŨNG *khu chợ gió ** VÔ HỒNG
*gió cuốn ** TỬ TRÌ *thế-giới trong những tuần qua ** TRẦN
HUIỀN ÂN *con đường tuổi nhỏ ** Ý YÊN *về miền châu
thỏ ** MẠC LY CHÂU *phận mình Việt - nam ** CHU
VƯƠNG MIỆN *tình ca Việt-nam ** PHAN NHỰ THỨC
*viết trong cơn biến động Mậu-Thân ** TRẦN HOÀI
THƯ *tháp cổ ** BÁCH KHOA
THỜI ĐẠI *đọc sách giúp bạn ** TRẦN THIÊN *thời-sự văn-nghe **

273





Activité locale accrue sans répercussions générales

l'Hydrocortancyl

en applications topiques

crème

Flacon de 8 g à 0.5 p. 100
de delta-hydrocortisone
dans un excipient fluide,
non gras, hydrodispersible

collyre

Flacon compte-gouttes
contenant 3 ml soit 15 mg
de principe actif, d'une
suspension d'acétate
de delta-hydrocortisone
titrée à 0,5 p. 100

gouttes nasales

Acétate de delta-hydro-
cortisone en suspension
aqueuse titrée à 0,50 p. 100
Flacon de 8 ml

LES LABORATOIRES ROUSSEL

35, BOULEVARD DES INVALIDES - PARIS 7^e

ROUSSEL VIETNAM, 6, Boulevard Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : **PHARMASIA, 246, Rue Công-Quynh - SAIGON**



B Á C H

K H O A T H Ò I - Đ A I

Số 273 ngày 15 - 5 - 1968

LÝ CHÁNH TRUNG <i>sự thách đố của người Mỹ (giới-thiệu)</i>	3
NGUYỄN HIỂN LÊ <i>Lỗ-Tấn (1881-1936)</i>	11
VƯƠNG HỒNG SẼN <i>tôi nhớ Huế : chuyển đi mười năm trước</i>	17
TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỞNG <i>sử-học tranh đấu : giải-phóng lịch-sử</i>	23
VÕ PHIẾN <i>từ chuyện chữ tục</i>	29
TRẦN LƯƠNG NGỌC <i>thuốc điều-sinh</i>	37
NGUYỄN QUANG <i>thời-sự Việt-nam dưới mắt người Âu-châu</i>	43
VÕ HỒNG <i>gió cuốn (truyện dài)</i>	47
Ý YÊN <i>về miền châu thổ (thơ)</i>	57
TRẦN HUIỀN ÂN <i>con đường tuổi nhỏ (thơ)</i>	58
TRẦN QUÍ SÁCH <i>những kẻ trốn chạy (truyện)</i>	59
BÁCH-KHOA THỜI-ĐẠI <i>đọc sách giúp bạn : Người Việt, đất Việt (Toàn-Ánh, Cửu-Long-Giang) ; Về nguồn (Hoài-Mai)</i>	63
TRÀNG THIÊN <i>thời-sự văn-ngệ</i>	66
HỒ MINH DŨNG <i>khu chợ gió (truyện)</i>	68
CHU VƯƠNG MIỆN <i>tình ca Việt-nam (thơ)</i>	77
PHAN NHỰ THỨC <i>viết trong cơn biến động Mậu-Thân (thơ)</i>	78
TRẦN HOÀI THƯ <i>tháp cò. (thơ)</i>	79
TỪ TRÍ <i>thế giới trong những tuần qua.</i>	80

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU
Tòa soạn :
 160, Phan-Đình-Phùng Saigon
 Điện-thoại : 25.539
 H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI
133 Võ-Tánh Saigon
GIÁ : 25\$ Công sở Giá gấp đôi
 Cao Nguyên và Miền Trung :
 thêm cước phí máy bay

HỢP THƯ

— *Bách-khoa đã nhận được những bài sau đây : Đêm đã xuống rồi ; Bữa điểm-tâm của mặt trời và mặt trăng, Tình yêu của mặt trời và mặt trăng (Việt-Quốc-Hùng). Tết con khỉ ; Cho đỡ buồn em nhé ! Những cái may nhất trong trận chiến Tết Mậu-Thân ; chuyện Huế-đô (Hoài-Lang). Vòng tay xuống chài bờ đê cát trắng ; Những khung trời thiếu nắng ; Sự thực của niềm ước-vọng hôm nay ; Học trò chúng tôi. Hãy thấp nển và chấp tay nguyện cầu ; Tâm sự với anh em có mặt hôm nay ; (Nguyễn-duy-Kha). Trong giấc quan-san ; Trong đêm tháng Giêng ; Vô căn, (Quang-Hoài). Lửa thiêng thế-kỷ ; 9 tháng Giêng (Việt-Huy Nguyễn-Tuấn-Quốc). Bốn mùa vốc dáng (Công - Trúc - Nguyễn). Vòng đai thân phận (Tư-Uyên-Nho). Hoang đồ*

hôm nay ; Giữa lòng trần gian ; Ước vọng mới (Phạm-myên-Tông).

Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ **Bách Khoa** mà vẫn chưa đăng (trừ **THƠ** và trường hợp có thư riêng) thì các bạn coi như là không đăng được mà thông cảm cho, Đa tạ.

— *Ô. Chu-vương-Miền* : xin anh cho tòa soạn biết địa-chỉ hiện nay của anh.

— *Ô. Lữ-Quỳnh* : Đã nhận được các sáng tác của anh. Sẽ lựa đăng.

— *Ô. Phan-nhự-Thức* : Sẽ có thư riêng gửi anh đề nói nhiều chuyện hơn.

Địa chỉ mà anh muốn biết như sau : T.Q.S. Đ.đ. 405 thám kích KBC 4061. Đã chuyển thư của anh rồi.

CÁO LỖI

Bài « *Martin Luther King người con da đen của thánh Gandhi* » của L. M. Nguyễn-ngọc-Lan khởi đăng trên *Bách-Khoa* số 271 (15/4/68), viết theo Lerone Bennett, mà cuốn sách « *Đời tranh đấu của Martin Luther King* » do Ca-Dao xuất bản cũng dịch theo cuốn sách của tác-giả trên đây. Bởi vậy L. M. Nguyễn-Ngọc-Lan xin ngưng loạt bài đã viết đề

mời độc-giả đọc cuốn sách do Ca-Dao xuất bản sẽ phát hành vào tháng 5/68 này.

Mặt khác vì lý do thời cuộc nên số báo này ra trễ mất 2 ngày.

Vậy xin trân trọng cáo lỗi cùng quý vị độc-giả.

Tòa soạn **BÁCH KHOA THỜI ĐẠI**

GIÁ BÁO DÀI HẠN

Một năm	(24 số) :	520 đ.
Sáu tháng	(12 số) :	270 đ.

Miền Trung và Cao nguyên : thêm cước phí máy bay, một năm 30 đ.
Ngoại quốc : cước phí tàu thủy một năm 50 đ.

Sự thách đố của người Mỹ

Cách đây mấy mươi năm, Paul Valéry đã viết : « Rõ ràng là Âu-Châu thèm muốn được cai-trị bởi một Ủy-Hội Mỹ. Tất cả chánh-sách của Âu-Châu hướng về đó. » (1)

Cho tới nay, chưa có một « Ủy-hội Mỹ » nào cai-trị Âu-Châu, nhưng lời cảnh cáo của Valéry vẫn đúng : Âu-Châu chưa bị người Mỹ đô-hộ về mặt chánh-trị, nhưng đang lo người Mỹ xâm chiếm về mặt kinh-tế. Cuộc xâm chiếm này trầm trọng cho đến nỗi ông Wilson, Thủ-tướng Anh và có tiếng là thân Mỹ, đã phải lo ngại một « chế-độ nô-lệ mới » trong phạm-vi kỹ-nghệ mà Mỹ sẽ gán lên vai Âu-Châu, từ đây đến năm 1980. (2)

Cuộc « xâm lăng kinh tế » của người Mỹ đã xảy ra như thế nào, tại sao nó đã có thể xảy ra và Âu-Châu phải làm gì để đối phó, đó là đề-tài của quyển « Le défi américain » (Sự thách đố của người Mỹ) mà J. J. Servan Schreiber, chủ nhiệm tuần báo Express, đã cho xuất bản vào cuối năm 1967, một cuốn sách đang bán chạy nhứt tại Pháp và đã gây nhiều xôn xao trong dư-luận.

Đây là một cuốn sách quan trọng. Không những vì đề-tài mà còn vì tác-giả của nó. Ông Servan Schreiber là một trí-thức « thiên tả » thuộc thể hệ tương đối trẻ, tốt nghiệp trường Bách-khoa, đã từng cộng tác với các ông Mendès-France, Deferre, và hiện là một trong những đại diện tiêu biểu nhứt của khuynh hướng « kỹ thuật gia » (technocratitique) trong hàng ngũ tả phái. Khuynh hướng này muốn có một tả phái mới, có khả năng điều khiển chánh quyền một cách hữu hiệu trong khuôn khổ chế-độ tư-bản, để thực hiện những mục tiêu cụ thể của [xã-hội chủ-nghĩa, hơn là đeo đuổi một cuộc Cách mạng lý thuyết mà họ cho là không thể thực hiện được trong hoàn cảnh hiện tại của Âu-Châu : Ông François Mitterand, người có hy vọng đắc cử Tổng-Thống Pháp sau De Gaulle, và hiện là Chủ-Tịch của Liên-Hiệp Tả Phái, có thể được xem là gần với khuynh hướng này :

Vì tầm quan trọng của cuốn sách và cũng vì những vấn đề căn bản mà nó đã nêu lên, không những cho Âu-Châu mà còn cho những phần khác của thế-giới, tôi sẽ trình bày và phê bình hơi dài giòng và xin cáo lỗi trước cùng độc giả về khuyết điểm ấy.

(1) Notes sur la grandeur et décadence de l'Europe.

(2) Dẫn trong bài thuyết-trình của ông R. Mc. Namara, tháng 2 - 1967, đăng lại trong « Le défi américain » trg. 90.

Cuộc đổ bộ lên Âu-Châu :

Trong vòng 10 năm qua, kể từ ngày thành lập Khối Thị-trường-chung, các xí-nghiệp Mỹ đã đầu tư vào Tây-Âu đến 14 tỷ Mỹ-kim và cứ đầu tư mỗi năm một nhiều hơn.

Âu-Châu, với một thị-trường rộng lớn hơn nước Mỹ, với một dân số tăng gia nhanh hơn và có một mĩ-lực tương đối cao, đã trở thành một thứ Far-West mới cho giới đại kinh-doanh Mỹ. Trong khi các xí-nghiệp Âu-Châu còn lúng túng, trước cái khuôn khổ rộng lớn của Thị-trường vì đã quen thuộc với những biên thùi quốc-gia, vì mắc kẹt trong những thủ tục, phương-pháp cồng kềnh, vì thiếu phương-tiện và sáng-kiến, thì những xí-nghiệp khổng lồ Mỹ đã ồ-ạt « đổ bộ » để xâm chiếm Thị-trường, với những phương-tiện dồi dào, những sáng-kiến táo-bạo, những phương-pháp tinh vi và những chiến-lược dài hạn ăn khớp với khuôn-khổ của Thị-trường. Người Âu-Châu đã sáng-tác Thị-trường-chung ; nhưng chỉ có người Mỹ là đã « hiểu » được nó và đã tận-dụng những khả-năng của nó. Kết-quả là sau 10 năm thành-lập Thị-trường-chung bên Âu-Châu, nền kỹ-nghệ duy nhất có tính chất « Âu-Châu » là nền kỹ-nghệ Mỹ !

Cuộc đầu tư của người Mỹ không phải chỉ nhằm kiếm lời trên phương-diện tài-chánh, mà nó còn nhằm xâm-chiếm hẳn những lãnh-vực kỹ-nghệ để kiểm-soát : mở xí-nghiệp mới hoặc mua lại xí-nghiệp của người Âu-Châu. Những lãnh-vực này thường là những ngành kỹ-nghệ tiên-phong, đòi hỏi một trình-độ kỹ-thuật cao, một nhịp độ cải tiến nhanh, một phân số phát-triển lớn, những điều mà Âu-Châu « khó » lòng, « cạnh-tranh » với Mỹ. Đó cũng là những ngành có

một vai trò quyết-định cho tương-lai.

Hiện nay, người Mỹ kiểm-soát 15% những ngành chế-tạo sản-phẩm tiêu-thụ, và từ 50% đến 95% các ngành kỹ-nghệ điện-tử. Mà, như chúng ta sẽ thấy kỹ-nghệ điện-tử là yếu-tố căn-bản của cuộc « Cách-mạng kỹ-nghệ thứ hai » (2e. Révolution industrielle). Trong cuộc Cách-mạng kỹ-nghệ thứ nhất, sức người đã được thay thế bằng những bộ máy cơ-khí. Trong cuộc Cách-mạng thứ hai, óc người sẽ được thay thế bằng những bộ máy điện-tử (ordinateurs). Những nước nào không đủ khả-năng tự mình sản-xuất những bộ máy này sẽ đi trễ một cuộc cách-mạng và sẽ mất quyền tự-chủ kinh-tế, dầu đã có một nền kỹ-nghệ tân-tiến, giống như các nước chậm tiến hiện nay chưa sản-xuất được những máy cơ-khí vậy.

Trước sự xâm-nhập của người Mỹ, các nước Âu-châu như lâm vào một tình-thế tấn thối lưỡng nan : nếu cứ để người Mỹ tự do đầu tư thì chẳng bao lâu nữa kỹ-nghệ Âu-châu — ít nữa là những ngành tiên-phong — sẽ trở thành một chi-nhánh của kỹ-nghệ Mỹ ; ngược lại, những biện-pháp ngăn chặn cuộc đầu-tư chẳng những sẽ không có hiệu quả gì trên thực-tế mà còn làm cho Âu-châu mắc kẹt trong tình-trạng chậm tiến đối với Mỹ. Trong cả hai trường-hợp, Âu-châu sẽ không còn là một lực-lượng có tầm quan-trọng thế-giới, và tệ hơn nữa, sẽ không còn nắm được vận mạng của mình. Các Quốc-hội Âu-châu có thể thảo-luận và biểu-quyết việc này việc nọ, các chánh-phủ Âu-châu có thể ban hành sắc-lệnh này, nghị-định kia, nhưng số phận của Âu-châu sẽ do những đại xí-nghiệp Mỹ quyết-định từ bên Mỹ.

Cho nên vấn-đề không phải là buông

xuôi để cho người Mỹ mặc tình thao túng kinh-tế Âu-châu, mà cũng không phải là xua đuổi người Mỹ, cô-lập-hóa Âu-châu trong những vòng đai ảo-tưởng. Vấn-đề là phải tạo những điều-kiện, ngay từ bây giờ, để Âu-châu có thể trở thành một lực lượng ngang hàng với Mỹ hầu tiếp tục làm chủ vận-mạng của mình

Trái với lập-trường thông thường của tả phái, Servan-Schreiber nhìn nhận những khía cạnh tích-cực và hữu ích của nền kỹ-nghệ Mỹ tại Âu-Châu. Hơn nữa, ông cho rằng sự xâm chiếm của người Mỹ không nằm trong một chánh-sách đế-quốc chánh-trị theo nghĩa cổ-điển, mà chỉ là hậu quả của cái sức mạnh quá lớn (surpuissance) của nước Mỹ. Cho nên muốn đương đầu hữu hiệu với người Mỹ, chỉ có một cách là trở thành một lực lượng như họ. Và muốn được mạnh như họ, phải nhận định chính xác những yếu-tố đã tạo nên sức mạnh ấy.

Sức mạnh và giáo dục

Ngày nay, với một diện tích bằng 70% diện tích hoàn cầu, với một dân số bằng 60% dân số nhân loại, nước Mỹ sản xuất một phần ba sản phẩm và tiêu thụ một phần ba năng lượng của toàn thế-giới. Một phần ba đường xá trên thế giới là đường xá Mỹ, 3 chiếc xe du-lịch trên 5 chiếc là xe Mỹ v.v. Năm 1950 chỉ có 70% gia-đình Mỹ có lợi-tức trên 10.000 Mỹ kim hàng năm, nhưng 15 năm sau, tỷ-lệ này đã vọt lên tới 250%. Ngược lại, cũng trong thời-gian ấy, tỷ-lệ các gia-đình có lợi tức dưới 3.000 Mỹ-kim đã từ 300% giảm xuống còn 170%.

Động cơ của sự thịnh vượng vô song ấy là xí-nghiệp Mỹ, đặc biệt là những xí-nghiệp khổng-lồ có thể đạt tới hiệu-năng tối đa nhờ các phương-pháp quản-trị khoa

học (management) liên-kết với sự phát-minh, cải-tiến kỹ-thuật liên-tục. Hiệu-năng càng lớn thì lãi càng to (1), lãi càng to thì xí-nghiệp càng có thể đổ nhiều tiền vào công cuộc đầu tư và nghiên cứu, và kết quả của sự đầu tư, nghiên-cứ, là tăng-gia hiệu-năng .. : xí-nghiệp cứ thế phát triển theo một hình tròn-ốc (spirale). Một xí-nghiệp như Dupont de Nemours lời một năm trên 300 triệu Mỹ-kim và dành trên 100 triệu cho công cuộc nghiên cứu (2). Ngoài ra, một xí-nghiệp có hiệu-năng cao và kỹ-thuật tân-tiến sẽ có nhiều may mắn được thầu những dự-án của Chánh-phủ.

Chánh-phủ Liên-bang càng ngày càng có một vai trò quyết-định trong phạm vi kinh-tế cho những dự-án mỗi ngày thêm quan trọng và sự đóng góp mỗi ngày một lớn hơn vào công cuộc nghiên cứu. Trong những ngành tiền-phong như kỹ-nghệ không-gian, sự đóng-góp của Chánh-phủ lên tới 90%.

Sau cùng, các viện Đại-Học Mỹ không sống biệt lập trong cái tháp ngà như các Viện Đại-Học Âu-Châu mà trái lại, hợp tác chặt chẽ với các xí-nghiệp trong việc nghiên cứu.

Sự liên-kết giữa Chánh-quyền, xí-nghiệp và Đại-Học đưa đến cái mà người Mỹ gọi là sự « phát-triển phối-hợp » (développement combiné, cross-fertilization).

Như vậy, khả-năng quản-trị và khả-

(1) Phân số lãi trung bình của xí-nghiệp Mỹ là 7,09% (năm 1965) so với 3,01% của xí-nghiệp Âu-Châu. Trong những ngành tiền phong, phân số lãi là từ 12% tới 30% số vốn...

(2) Nghĩa là gần 20 tỷ bạc V.N. Để có một yếu tố so sánh, ngân sách của Bộ Giáo-dục V.N. năm 1966 là 2 tỷ rưỡi bạc V.N.

năng phát-minh, cải-tiến là hai yếu-tố căn-bản của sự thịnh-vượng Mỹ. Và cả hai yếu-tố này đều dựa trên một yếu-tố căn-bản hơn nữa là giáo-dục : giáo-dục đại-chúng, tân-tiến và liên-tục. Càng có nhiều người được học-tập và học-tập tới nơi tới chốn với đầy đủ phương-tiện, thì càng có nhiều tài-năng được phát-triển và sự tiến-bộ sẽ càng nhanh ; tiến-bộ càng nhanh thì càng phải học-tập để theo kịp những kiến-thức, phát-minh mới ; cuối cùng thì mọi người phải học và học suốt đời.

Chính nền giáo-dục Mỹ mới là cái nguyên-nhân chánh-yếu của sức mạnh Mỹ.

Từ 1930 tới 1965, ngân-sách dành cho giáo-dục bên Mỹ đã tăng từ 3,2 tỷ Mỹ-kim đến 39 tỷ. Tỷ-lệ sinh-viên Đại-Học so với số thanh-niên từ 20 tới 24 tuổi đã từ 4% năm 1900 tăng đến 43% năm 1965 (1). Ngân-sách dành cho công cuộc nghiên-cứu đã tăng từ 166 triệu năm 1930 lên 19 tỷ năm 1964.

Kết quả là nước Mỹ hàng năm có 450.000 người tốt-nghiệp Đại-học trong đó có 78.000 khoa-học và kỹ-thuật-gia, trong khi Âu-châu, với một dân số đông hơn, chỉ đào tạo được 101.000 người tốt-nghiệp Đại-học trong đó chỉ có 25.000 khoa-học và kỹ-thuật-gia (2).

Đầu tư vào giáo-dục là đầu tư vào kinh-tế. Servan - Schreiber đã dùng những con số nói trên và hai tài liệu (một luận án của ông Edward F. Denison và một bài thuyết trình của ông Robert Mc. Namara) để cho thấy rằng sự thua sút của Âu-châu đối với Mỹ, trên căn bản, bắt nguồn từ sự lạc hậu, nghèo đói của nền giáo-dục Âu-châu.

Ngoài yếu tố giáo-dục, còn một yếu-tố căn bản thứ hai, cũng cần thiết cho sự quản trị và phát minh, là những bộ máy

điện tử mà vai-trò cách-mạng sẽ có tính cách quyết-định từ đây tới cuối thế-kỷ. Những bộ máy này không những là những dụng cụ tính toán chính-xác, nhanh chóng, những dụng-cụ phân tách tinh-vi hơn cái bộ óc chậm chạp lăm càm của con người, mà còn là những dụng cụ " thông-tin " vô cùng hữu hiệu và đây mới là nhiệm vụ chánh của nó.

Những bộ máy này có thể tích trữ tất cả những tài-liệu chữ viết trong phạm vi nào đó rồi trả lời bằng lời nói cho những người cần đến những tài liệu này, trong khoảng thời gian một cuộc nói chuyện thông thường, nghĩa là người hỏi sẽ khỏi mất công tìm và đọc tài-liệu. Có thể quan-niệm một bộ máy khổng lồ có khả năng tích-trữ tất cả những tài-liệu chữ viết trên toàn thế-giới để " thông-tin " cho mọi người trên toàn lãnh-tho nước Mỹ. Một bộ máy như vậy là điều có thể làm được : hiện nay người ta ước lượng tất cả các tài liệu chữ viết được chất chứa trong tất cả thư-viện của thế-giới có thể được tượng trưng bằng 10^{15} dấu hiệu (một ngàn tỷ signes) ; người Mỹ sắp tung ra thị-trường những bộ máy có thể tích-trữ 10^{12} dấu-hiệu.

Trong bất cứ ngành học nào, số tài-

(1) Nghĩa là cứ khoảng hơn 2 thanh-niên Mỹ đến tuổi vào Đại-Học thì có 1 người được vào : Tỷ-lệ này là 24% tại Nga (cao nhất sau Mỹ), 16% tại Pháp, 13,5% tại Nhật. Số sinh-viên Mỹ là 5.526.000 so với 4.000.000 tại Nga, 500.000 tại Pháp, 1.370.000 tại Nhật.

(2) Cần phải nói thêm rằng một số quan trọng những khoa-học và kỹ-thuật-gia xuất-sắc của Âu-châu lại sang Mỹ làm việc do sự mời mọc của các xí-nghiệp hoặc Đại-học Mỹ, không những vì được hưởng đồng lương cao hơn và cũng vì tại Mỹ họ có đầy đủ phương-tiện để tìm tòi, nghiên cứu. Các nước Âu-châu đã bắt đầu bực bội về hiện-tượng này mà người Anh đã gọi là " brain drain " (chảy óc-

liệu chữ viết mỗi ngày một tăng gia một cách khủng khiếp. Chỉ riêng Mỹ, trong phạm vi khoa-học kỹ-thuật, hàng năm có tới 100.000 bản phúc-trình, 900.000 bài báo chuyên-môn và 7.000 sách khảo cứu. Không ai có thể đọc và nhớ cho hết, do đó những bộ máy điện-tử càng ngày càng cần thiết cho công cuộc nghiên cứu và càng có nhiều máy thì tiến bộ sẽ càng nhanh.

Năm 1967, người Mỹ đã sử dụng 40 000 máy, họ sẽ có 80.000 máy trước 1975 và họ đang nghiên cứu việc áp dụng những máy này vào phạm vi giáo dục. Đây là cái "hố" lớn nhất và khó lấp nhất giữa Mỹ và Âu Châu.

Thiên-đàng hậu-kỹ-nghệ

Với những phương-tiện như thế và với tốc-độ phát-triển hiện nay, có thể đoán chắc rằng nước Mỹ sẽ hoàn thành cuộc Cách-mạng kỹ-nghệ thứ hai vào năm 1980, đạt tới một « cấp bậc văn-minh » cao hơn Âu-Châu. Khi đó, sự cách biệt giữa Mỹ và Âu-Châu sẽ không còn thuộc về trình-độ (degré) mà sẽ thuộc về bản-chất (nature).

Servan Schreiber đã lấy lại khái-niệm « xã-hội hậu-kỹ-nghệ » của Herman KAHN (1) để chứng tỏ sự cách biệt đó và đã tóm lược đại-cương bản báo-cáo, mà Kahn sẽ cho xuất-bản năm nay, về sự phát-triển dự đoán của các quốc-gia trên thế-giới từ đây tới năm 2.000.

Kahn đã phân biệt 5 loại xã-hội, căn cứ trên số lợi-tức trung bình hàng năm của mỗi đầu người:

— Xã-hội tiền-kỹ-nghệ : từ 50 tới 200 Mỹ-kim.

— Xã-hội đang kỹ-nghệ-hóa : từ 200 tới 600 Mỹ-kim

— Xã-hội kỹ-nghệ : từ 600 tới 1.500 Mỹ-kim

— Xã-hội kỹ-nghệ tân-tiến hay xã-hội tiêu-thụ (société de consommation) : từ 1.500 tới 4.000 Mỹ-kim

— Xã-hội hậu kỹ-nghệ : từ 4.000 tới 20.000 Mỹ-kim.

Theo dự đoán của Kahn thì từ đây tới năm 2000, chỉ có 4 nước sẽ đạt tới tình trạng hậu-kỹ-nghệ : Mỹ, Nhật, Gia-nã-đại và Thụy-Điển. Tây-Âu và Nga sẽ còn trong tình-trạng « kỹ-nghệ tân tiến ». Chỉ có 8 nước chậm tiến vươn tới tình trạng kỹ nghệ và những nước còn lại, kể cả Trung-Hoa và Ấn-độ, sẽ còn lẹt đẹt ở tuốt hàng sau, với cái lợi tức dưới 600 Mỹ-kim (2).

Trong những đặc tính của xã-hội hậu kỹ-nghệ, có những điểm quan trọng sau đây :

— Đa số các hoạt-động kinh-tế sẽ thuộc về phạm-vi đệ-tam (tertiaire) và đệ-tứ (quaternaire), nghĩa là phạm vi những dịch-vụ (đệ-tam) và những hoạt-động vô vụ lợi không còn lệ-thuộc những định-luật của thị-trường (đệ-tứ) như nghiên-cứu, văn-nghệ v.v...

— Yếu-tố tiến-bộ chánh yếu sẽ là giáo dục

— Thời gian và không gian sẽ thâm ngắn lại trong sự tương giao giữa người với người.

— Sự cách biệt giữa người giàu và người nghèo sẽ giảm bớt.

Riêng tại Mỹ, vào năm 2000, lợi tức

(1) Kahn là một trong những người đã điều-khiển cơ-quan nghiên-cứu Rand Corporation và sau đó tách ra để lập viện Hudson Institute.

(2) Điều lạ lùng là một người có óc phê-bình như Servan-Schreiber lại chấp-nhận tất cả những dự-đoán của Kahn như một lời sấm mà không bình-luận gì ráo.

trung bình cho mỗi đầu người sẽ lên tới 7.500 Mỹ-kim, người ta sẽ làm việc mỗi tuần 4 ngày, mỗi ngày 7 giờ, tính chung một năm chỉ còn 147 ngày làm việc so với 218 ngày nghỉ !

Hiện nay Âu-Châu và Mỹ còn được bao gồm trong cái khái-niệm « xã-hội tiêu thụ » mặc dầu có khác nhau về trình-độ (lợi-tức của người Mỹ là 3.500 Mỹ kim của người Âu là 1.800 Mỹ kim). Nhưng chỉ trong vòng một thế-hệ, người Mỹ sẽ bay vù lên cái Thiệt-đang hậu-kỹ-nghệ và trên đó, sẽ không có mặt người Âu-Châu, nếu Âu-Châu không chịu cải-tổ sâu rộng từ đây tới năm 1980 — là những năm quyết-định — để theo kịp người Mỹ.

Cải tổ cách nào ?

oOo

Âu-châu và vai trò của phe tả

Phe tả Âu-châu chia thành 2 khuynh-hướng : cách-mạng và cải-lương. Các đảng Cộng-sản lãnh-đạo khuynh-hướng thứ nhất, các đảng Xã-hội lãnh-đạo khuynh-hướng thứ nhì. Thật ra, cứu cánh của họ là một : thay thế chế-độ tư-bản bằng chế độ xã-hội chủ-nghĩa mà nền-tảng là một hệ-thống kinh-tế tập-sản chỉ-huy ; họ chỉ khác nhau về phương-tiện : thay thế bằng một sự lật đổ toàn diện tức khắc hoặc bằng những cải-tổ cục-bộ từ từ, bằng những phương pháp bạo động hoặc bằng một cuộc tranh đấu hợp-pháp trong khuôn khổ chánh-thề dân-chủ v.v. Kẻ thù chung của họ là các đại xí-nghiệp, rường cột của chế-độ tư bản...

Servan Schreiber đã gạt bỏ dứt khoát cả hai khuynh-hướng cổ-truyền của phe tả. Đối với ông, không có vấn-đề thay thế chế-độ kinh-tế tư-bản bằng một chế-độ kinh-tế tập-sản chỉ-huy, bởi cái lý do giản dị là nền kinh-tế tập-sản chẳng làm nên cái tích sự gì, bằng cớ là nước Nga,

theo lời sấm của cụ Trạng Herman Kahn, đã bị loại khỏi cuộc chạy đua tới cái Thiên-đàng hậu-kỹ-nghệ, ngay từ bây giờ ! Âu-Châu thua Mỹ vì nền kinh-tế tư-bản Âu-Châu quá lạc-hậu. Vậy muốn theo kịp Mỹ, chỉ có một cách là áp dụng phương pháp phát triển của Mỹ, như 6 biện pháp mà Servan-Schreiber đề-nghị cho thấy rõ :

— thành lập những đơn-vị kỹ-nghệ lớn có thể cạnh tranh với những xí-nghiệp khổng-lồ Mỹ.

— tập-trung sự cố-gắng vào những ngành kỹ-nghệ tiên phong để bảo tồn sự tự-chủ của Âu Châu.

— thiết lập một quyền-hành liên-bang tối-thiểu cho Âu-Châu, ít nữa là trong phạm vi kinh-tế.

— hợp tác giữa Xí-nghiệp, Đại-học và Chánh quyền.

— giáo-dục đại-chúng và sâu rộng cho thanh niên, liên tục cho các người lớn tuổi.

— cách-mạng các kỹ-thuật tổ-chức và quản-trị.

Nói cách khác, phải thống nhất Âu Châu, không phải dưới ngọn cờ của xã-hội chủ-nghĩa mà dưới ngọn cờ của các đại xí-nghiệp, rường cột của chế-độ tư-bản, kẻ thù truyền kiếp của xã-hội chủ-nghĩa.

Tuy nhiên, Servan Schreiber vẫn là người của tả phái, hoặc tự xem như vậy. Cho nên trong công cuộc cứu vãn Âu-Châu khỏi cái thân phận bi-đát của Rome và Byzance thời suy-mạt, ông cho rằng tả-phái có một vai-trò quyết-định. Bởi vì mặc dầu chủ-trương áp-dụng kiểu-mẫu phát-triển của Mỹ, ông vẫn muốn cho Âu-Châu giữ được gương mặt « độc-đáo » của mình, trở thành một

« tâm - điểm văn-minh độc-đáo và tự-chủ », chứ không phải một nước Hoa-kỳ thứ hai. Ông cho là có thể làm được việc ấy và đã trưng ra trường-hợp của Nhựt để làm bằng: Nhựt vẫn là Nhựt, với một đường lối phát-triển độ-đáo của Nhựt, mặc dầu giới đại kinh-doanh Nhựt đã áp-dụng triệt-đề phương-pháp Mỹ.

Mà cái gì là độc-đáo của Âu-Châu? Theo Servan Schreiber, đó là những giá-trị đã làm lý-tưởng cho phe tả từ hồi nào tới giờ: sự đòi hỏi công bằng và niềm tin nơi con người (tr. 223).

« Cái gì là độc-đáo của Âu-Châu... phần lớn là do sự đóng góp của tả-phái. Tương-lai của một Âu-Châu tự-chủ và tương-lai của một tả-phái hiện-đại chổng chéo lên nhau » (tr. 225).

Cho nên những chương cuối cùng của cuốn sách, nhằm hoạch-định một đường-lối hoạt-động mới (đừng nói tới chữ « tranh-đấu », đã lỗi thời...) cho cái tả-phái hiện-đại của Servan Schreiber. Nói chung thì đó là một tả-phái « có tinh-thần trách-nhiệm », chứ không còn chỉ trích phá-phách lung tung, một tả-phái « biết quản-trị » (une gauche de gestion) đã từ bỏ dứt khoát cái ý-chí « cứu-thế bằng cách-mạng » (messianisme révolutionnaire) để chỉ còn giữ lại những cứu-cánh cụ-thể của vũ lực chủ-nghĩa và hành động hữu hiệu để đạt tới những cứu-cánh này, tóm lại một tả-phái biết nắm chánh-quyền và quản-trị nền kinh-tế một cách lâu dài chứ không chỉ đứng về phía đối-lập để kêu gào công bằng xã-hội.

Servan-Schreiber đã dành nguyên một chương để chỉ-trích tới bởi sự cô đọng, bất lực và bế-tắc của tả-phái hiện nay mà cái nguyên-nhân chánh, theo ông,

nằm trong cái truyền-thống cách-mạng của tả-phái.

Vì cứ muốn trung thành với hai chữ « Cách-mạng », phe tả luôn luôn ngã về sự chỉ trích và yêu sách lung tung vô-trách-nhiệm (chẳng hạn vừa đòi tăng lương, giảm thuế, vừa đòi hạ giá sinh-hoạt v.v...), và do đó, luôn luôn có mặc-cảm đối với đảng Cộng-sản là đảng chủ-trương chỉ-trích triệt-đề và Cách-mạng triệt-đề. Kết quả là những người của phe tả thường chỉ biết « làm chứng » (témoigner) cho lý-tưởng bằng cách cố gắng bảo tồn sự « trong sạch » của mình — nhưng ở điểm này, họ lại vẫn thua người Cộng-sản! — hơn là hành động hữu-hiệu để thể-hiện lý tưởng. Cho nên phải dứt-khoát với hai chữ « Cách-mạng », không những vì trong hoàn-cảnh hiện-tại của Âu-châu, một cuộc Cách-mạng « vừa không thì làm, vừa không nên làm » mà còn vì hai chữ Cách-mạng, bắt đầu có một tác-dụng tâm-lý tai hại đối với quần-chúng.

Lấy lại lập luận của một nhà xã-hội-học Mỹ, ông Jesse Pitts, Servan-Schreiber cho rằng niềm hy vọng nơi Cách-mạng hiện đang đóng một vai trò tương tự như niềm tin tôn-giáo mà Marx đã lên án trong thế-lý 19. Ngày trước, những thương-phần, bị bạc đãi trong xã-hội chờ đợi một sự thưởng-phạt, đền bù xứng đáng ở đời sau; ngày nay họ chờ đợi sự thưởng-phạt, đền bù ấy ngay từ đời này, trong một cuộc Cách-mạng. Nhưng viễn-ảnh Cách mạng mỗi ngày một xa vời và niềm hy-vọng của họ cũng hao huyền như niềm tin tôn-giáo. Nó chỉ giúp họ chịu đựng dễ dàng hơn những bất công, đau khổ hiện tại, do, đó 2 chữ Cách-mạng không còn là một chất nổ mà đã trở thành một thứ thuốc phiện » (tr. 235) ru ngủ

quần chúng, biện minh cho cái lập-trường có tiếng là « cách-mạng » nhưng thật sự là *bảo thủ* của phe tả.

Dứt khoát với Cách-mạng, phe tả « mới » sẽ tìm những phương-thức hành động hữu hiệu — mà *chánh quyền* là phương-thức hành-dộng hữu-hiệu nhất, vì theo Servan-Schreiber, *chánh quyền* hiện-đại không còn có tác dụng làm hư hỏng tàn lụi con người như trước kia, mà trái lại, làm cho con người đổi mới, bằng cơ là ông Pompidou đã bỏt phần động rất nhiều từ ngày làm Thủ-Tướng ! — để thực hiện một cuộc phát-triển trong công-bằng. Phát-triển là điều-kiện để thực hiện công bằng và ngược lại công bằng là điều kiện để có một cuộc phát triển đều-hòa và bền vững. Muốn phát triển trong công bằng, phải hoạch-định một chiến lược kỹ-nghệ (*stratégie industrielle*) song song với một *chánh sách lợi tức* (*politique des revenus*) nhằm nâng đỡ các thành phần bị thiệt thòi trong cuộc phát triển.

Nhưng muốn được như vậy, giai-cấp lao-động, dưới sự lãnh-đạo của phe tả, phải « gia nhập » (*s'intégrer*) vào công cuộc phát triển, chấm dứt bầu « không khí nội chiến » làm tắc nghẽn mọi cuộc đối-thoại giữa chủ-nhân và công-nhân, nói trắng ra, phải hợp tác thay vì tranh đấu.

« Không thể vừa gây mầm phản loạn vừa gây ý-thức trách-nhiệm ; đào tạo một đạo quân gồm những kẻ phá rối đồng thời với một đạo quân gồm những người quản-trị hữu-hiệu. » (tr. 267).

Tóm lại, tất cả vấn đề là làm sao phối hợp phát-triển với công bằng. Nền kinh-tế đại tư-bản theo kiểu Mỹ *bảo đảm* cho sự phát-triển. Nhưng « nếu không có sự can thiệp của một nguyên-tắc công bằng, sự phát triển phi thường của khoảng cuối thế-kỷ này có thể đẻ ra một xã-hội tàn-bạo » (tr. 246). Cho nên một xã-hội phát-triển cần đến sự hiện diện của phe tả như một *bảo đảm* cho công bình. Nhưng

nếu phe tả không nhận phần trách-nhiệm của mình trong cuộc phát-triển mà chỉ đối lập đề đòi hỏi công bằng, thì sẽ ngăn chặn cuộc phát triển và do đó, cũng không thực hiện được công bằng. Sự hòa hợp giữa phát triển và công bằng đòi hỏi sự hòa hợp giữa chế-độ tư-bản và tả-phái, và sâu xa hơn nữa, sự hòa hợp giữa các người « biết quản trị », của những *kỹ-thuật gia* (*technocrate*) đầu họ là Tổng-giám-đốc một đại xí-nghiệp, Chủ-tịch một Công-đoàn hay là Thủ-tướng một Chánh-phủ.

Từ 35 năm nay, nước Thụy-Điền đã phát triển vượt bậc đồng thời cũng đã thực hiện công bằng xã hội đến cái mức độ cao nhất thế giới (1), dưới sự lãnh đạo liên tục của đảng Xã-hội, nghĩa là của tả phái. Trường hợp Thụy-Điền chứng minh rằng sự phối hợp nói trên có thể thực hiện được.

Liên-kết sự phát triển đại tư-bản với nguyên-tắc công bằng của tả-phái, đó là con đường tiến-bộ độc-đáo của Âu-Châu. Nếu Âu-Châu không cải tổ sâu rộng theo chiều hướng đó trong vòng 10 năm tới đây, thì sẽ « tể tàu » vĩnh viễn và người Mỹ sẽ bị « cô lập trong một thế-giới tiền-phong » (tr. 115), nghĩa là trong cái Thên-đàng hậu-kỹ-nghệ 7 500 Mỹ kim với những bộ máy điện-tử khổng-lồ của họ. Tình trạng này sẽ là một đại-họa cho Thế-giới, cho Âu-Châu và cả cho người Mỹ.

(Còn tiếp 1 kỳ)

LÝ-CHÁNH-TRUNG

Kỳ tới : Phê-bình cuốn sách : « Sự thách đố của người Mỹ »

(1) Lợi tức trung bình của người Thụy-Điền là cao nhất Âu-Châu và sự cách biệt giữa các lợi-tức là nhỏ nhất thế-giới. Chẳng hạn lợi-tức trung-bình của giới chủ-nhân là 16.217 couronnes, của giới công-nhân là 15.000 couronnes ; số lương trung-bình ở thành-thị là 16.538 couronnes, ở thôn-quê là 13.497 couronnes. Hệ-thống bảo-đảm xã-hội của Thụy-Điền là hoàn bị nhất thế-giới.



LỖ TẤN

(1881 - 1936)

(Xin xem BK. TĐ. từ số 27²)

Truyện nổi tiếng nhất mà cũng dài nhất của Lỗ Tấn (tuy dài nhất chứ cũng chỉ bằng một truyện trung bình độ dăm sáu chục trang) là *Ả Q* chính truyện đăng trên *Thần báo* năm 1921 và in trong tập *Nội hàm* năm 1923. Trên ngôi mộ của ông trong một nghĩa địa ở Thượng Hải có hàng chữ : « Mộ của Lỗ Tấn, người đã tạo ra nhân vật *Ả Q* ». Tên ông đã truyền khắp thế giới và nhắc tới ông, ai cũng nghĩ ngay đến *Ả Q*. Tác phẩm đó đã được dịch ra các tiếng Anh, Pháp, Nga, Nhật, Ý, Ấn Độ, Đan Mạch, Argentine... Ở nước ta, trước thế chiến, vừa rồi Đặng Thái Mai đã dịch, gần đây Giản Cai dịch lại (Cảo Thơm — 1967) Nội nhan đề cũng đã kích thích ta rồi : tại sao nhân vật Trung Hoa mà lại đặt tên là *Q* ? Tác giả giảng : tên nhân vật đó, nghe gọi là Quay, nhưng ông không biết viết ra sao, vì Trung Hoa có nhiều chữ đọc như vậy, thôi thì viết tắt là *Q* cho tiện.

Truyện phản ánh đúng đời sống ở nông thôn Trung Quốc thời trước sau

cách mạng 1911. Làng Vị trong truyện như bất cứ một làng nào ở Bắc Việt thời trước, cũng có bọn vai vế cổ kết với nhau mà hống hách với bọn bần dân.

Ả Q là một tên cùng đinh, không vợ con, không họ hàng, không nhà cửa, bị áp bức đủ điều, và chỉ biết đối phó lại bằng thủ đoạn « thắng lợi tinh thần ». Bị người ta túm cổ đánh tơi bời hằn nhọc nũa chịu rồi sau trận đòn, tự an ủi : « nó đánh mình như đánh bố nó », hoặc : « nhà tao xưa kia còn có bề thế bằng mấy nhà nó kia », thế là hằn lại vui vẻ lại quán nhậu được.

Bọn phá quấy thấy vậy càng làm già, rồ cuộc đi đến chỗ ầu ẩu. *Ả Q* thua, thua trên hình thức, chiếc đuôi sam bị nứ chặt, đầu bị đập cốp cốp bốn năm cái vào tường, bấy giờ bọn phá quấy mới bỏ đi một cách hả hê đắc thắng ; *Ả Q* đứng khựng một lúc, nghĩ thầm : « Ta cứ coi như bố bị con đánh, cái thiên hạ thời nay thật chả ra thế nào... » ; thế rồi hằn cũng bỏ đi một cách hả hê đắc thắng.

Những điều *Ả Q* nghĩ thầm, về sau

nói ra miệng cả, cho nên hầu hết những người trêu trọc hẳn đều biết rằng hẳn có một phương pháp « thắng lợi tinh thần », từ đây mỗi khi gặp dịp níu chặt cái đuôi sam của hẳn, là họ nín trước :

« Ả Q ! đây không phải là con đánh bố đâu nhá, đây là người đánh con vật. Nói đi : Người đánh con vật ! »

Ả Q hai tay nắm chặt lấy đuôi sam mình, ngoẹo đầu nói : « Đánh con giun con bọ được không ? Tớ là loài giun loài bọ. Vẫn không buông à ? »

Nhưng dù là loài giun loài bọ, bọn rồi nghề cũng không buông, vẫn như cũ, lôi hẳn ra một nơi gần đâu đấy, đập đầu cộp cộp năm sáu cái rồi mới bỏ đi một cách hả hê đắc thắng, cho rằng lần này thì Ả Q thật « tiêu ». Nhưng chưa đầy mười giây sau, Ả Q lại đi rồi, một cách hả hê đắc thắng ; hẳn thấy hẳn là người có thể tự mình khinh rẻ mình vào hạng nhất, và gạt mấy chữ « mình khinh rẻ mình » ra không kể, thì vẫn là « hạng nhất » rồi.

(Chương II — Giản Chi dịch)

Đối với kẻ mạnh thì hẳn chịu nhục như vậy, còn đối bọn « cu li cu leo » thì hẳn khinh bỉ ra mặt, mà đối với kẻ yếu thì hẳn hách dịch không ai bằng.

Tâm lý « thắng lợi tinh thần » đó là một tâm lý phổ biến. Chỉ đổi tên Ả Q ra cu Tèo, cu Tẹo là thành một nhân vật trong các hương thôn Việt-Nam. Mà nào phải chỉ có hương thôn ? thành thị cũng có Ả Q. Giới nào cũng có Ả Q. Tôi nhớ đâu như Romain Rolland cũng nhận rằng trong cuộc cách mạng 1789, Pháp không thiếu gì bọn Ả Q. Ả Q đã thành một nhân vật điển hình cho tánh huênh hoang, anh hùng rơm, điển hình hơn Tartarin de Tarascon. Nhưng

Tartarin de Tarascon chỉ là truyện vui, Ả Q là một truyện chua chát, cay độc.

Tác giả đã tả được đúng tâm trạng của một hạng nông dân, mà trong đó ta còn nhìn thấy cả cái tâm trạng của vô số nhà cầm quyền Trung Quốc thời đó nữa. Thanh đình chịu hết cái nhục này tới cái nhục khác về ngoại giao, về chiến sự mà vẫn tự hào là văn minh hơn bọn « bạch quí » (trò Âu, Mỹ), bọn « mọi lùn » (trò Nhật-Bản) và đối với dân thì các cụ lớn hách dịch giê gớm lắm. Có thể nói cả Trung-Hoa thời đó mắc bệnh Ả Q.

Tác giả còn mỉa mai cách mạng Tân Hợi nữa. Khi hay tin cách mạng thành công, bọn đầu cơ làng Vị hăng hái hưởng ứng liền ; cụ Triệu không cắt hẳn cái đuôi sam đi (phòng lúc trở cờ), quấn vòng nó lên đầu, không cho người ta thấy, vì nó là di tích của Mãn Thanh, rồi đi họp với thằng Tây giả cày đề làm cách mạng, hưng rớt cuộc chẳng có gì thay đổi cả, ngoài cái tên :

Tình hình Vị trang một ngày một lắng dịu. Theo tin đồn người ta được biết quân cách mạng có vào thành, nhưng vẫn không có gì thay đổi lắm. Cụ huyện vẫn là quan, vẫn nguyên vị, có chăng là đổi cái tên gọi là quan gì gì đó, và cụ cử cũng làm cái gì gì đó — những cái tên đó người Vị trang đều mập mờ gọi là quan cả, — các ngài đeo gươm cũng vẫn là mấy ông « ách » cũ...

« Có điều ta không thể nói rằng Vị-trang không cải cách. Mấy hôm sau, cái số người quấn gọn đuôi sam trên đỉnh đầu(.) dần dần gia tăng. Người dẫn đầu là Mậu-tài công (1) rồi đến Triệu Tư Thần và Triệu Bạch Nhân, sau nữa là Ả Q.(.) Hẳn (tức Ả Q) dùng một cái đĩa tre

(1) Tức là ông Tú.

quần gọn, cái đuôi sam trên đỉnh đầu, ngần ngại hồi lâu rồi mới đánh bạo ra đi.

(Chương VIII—Giản Chi dịch).

Ả Q trước kia lên tỉnh gia nhập bọn lưu manh, ăn cắp ăn trộm rồi trở về làng dọa nạt các nhà giàu đã áp bức hắn. Nay quân đội cách mạng vô làng thì quân đội lại liên kết với bọn ác bá, xử tử Ả Q.

Cơ hồ như tác giả cho Ả Q tượng trưng xã hội cổ Trung Quốc, một xã hội hủ bại, nhút nhát và huênh hoang, đáng ghét chứ không đáng thương. Ông muốn cho nó chết đi. Ả Q phải chết thì Tân Trung Hoa mới sống được. Và ông tin rằng thế hệ sau sẽ tiến hơn thế hệ trước: Ả Q khi bị xử tội, vẽ một vòng tròn thay chữ ký trên tờ biên bản, gắng hết sức mà vòng tròn vẫn méo, và tự an ủi rằng đời con hắn, vẽ vòng sẽ tròn hơn.

Người ta đã quá đề cao Ả Q. chính truyện, khoa chiêng gõ mõ rầm rộ về nó. Đánh rằng ngọn bút Lỗ-Tấn rất cay độc mà hóm hỉnh, nhân vật Ả Q. rất điển hình, và tác-phẩm đáng kể là thành công nhất về phương diện « khiển trách », châm biếm trong văn-học Trung-Hoa ở đầu nửa thế-kỷ này; nhưng ta gặp trong đó nhiều chi tiết bông lơn, bất công (như đoạn Ả Q chỉ vì tỏ tình với mụ Ngô, chị ở nhà họ Triệu, mà bị đòn rồi phải làm lẽ tạ; và đoạn về cái chết của Ả Q.) cho nên gọi nó là « vi đại » thì cũng quá đáng. Tuy nhiên, bây giờ, gần nửa thế-kỷ sau, đọc lại nó chúng ta vẫn thấy hình-ảnh xã-hội nông-thôn của mình có vài nét phảng phất xã-hội làng Vị, thấy một vài cuộc đảo-chính của mình mà người ta gọi là cách-mạng, cũng không khác cuộc cách-mạng Tân-hội bao

nhiều, thì ta phải nhận rằng nó vẫn còn hợp thời, văn Lỗ-Tấn vẫn còn thấm thía mà văn-học của mình chưa có tác-phẩm châm biếm nào sánh được với nó. Và chúng ta vẫn nên đọc nó.

Năm 1928, nhóm *Sáng Tạo* và nhóm *Thái-Dương* (đều theo Cộng) đã tấn công Lỗ-Tấn. Trong bài *Tử khứ liễu đích Ah Q thời đại* đăng trên báo *Thái-Dương nguyệt san*, Tiền-Hạnh-Thôn bảo rằng những nét của Ả Q chỉ đúng với thời cuối Thanh thôi, Lỗ-Tấn đã bôi nhọ nông-dân Trung-Quốc, không chịu tiến kịp thời đại.

Theo Hạ-Chí-Thanh, ngoài mặt Lỗ-Tấn trả lời bằng một giọng cay độc và tự tin, nhưng trong lòng cũng đã phân vân. Tiền-Hạnh-Thôn không đứng về phương diện nghệ-thuật mà phê-bình, nhưng nhận xét của ông đáng cho ta suy nghĩ: ngày nay ở Trung-Cộng, thời của Ả Q nhất định là đã qua rồi, chắc Ả Q không còn được nhiều người đọc nữa, và có lẽ sắp tới cái lúc người ta nhận định lại giá trị của tác-phẩm đó.

oOo

Năm 1925, sau vụ Ngũ táp, một cuộc bãi khóa xảy ra ở trường Nữ Sư-phạm, Lỗ-Tấn là giáo-sư mà ủng-hộ học-sinh, nên bị cách chức. Năm sau, theo lời mời của Lâm-Ngữ-Đường, ông lại Hạ-Môn dạy văn-chương Trung-Hoa ở trường Đại-học; được ít tháng, ông lại Quảng-Châu dạy trường Trung-Sơn Đại-học; năm 1927 lên Thượng-Hải viết báo, tranh luận với nhóm *Sáng-Tạo* về cách-mạng văn-ngệ; năm sau nữa cùng với Úc-Đạt Phu cho ra tờ *Bôn lưu*, nguyệt san văn học; trong các tạp chí *Ngữ ti*, *Manh nha* ông còn đề xướng và lãnh đạo cuộc vận động phát triển tranh khắc gỗ.

Sau khi bị Tiền Hạnh Thôn đả kích,

ông nghiên cứu thêm lý luận văn nghệ mác xít, và từ năm 1929 ông thiên cộng rõ rệt, gần như đứng vào hàng ngũ cộng sản. Năm 1930 Cù Thu Bạch, một lý thuyết gia về văn nghệ trong đảng cộng đến Thượng-Hải, gặp ông và theo các tài liệu cộng sản thì « Cù thành bạn thiết của ông, đã giúp đỡ ông rất nhiều trên đường trưởng thành, trở nên một chiến sĩ cộng sản ».

Nhưng sự thực không chắc đã như vậy. Ông có tính độc lập, tự đắc, ít chịu phục ai và hơi bất bình với Cù. Vì Cù năm hết quyền hành trong hội *Tả liên*.

Hồi đó ông không những đọc mà còn dịch sách cộng sản như cuốn *Nghệ thuật luận* của Lunacharsky (1929), *Nghệ thuật luận* của Plekhanov (1930), *Thập nguyệt* của H. Jokovlev. Ông tự hào là người đầu tiên ở Trung Hoa dịch những sách ấy một cách thận trọng.

Những công trình nghiên cứu lý thuyết văn học ấy có ảnh hưởng gì nhiều tới ông không? Ảnh hưởng tới cá tính thì hình như không mà ảnh hưởng tới công việc trứ tác thì cũng không được rõ rệt.

Từ năm 1930 trở đi, dòng sáng tác của ông cơ hồ muốn cạn. Ông muốn viết một truyện đề phúng thích bọn trí thức tân thời, nhưng viết không xong. Ông thú với Phùng Tuyết Phong, một nhà phê bình Cộng sản nổi danh, rằng không sao viết được những truyện như *Nột hảm* và *Bàng hoàng* nữa, có lần ông mong được trở về quê ở Thiệu Hưng để tìm lại hứng như hồi trước. Nhưng có lần ông lại bảo đã thay đổi đường lối, không muốn viết truyện mà chỉ muốn viết tạp bút. Biết tin lời nào?

Ông thu thập những truyện cò tích mà ông đã viết lại trong những năm

1922-26, viết thêm ít truyện nữa rồi năm 1935 in thành tập *Cổ sự tân biên*. Ông mượn những truyện Nữ Oa đội đá vá trời, Hằng Nga lên cung trăng, vua Vũ trị thủy, Bá Di Thúc Tề, hoặc những truyện về Khổng Tử, Trang Tử, Mặc Tử, sửa đổi thêm thắt để tả tình cảnh đen tối đương thời, giải thích một số vấn đề lịch sử theo quan niệm của ông, ca ngợi lực lượng nhân dân...

Hoạt động mạnh nhất của ông trong thời gian này là viết tạp văn. Ông viết trong 9 năm được 9 tập tạp văn. Giọng ông lúc này gay gắt hơn những tập viết năm 1926. Văn điệu luyện, cô đọng mà tàn nhẫn cay độc. Ông đập đủ các hạng người: phong kiến, tư bản, quân phiệt, học phiệt...

Người ta trách ông sao đá lung tung cả, cơ hồ như thay đổi chiều hướng hoài, ông đáp ông chỉ có mỗi một chiều hướng là thiết tha mong xã hội Trung Hoa sớm cải thiện.

Người ta trách ngọn bút ông độc địa quá. Ông bảo có hạng người không hề bị ông « phun máu » vào: hạng dân nghèo và hạng thanh niên, vì hạng dân nghèo tốt hơn bọn người giàu và bọn trẻ tốt hơn bọn già. Ông biết rằng hai hạng đó cũng có thể hóa xấu như các hạng khác được, nhưng ông tin trong xã hội mới họ sẽ tốt.

Trong truyện *Cô độc giả* (Kẻ cô độc) ông cho nhân vật chính, Liên-Thù diễn niềm tin của ông:

« — Trẻ con chúng nó tốt cả, đứa nào cũng chất phác, hồn nhên !

Một hôm vợ được dịp, anh cố ý nói với tôi câu ấy, vì hình như anh biết tôi hơi bức mình.

— Không phải đưa nào cũng thế... »
Tôi trả lời đưa đà.

— Không, những nét xấu của người lớn, trẻ con không có. Về sau đâm hồng, sở dĩ có những tính xấu như thường nhật anh vẫn công kích, là đều do hoàn cảnh gây nên. Chứ nguyên lai đâu có xấu, chất phác, hồn nhiên... Tôi cho rằng Trung Quốc chỉ còn trông mong được vào mỗi điểm đó thôi »

Giản Chi dịch).

Cũng tựa lý thuyết của Rousseau !

Quả thực ông không hề đã kích bọn trẻ — một phần vì vậy mà thanh niên, sinh viên hoan nghênh ông —, nhưng bọn dân nghèo thì đã có lần bị ông mỉa mai, như trong truyện Phong ba (Nột hảm) và ngay cả trong truyện Á Q nữa.

Tóm lại tư tưởng của ông là hoàⁿ toàn mặt sát quá khứ, bắt mấu về hiện tại, nhưng còn tin tưởng ở tương lai, mà tương lai ở trong tay bọn trẻ.

oOo

Năm 1936 ông đau rồi mất ở Thượng Hải và đám táng của ông đã được cử hành rất trọng thể, ngoài ý muốn của chính quyền.

Ngoài những tác phẩm chúng tôi đã giới thiệu, ông còn lưu lại bộ Trung Quốc tiểu thuyết sử lược (1923), Đường Tống truyền kỳ tập (1928) Hán văn học sử cương yếu (đều là biên khảo) và bản dịch Tử linh hồn (Les âmes mortes) của Gogol (1935)...

NGUYỄN HIẾN LÊ

'ASPRO'





trị :

CÁM CÚM ĐAU NHỨC

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Pub. TÂN-TRÍ

KN 226.BYT

CÁC BẠN HỌC SINH, SINH VIÊN !

Để có một căn bản kiến thức vững chắc về thi ca của các nhà thơ thời tiền chiến mà bắt đầu ở bậc Trung học đệ-nhất cấp rồi đệ-nhị cấp và nhất là lên bậc Đại-học, các bạn nên có ngay từ bây giờ bộ :

VIỆT - NAM THI - NHÂN TIỀN - CHIẾN

của hai soạn giả :

NGUYỄN-TẤN-LONG — NGUYỄN-HỮU-TRỌNG

để nghiên cứu những thi-bản nổi danh trước kia vì chiến họa đã mất mát nhiều, hoặc những quyển tài-liệu thi ca đã xuất bản nhưng chưa thỏa mãn được các bạn. Với bộ :

Việt-Nam Thi Nhân Tiền Chiến

THƯỢNG, TRUNG, HẠ,

(đã có bán hai quyển đầu với các nhà thơ : *Tản - Đà, Phan - Khôi, Thế-Lữ, Trương-Phổ, Lưu-Trọng-Lư, Nguyễn-Nhược-Pháp, Phạm-Đình-Tân, Nguyễn-Bính, Thanh-Tịnh, Nguyễn-Vỹ, T.T.Kh, Thâm-Tâm, Nguyễn-Giang, Vũ-Hoàng-Chương, Xuân-Diệu, Anh-Thơ, Bàng-Bá-Lân — Huy-Thông, Phạm-Hầu, Ưng-Bình, Thúc-Giạ-Thị, Vân-Đài, Ngân-Giang, Thượng-Tân-Thị, Khổng-Dương, Phan-Khắc-Khoan, Nguyễn-văn-Cồn, Minh-Tuyền, Tố-Phang, Chế Lan-Viên, Thúc-Tề, Thu-Hồng, Vũ-Đình-Liên, J. Leiba, Huy-Cận, Quách-Tấn, Lưu-Kỳ-Linh, Nguyễn-Xuân-Huy*).

Các bạn sẽ hài lòng về sự phong phú tài liệu cũng như phần khảo luận công phu.

Những quyển sách mua tại :

Nhà xuất bản **SÓNG MỚI**

30B, Phạm-Ngũ-Lão Sài-gòn.

sẽ được mang chữ kí và triện son của soạn giả.

Quyển Thượng : 180 đ. — quyển trung : 280 đ.

Nhà xuất bản có sẵn bản đẹp in trên giấy trắng mịn 80 gam dành cho các bạn chơi sách. Giá quyển thượng 230 đ, quyển trung 300 đ ; ở xa xin gửi thêm 50 đ cước phí bảo đảm và đề bưu-phiếu tên ông Võ-Văn-Khoái.

của VƯƠNG-HỒNG-SẼN

(Xin xem BK. TĐ. từ số 272)

TÔI NHỚ HUẾ

II CHUYẾN ĐI HUẾ NĂM 1958...

Tháng 4-1958. — Tôi lên đường đi Huế hôm nay, 2-4-1958, là lần thứ nhì, vì tháng ba d. l. năm 1955, tôi đã ra đó rồi. Buổi sáng tôi vô sở là Viện bảo-tàng, lóng nhóng chờ lãnh lương. Được 7.790 đồng, để lại nhà 2.790 đồng, hẹn chuyển về sẽ bù đắp thêm cho đủ xài trọn tháng. Nay đem theo 5 000 bỏ túi, vì không mấy thuở được công-du ra đó, cũng nên thừa dịp kiếm mua vài món đồ-ngoạn sở thích, — máy bay khứ hồi đã có chánh-phủ cho đi không, cơm nước và chỗ trọ đã được ông Viện trưởng viện Đại-Học ngoài ấy bao bọc. Mãn giờ về nhà ăn qua loa ba chén dầm bụng, nằm nghỉ lưng được một chút, kể soạn một mớ hành-lý gọn và ấm cho vào túi xách, pha một bình trà ngon uống cạn, rồi kêu xích-lô đưa lên địa-chỉ 294 đường Phan-Thanh-Giản. Nơi đây phái-bộ đồng hành tề tựu đã gần đủ mặt, chỉ còn chờ ông và bà trưởng-đoàn đến là khởi hành. Ngồi chờ tôi đếm nữ-sinh lối sáu, năm-sáu cô, và nam sinh lối trên mười người, trong số nhớ kỹ là có anh Doãn-Quốc-Sỹ. Đây là các cô cử cậu cử tân-khoa năm này, được Chánh-phủ biệt đãi cho đi bêu ngựa Huế-đô, ngắm thắng cảnh đất Thần-kinh và bồ túc sự nghe thấy. Ông T.B.L., giám-đốc Viện khảo-cổ làm trưởng phái-đoàn, nếu có nên cảm ơn thì cảm ơn ông ấy có lòng tốt để cho mình tháp tùng đi chơi, chớ lão N.K.H., Ngh. Th., đều là bọn đi cộp như mình, không nói hai cha dòng Tên L. và G. và một sư huynh đồng hành vốn cũng là "cộp"; còn bà T.B.L., quốc-tịch Bạch-Nga, vì là "phân nửa", nên phải theo chồng, theo cho biết Huế. Tàu bay là một chiếc máy bay quân sự, của mấy người nhảy dù dùng ra trận-mạc, tiện nghi không có, từ trước ra sau có hai hàng ghế băng dài bằng cây, bộ hành ngồi đầu mặt nhau, có mấy sợi dây treo lưng lẳng cho mình nắm khỏi té mỗi khi máy bay bị gió đảo. Ngồi hăng giờ ngó mặt nhau thét cũng chán, không biết ai thế nào, chớ đã thân đi cộp mà tôi suy nghĩ lung tung, tự hỏi thăm: chớ chi bà L. mập thêm một chút, còn sao lão L., tu-hành giống gì mà béo quá vậy, một cô người Miền Nam, ngồi gần tôi, chưa chi đã thò lộ can tràng: "Không tiền không sắc mới phải còn đi học làm vậy, chớ con gái đời bây giờ, có chút sắc, chút đỉnh tiền, trai nó cưới từ hồi mười bảy!" Nghe đến đó thì máy bay đã đáp xuống sân Phú-Bái, khởi hành mười bốn giờ,

đến nơi mười sáu giờ rưỡi, cũng là mau đến. Có xe ra rước đưa đến Huế, việc làm đầu tiên là đến chào l. m. C.V.L., viện-trưởng viện đại-học để được biết trọ và ăn ở đâu. Các cô ai có nhà cha mẹ thì về, mấy cô khác gọi vô nhà kín, mấy nam sinh-viên cũng tá túc một chỗ với nhau, ông và bà L. một phòng riêng, còn ba đứa tôi, H., Th. và tôi, cắt về thư-viện Đại-Học, trên lầu, nguyên trước kia là nhà băng Đồng-Pháp, ngó mặt ra sông Hương. Hành-lý cắt an bài, giờ cơm chưa đến, phái-đoàn kéo nhau qua phố, đi bách bộ để ngắm sơ cách bán-buôn sinh-hoạt. Riêng tôi đã biết Huế từ 1955, năm nay 1958, tôi thấy Huế đã tiến nhiều. Năm trước tôi đi phố thấy trong một tiệm bán kiếng đeo mắt có một cái máy nhỏ mài cạnh kiếng, thế mà cũng có một mảnh giấy trắng viết đại-tự quốc-ngữ : « MÁY MÀI KÍNH » dán lên trên, tôi nghĩ thầm ông chủ nhà này quả là xứng đáng con cháu của lớp ông bà thích đề thơ viết liền và mỗi mỗi đều trông dịp khoe văn hay chữ tốt. Năm nay trở lại chỗ cũ không thấy máy ấy nữa... Bà L. thấy bán chè đậu ngự, gọi lại ăn và đãi hết phái-đoàn. Mụ bán chè còn mặc chiếc áo dài vá quần, thân trên mới tinh, nửa thân dưới, hai vạt trước sau, nhục nhục phai màu. Chiếc áo nên thơ, bắt mình nhớ lại câu hát : « Áo vá vai vợ ai không biết ? Áo vá quần, chỉ quyết vợ đây ! » hay là câu : « Thương em thuở áo mới may, Bây giờ áo đã thay tay vá quần ! » Vá quần là áo vá nửa thân, trên mới dưới cũ, một cách tiết-kiệm của người lớp trước, dè dặt phong-trào tân-tiến đã đánh chết từ đây, đây là lần chót tôi thấy chiếc áo vá quần này, và mấy lần sau ra Huế, gặp váy đầm, gặp áo tân-thời kiểu thắt lưng cho thật eo, chớ áo vá quần không làm gì thấy nữa. Ăn một chén chè khỏi trả tiền mà nghĩ bao nhiêu chuyện. Đường Chi-Lăng, phố Gia-Hội, hai bên kinh đào từ đời Minh-Mạng, phố Hàng Bè, trừ nhà nào cắt theo lối cổ không sao canh tân đổi mới được, nhiều ngôi nhà đã có từ đời Thiệu-Trị, Tự-Đức, những nhà này dè như cũ, luôn cả táng đá đã lỳ mòn, cái kiểu trái bí rợ, cái kiểu cánh sen lật úp một mớ nhà khác đã xây lại kiểu mới, kê thêm lầu, nhưng kê về khang trang đẹp mắt chiều chiều ngợp khách du là dãy phố đường Trần-Hưng-Đạo, dọc sông Hương tấp nập trai thanh gái đẹp. Dầu sao và đi đến đâu, thành phố Huế còn giữ nét cổ kính và nhà nào ít nữa cũng có một món cổ vật : chiếc lư cổ đồng, cái khám cữu thời, bộ chén trà xưa hay đôi chậu kiềng lớp trước, có cả chum chậu hay đôn làm bằng đá Thanh đã meo mốc nhiều đời.

3 tháng 4. — Sáng dắt nhau xem trong Đại-Nội... Gốc Nam, chỗ bà Từ-Cung ngự, xưa sau nay vậy, đồ kiểu đồ sành của triều Pháp cống-sứ, chế tại lò sứ Sèvres, Limoges, còn rất nhiều, mỗi chum cột đều có một chiếc lục bình cao trên thước, cái vẽ màu, cái men nước biển. Trước Nam-Cung, có một sân rộng tường bao chung quanh, giữa sân có hai cây vải (lệ-chi) lá xanh om, gốc một người ôm không giáp, đang trưa đứng bóng, tuy có tiếng chim kêu lãnh lút mà gió lặng im lá không lay động, khách bồi hồi tưởng tượng chốn này xưa náo nhiệt oai nghiêm bao nhiêu thì nay lạnh lùng thê lương bấy nhiêu, nhưng xưa nay gì cảnh vẫn kín cổng cao tường.

Buổi chiều cung chiêm lăng vua Minh-Mạng và chuyển về ghé triện lại xem vị trí hòn Chén và điện thờ bà Thánh-Mẫu Thiên-Y A-Na, rất linh thánh. Trong các lăng vua, không kể lăng Thiệu-Trị đã bị hư nát nhiều vì bão lụt và không tu

bồ, sánh với lăng Gia-Long, hùng tráng đơn sơ, thì lăng Minh-Mạng quả là lăng một ông vua tọa hưởng thái-bình và ấu ở theo sách, mỗi mỗi đều đối chiếu đình tạ nguy nga và phượng phất một vẻ buồn rất nên thơ, thật xứng với một ông vua thi-sĩ và môn-đệ trung-thành Khổng-Mạnh.

Bữa cơm tối xong rồi, chia tay thì giáo-sư H. Th. rủ tôi ra ngồi tại cầu Trường-Tiền hóng gió, xem cảnh sông Hương và thành-phố Huế lúc đỏ đèn.

4 tháng 4. — Hôm nay xem lăng Khải-Định và lăng Tự-Đức do ông Bửu-Kế làm người hướng-dẫn. Lăng Tự-Đức rộng lớn và còn kiên cố, xem kỹ lại quả là một tiểu giang-san của một ông vua một nhọc vì việc nước quá sức kham muốn vui về đây đóng vai thái-thượng-hoàng. Ai trách ông bao nhiêu, tôi lại thương ông bấy nhiêu. Mỗi đình, tạ, hồ, kiêu, ông đều đặt có chữ "*Khiêm*" đứng trước, ông rất biết xét mình và trên các tờ "*châu bản*" chữ son phê có khi còn dài và nhiều hơn hay hơn nguyên văn lá sớ của triều thần tâu lên. Nghi cho một ông vua ở với mẹ chỉ hiệu như ông vua này, mà khi nằm xuống rồi, "*khôn đại cùng chung ba thước đất*" (thơ đức Dục-Tôn), cũng không tránh được lời dèm pha của hậu thế, nào bắt tài, nào đề mất nước... Trách vua Tự-Đức được thì còn ngôn-từ nào trách cha con ông vua mới bị truất phế gần đây? Nội việc truất-phế, chung qui chúng ta cũng làm mưu một bọn quyền thần nịnh thần, một bọn ý đồng người, làm cái việc không khác dưới miền Nam chúng tôi: khi chủ-diễn mê bài bạc tửu sắc, bỏ ruộng lên chợ, giao sở đất cho thằng "*tăng khạo*" hóa, rồi tên tăng khạo gian hùng lập mưu đoạt mất sở ruộng đi, nhưng trời bắt dung gian, hưởng không mấy năm rồi cũng về âm-phủ, cũng thì "*khôn đại cùng chung ba thước đất*".

Xem hai lăng về, cùng phái đoàn dùng cơm chung của ông viện-trưởng đãi, ông Th. lui về phòng nghỉ ngơi, tôi rủ giáo-sư H. cùng đi với tôi ra bến xe qua Kim-Long, mò đường lần đến nhà ông Nguyễn-Hứa-Huệ, định đi tìm mua đồ cồng-ngoạn. Tôi chỉ cho giáo-sư H. những nét đặc sắc của ngôi nhà này. Mái lợp tranh xem rất đơn sơ, nhưng vào trong rồi mới thấy đây là một nhà chạm trổ rất khéo, dấu nhà ngói cũng không quý bằng. Mấy hàng cột nhỏ chột thôi, nhưng rất thanh bai và tương xứng với ngôi nhà, không biết làm bằng thứ gỗ gì mà đen huyền như gỗ mun quý và giời mai bóng loáng và nhẵn nhụi ngó thấy mặt như gương. Đặc sắc nhất là nhà có chưng mấy tấm liên ba ngựa, tức những phiến gỗ chạm hình hoa sen, có dây, có lá, có bông, mảnh mai khéo léo và đã lên màu vì quá lâu năm, như đã nói, tuy nhà tranh, nhưng đặc sắc, quý bằng mười nhà ngói. Năm trước tôi đã có đến đây một lần, thấy rất nhiều đồ cồng quý giá, năm nay trở lại thì đã bán và còn lại vài món xoàng xĩnh, ép lòng mua một chậu sành, thứ quán tây, nhưng về Sài-Gòn cũng để lại cho người khác vì không thích lắm.

Hôm nay là lễ đạo kỷ niệm ngày Da-Tô thăng thiên, nên phái-đoàn không dẫn dắt đi đạo. Ba tôi, H.T. và tôi, nhẩy rào, không đến quán ăn chung với phái đoàn và lén đến nhậu nơi quán cơm Âm-Phủ, vừa lạ vừa ngon miệng.

5 tháng 4. — Ngày nay là 17 tháng hai âm-lịch, đúng là ngày giỗ mẹ, thế mà mãi ham đi chơi ngoài này khiến lỗi đạo làm con. Tuy vẫn nhớ ngày và dặn dò ở nhà phải nấu mâm cơm đạm tạc, nhưng cũng không khỏi thắc thỏm chôn tha

phương. Sáng sớm còn nằm trên giường, nghe bày se-sẻ ngoài cửa sổ kêu rân, bỗng nhớ nhà ghê. Chim ở đâu thì cũng chót chét một giọng, không giọng Huế giọng Nam gì cả. Ngày thường không để ý. Nay vừa xa nhà mấy hôm đã khắc khoải và phân biệt nó kia. Đi ra ngoài lạ mắt lạ tai, vui lên mà quên hết; nay giựt mình không được ở nhà dâng một nén hương lên bàn thờ mẹ, tủi tủi buồn buồn. Người sao quá giàu nghị lực, lưu vong bình bằng đâu cũng là nhà, như vậy mới làm quốc sự làm chuyện lớn được, chớ tâm trí như mình quả không hơn đàn bà. Theo chương trình, bữa nay phải lên cho thật sớm đến lăng Thiên-Thọ (Gia-Long) vì đường đi xa hơn các lăng khác, lại vắng vẻ, biết đâu không gặp người lạ làm khó dễ lại cũng phải phòng rủi ro việc khác. May sao, nhờ tàu và xe đưa mau nên lợi ngày giờ, vừa lên đến nơi, hay một tin còn mừng hơn nữa là sắp được mục kiến một buổi lễ tế Thanh-Minh tại lăng, do Chánh-Phủ tổ chức và phủ tôn-nhơn lãnh việc hành lễ. Đây là một dịp hiếm có, để xem ngoài này tế lễ ra thế nào, ngờ đâu xem được rồi lại càng buồn lòng, tủi cho các vua cũ nhà Nguyễn, và theo tôi, thà chánh-phủ nhà Ngô bỏ qua đừng nhắc đến còn hơn là sai làm lấy có, bày đặt một lễ tạm bợ, thiếu nhiệt tâm nhiệt thành. Đám cúng giỗ các vua từ đức Gia-Long đến đức Tự-Đức mà lộn xộn, còn thua đám ma nhà héo. Đang đi dưới núi, vừa lên đến trước lăng, tôi đang đứng than thở trước cảnh voi đá, ngựa đá, ông gãy chót vọt, ông sứt mép tai, ngựa thì mất đầu, mất đuôi, hình các công-thần, ông mất gươm, ông khác đầu rơi khỏi cổ lặn nằm bên đôi hia, có vài ông còn nguyên vẹn thì không cân xứng, thân hình nhỏ bé đầu thì quá to, tỏ ra nghệ thuật chạm trổ đời Cao-hoàng kém thua nghệ thuật Chăm và Cao-Miên, duy có được chút đặc thù chẳng là trái bao năm tháng nay đã rêu phong meo mốc và tuy bằng đá mà vẻ mặt ông nào cũng tiêu-tụy rầu rầu, phải chăng biết buồn cho chuyện phế hưng thời đại? Đang nghĩ ngợi, bỗng nghe tiếng chuông trống nhạc đánh, tiếng kèn tiếng thanh la inh ỏi, tôi lật đật bước sấn lên chánh điện để kịp xem hành lễ cúng Thanh-Minh. Ngược mặt lên, trước tiên tôi thấy bốn cái long vàng và cờ xí bay phấp phới, trong bụng tôi khiếp, nhưng khi tôi đến gần thì đây là cảnh xốn mắt làm sao. Thuở nay lưu-hương thờ các tiên-đế, lấy tờ rồng năm móng dựng chưn nhang, thôi cũng châm chế được đi; nhưng tại sao, quần bàn lá chần thêu đều không có, và căng vải tây đỏ thếp vào, nên mấy cái tờ « Nội-Phủ » kia thấy tang thương quá. Thêm năm ấy có lụt ngập, các chưn bàn đều kê gạch, xấu xí quá, không xứng nghi lễ tế vua chút nào. Nghi cho Vua đã mất nước, đây là lễ của người ta thí cho, có khác. Nhưng vong hồn các vua hưởng sao vô? Chủ tế là tộc-trưởng trong Tôn-Nhơn-Phủ, năm ấy, lại là người công-giáo. Vì đã theo đạo Da-Tô, nên ông này, cháu mấy đời của đức Gia-Long, từ chối không lạy trước bàn thờ ông bà theo lễ Khổng-Mạnh. Ông ra đón tiếp niềm nở đưa chúng tôi vào điện, rồi nghĩ sao ông day qua nói tỉnh băng với cha L. và cha G.: « Lát nữa hai cha xem, tôi không lạy đâu! Trái với đạo của mình mà!» Tội nghiệp cho hai vị mục sư, khuyên giải cách mấy, họ cũng không nghe. Nhơn dịp này, tôi mục-kích một việc lạ: là người trong hoàng-tộc rất khác nhau, kẻ mập người ốm, kẻ cao người lùn, kẻ mặt xương người mặt thịt: xét ra chẳng qua vua thương nhiều vợ và con cháu

phần đông giống mẹ hơn giống cha. Tôi thấy trên bàn thờ đề nhiều bài vị, đây là ông tộc-trưởng Tôn-Nhơn-Phủ dồn vong linh các tiên-đế lại một chỗ này cho gọn việc, quên rằng xưa kia, mỗi vua có mỗi lăng và mỗi lễ tế khác biệt nhau, tế một chỗ các hồn vua nhỏ đâu dám cùng mâm cùng vua cha vua tồ, rắc rối quá, và các vong ghen ngạo ăn nuốt sao vô ? Tội chết đi, ông tộc-trưởng Tôn-Nhơn-Phủ ! Tôi thấy có cả thầy ba bàn thờ và trên mỗi bàn có nhiều bài vị. Ông tộc-trưởng đã không khứng ra hành lễ, các chi nhánh khác thay phiên nhau ra lạy, nhưng các người ấy khi thì rất đông, đến trên chục đầu xúm xít chật một chiếu lễ, khi thì lại rải chỉ có năm ba ngoe, lạy lưạ thưa trên một chiếu lễ trải bên khác, tôi hỏi nhỏ một « Cự Ưng » đứng cạnh bên tôi (làm việc nơi Viện Văn-Hóa), cụ dạy : « đông hay ít người là tùy theo dòng, theo thế-hệ, tỷ dụ thế-hệ « Ưng » nay đã cao tuổi nên thưa, thế-hệ « Bửu » còn trẻ tuổi nên nhiều đông hơn, và lại khi thì tốp này lạy bên ban tả, tốp khác lại lạy bên hữu, là tùy theo chi nhánh, lạy ông bà của dòng mình, còn ông bà của dòng khác thì đã có dòng đó lạy ». Đến lượt một nhóm ra đứng, hành lễ, có một vị chít khăn chữ Nhứt, mặc áo dài rộng dính nút ngà, xem đạo mạo lắm, nhưng nhìn kỹ lại thì ông vận quần pyjama sọc dưa xanh trắng là thứ quần vận khi đi ngủ, tôi lấy làm lạ không nhịn được day qua hỏi Cự Ưng, Cự thúc nhẹ tôi và trả lời gọn lỏn : « Hỏi làm chi ! cái quần lễ, nó đã bán, nó ăn rồi ». Nhờ dự lễ này, tôi mới được nếm lần thứ nhứt trong đời tôi, chung trà ướp sen « ngự » : quả hương thơm hơn các thứ trà khác, nhưng hương nơi này khi ngôi vua đã sụp đổ, nên hương vị biết có như khi trước chẳng ? Nghe nói giống sen này lấy tự bên Trung-quốc, và khi xưa, hột sen hái trong hồ bà Cao hoàng-hậu luôn luôn phải dâng tiến nhà vua, bông sen cũng lớn và thơm hơn giống sen khác. Và cũng nhờ có mặt hôm nay tại buổi lễ cúng vua mà tôi hiểu lẽ xưa nhà vua ban *thịt tợ* là sao. Tại buổi lễ, tôi đề ý tại gian nhà sau chỗ tế, đứng ngồi lóng nhóng tự ban mai, một nhóm rất đông, người sồn sồn, kẻ già sụm, và toàn là không râu và đều mặc áo dài rộng màu lam dợt : đó là các cựu nội-thị, thái-giám các triều xưa nay còn sống sót. Lát nữa, khi lễ tất, các vị này sẽ khiêng ba con « tam sên » (tam sanh) vào, sả ra từng miếng lớn và tùy phẩm trật, sẽ chia cho các ông các cụ dòng hoàng-tộc, sau rồi thì đến phần các ông giám này cùng hưởng, vì không chi đó cũng là bổng-lộc hoàng-ân, và ban *thịt tợ* buổi xưa tạm tạm cũng như thế. « *Miếng thịt làng hơn sàng thịt chợ* ». Hưởng hồ đây là thịt kiếng các vua xưa. Nhưng nói ra thì thẹn, nên xin nói nhỏ đủ nghe :

— con heo quay, đã nhỏ và ốm, thịt đã lột lột đôi màu, thật không bằng một góc con heo hàng treo nơi sạp của tên khách trú Chợ-Cũ Saigon !

— con dê luộc thì da chỗ tái mép chỗ cạo chưa sạch lông, thấy không ngon mắt chút nào !

— còn nói chi con bê thui. Vì làm hối hả, đề đến hôm nay, phần trời nóng nực, nên con bê đã có mùi, người phải nín thở, rồi khi ăn mới làm sao chịu nổi !

Dòm lên ba bàn thờ thì than ôi, ông trưởng-tộc Tôn-Nhơn-Phủ đã quên bỏn phận mình đến đây làm lễ cúng ông bà ông vải của mình theo đạo Nho ; dầu ông

có theo đạo mới, đạo Da-Tô, đến đây lễ buộc ông phải khăn vái và lạy theo cổ tục : ông không làm như vậy là ông mang tội với vong linh người chết và mang trọng tội đối với người sống và phong-tục bản xứ. Nếu ông nịnh tâu tráo, ông hành lễ miễn cưỡng, gắng gượng, thì lương tâm ông sẽ xét xử. Vua khi xưa, ăn mâm lớn và ăn một mình một mâm. Không ăn thì hồn có đói chăng ? Chớ ăn thì tội. Người sống thấy đây còn khó chịu thay. Dầu sao ông cũng là thuộc dòng vua Gia-Long và các vua khác. Nay ông dời bài-vị các vua làm một chỗ và không khưng lạy, có ai khen ông đâu, mà riêng ông có lỗi rất lớn đối với tổ tiên ông.

Dòm qua các hàng hoàng phái có mặt buổi lễ, nhớ lại vị nào có danh phận, địa vị, bề thế, thì đã cao bay xa chạy, ở Paris, ở ngoại quốc, không nữa cũng Sài-Gòn ; còn ở lại Huế-đô, người có máu mặt thì viện cớ ở lại nhà hành lễ tại gia, những người có mặt hôm nay, hoặc vì phận sự bắt buộc, hoặc vì không bỏ được ông bà nên phải đến, kỳ đư, tôi hiểu tại sao các ông hoàng không ông nào giống ông nào như đã nói đoạn trên rồi.

Ở lăng Gia-Long về đến viện Đại-Học, trời còn sấm chớp. Đến mười-lăm giờ, tôi tìm nhà Cụ Ấm Tư thăm. Đề tỏ tình sơ giao, Cụ Ấm biểu tôi một ấm Mạnh-Thần, đẹp như loại Cờ-Nguyệt-Hiên, từ chối cách nào cũng không được : té ra cái lòng tốt của tôi, đồ đường thăm bạn, lại hóa ra bụng tham, và ích kỷ, đến đề xin ấm trà quý không dễ gì tìm ! Lòng tham chỉ biết nhận, mới là xấu hổ hơn nữa !

(Còn tiếp)

VƯƠNG-HỒNG SẼN

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél. : 93.741 - 93.742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCHOLPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON, ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique

Installations de gazothérapie

**NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS.**

SỬ - HỌC TRANH - ĐẤU :

TẠ - CHÍ ĐẠI - TRƯỞNG

Giải - phóng lịch - sử

Thế-chiến thứ hai, do khủng-hoảng ý-thức-hệ Tây-phương trong tổ-chức xã-hội tư-bản kỹ-nghệ, làm suy yếu những cường quốc già ở Tây-Âu, là điều-kiện khách-quan khiến cho cao-trào giải-phóng thuộc-địa dồn dập tăng tiến và thành công ở Á-Phi. Nhưng điều-kiện chủ-quan vẫn là tinh-thần ái-quốc nồng nhiệt, ý-thức nhân-phẩm cùng khả-năng tiếp-thụ tiến-bộ của các dân-tộc nhược-tiểu khiến họ có thể kết hợp vùng dậy, xóa bỏ đau thương tủi nhục, nơi vài ba mươi năm, nơi trăm năm, nơi hàng nhiều thế-kỷ dằng dặc.

Tương-quan quyền-bính thay đổi giữa mẫu-quốc và thuộc-địa thì tính cách đối-thoại giữa hai bên cũng thay đổi theo. Khi kẻ xâm-lăng cho rằng chỉ có quốc-gia mình mới đáng đứng địa-vị chủ-nhân-ông, có quyền ăn nói, thì đám dân nô-lệ thường thường chỉ còn tìm cách tỏ bày ý-kiến bằng sức mạnh mà thôi. Thắng hoặc có dùng lời để tranh-đấu thì lời nói cũng mang tính chất hằn học, hăm hực, tràn trề tình cảm sôi động, có khi che lấp tính cách lý-trí vững vàng.

Công cuộc giải - phóng thuộc-địa, về mặt chính-trị, chấm dứt phần nào sự bất công trong lối đối-thoại đó. Nhưng nếu công-trình giải-phóng chưa hoàn-thành khi hiệp-ước công nhận độc-lập được ký-kết bởi vì quá-khứ thuộc-trị vẫn còn

sừng-sững, thì đám người có trách-nhiệm trong quốc-gia trời dậy vẫn thấy còn phải gắng tìm cho quốc-gia mình một lối thoát để mà tiến bước vững vàng, không mặc-cảm, với các tập-thể khác. Điều này dẫn đến sự cần-thiết hiểu biết đúng đắn về quốc-gia, trong đó có một đòi hỏi thấu đáo về quá - khứ, lịch-sử của dân - tộc. Vậy mà, như đã nói, lịch - sử của một quốc - gia bị trị không được hiểu một cách chính-xác, lại bị bóp méo theo với nhu-cầu và nhãn-quan của quốc-gia thống-trị. Người trí-thức mà hôm qua còn thuộc thành phần nô-lệ, nay thấy cần sử-dụng nhiều hơn những phương-tiện có trong tay để xóa bỏ sai lầm, hồng đưa đến những nhận-định chính-xác. Cuộc tranh-đấu tư-tưởng này không phải là không gay-go, vì ở trong một bề ngoài bình-đẳng — người tự-do tranh-luận với người tự-do — lại ẩn dấu một vết tích bất bình-đẳng : luận-cứ biện-hộ cho hành-động và hành-động trợ giúp cho luận-cứ khiến cho kẻ mạnh trong quá khứ này có thừa lý lẽ để bẻ vặn một ý-kiến trái lại, hay hiền hòa hơn, khác đi. Chính vì sự cam go trong có đặt cả danh dự và viễn-đồ quốc - gia mà người ta mới có thể dùng từ-ngữ giải-phóng để chỉ một ý-thức tìm hiểu lịch-sử dân-tộc, cội bỏ những xiềng-xích tư tưởng đã được

trông vào đề biến-dạng quá-khứ đi.

« Giải-phóng lịch-sử » đi đôi rồi tiếp nối cuộc giải-phóng chính-trị, được đề-xướng bởi những nhà trí-thức đã đóng góp vào công trình giành độc-lập của nhân-dân xứ sở họ. M. C. Sahli là một trong những kẻ tiên-phong. Tháng 6-1966, trên một quầy sách ở Sài Gòn có bày bán quyển *Décoloniser l'histoire* của ông, với tựa đề nhỏ « Dấn vào lịch sử vùng Maghreb » (*Introduction à l'Histoire du Maghreb*) (1), tỏ rõ mỗi quan tâm muốn xóa tan đến tận cùng quá khứ thuộc-địa của trí-thức ở một xứ vẫn hãnh diện rằng cuộc tranh đấu quân-sự nơi đó đã đánh một đòn quyết liệt vào hệ-thống đế-quốc Âu-Tây, thúc đẩy hàng loạt quốc-gia Phi-châu tiến đến độc-lập theo một nhịp độ mau chóng hơn.

Sách có 8 chương, không kể chương mở và chương kết. Dựa vào các sự-kiện rõ ràng, tác giả bàn đến những luận-cứ của các tướng lãnh, nhà cai-trị, học-giả Pháp đưa ra cốt để chứng minh tính-cách lạc-hậu của dân Bắc-Phi, từ đó có lý lẽ biện-minh cho công cuộc khai thác, đồng-hóa vùng này. Mở rộng quan-điểm, tác-giả đề-nghị một cuộc lật ngược kiểu Copernic để sử-gia các cựu thuộc-địa chia xẻ, hợp tác trong công trình giải-phóng lịch-sử.

Sahli nhận thấy sử-học vùng Maghreb được coi như một phương-tiện biện-hộ, tuyên truyền cho hành động của chính-quyền cai-trị. Nhà cầm quyền mẫu-quốc lựa chọn những sự-kiện, giải-thích chúng theo một chủ-ý nhất định, khiến người đọc coi như chế-độ ngoại-thuộc là hợp-lý, dĩ nhiên.

Ở mức độ chống đối loại biện-hộ thấp, ta thấy tác-giả chỉ rõ mối tương-quan giữa những điều mà tác-giả gọi

là « những ước - định ý - thức - hệ » và chế-độ thuộc-địa. Gọi là những ước định ý - thức - hệ, tác-giả muốn chỉ những định - kiến lầm lạc kết-hợp nơi ý-thức dân thống-trị về giá-trị dân bị-trị, về tương-quan « thống-trị - bị-trị... » Ước-định chính-yếu, theo tác-giả, là sự võ-đoán về tính cách thấp kém có-nội của dân bị-trị. Võ-đoán này chuyển qua ý-tưởng coi quyền thống-trị như một thứ quyền dùng để bảo-vệ dân nhược-tiêu, một ý-thức kiêu-hãnh về sứ mạng giáo-hóa của dân « văn-minh ».

Kinh-nghiệm thuộc - địa cho ta xác-nhận điều này. Trong buổi đầu đầy đủ sức mạnh tràn l้น, người ta coi chiến-tranh chiếm-hữu thuộc-địa như kết quả của công cuộc truyền-bá văn-minh. Rồi khi phải ngăn chống phong-trào nổi loạn ở các thuộc-địa, luận-cứ trên tuy chuyển biến theo thể thụ-động, nhưng vẫn còn che dấu một ý-thức tự-tôn muợn màng: hãy xem việc người Pháp từ 1950 coi đạo quân viễn-chinh ở Đông-dương như một thứ Thập-tự-quân mới trên chiến-tuyến chống Cộng, bảo - vệ văn - minh Thiên-chúa-giáo Tây-phương thì đủ rõ.

Mối tự-tôn của Tây-phương bộc lộ trong những trò hề chính-trị áp-dụng ở các thuộc-địa như những kiến-ngị ca-

(1) Nhà xuất bản Maspéro, số 77, trong loại Cahiers, libres, 1965.

Hãy xem những âm - hưởng đồng - bộ nhưng lạc loài ở ta trong Nguyễn-văn-Trung, *Chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt-nam, Thực chất và Huyền thoại*, Nam-sơn, Sài-gòn, 1961. Nhờ cố gắng riêng tư, tác giả đã cố vượt hoàn cảnh, nhưng lại cũng vì hoàn cảnh mà tác giả không thể đi sâu vào con đường hành động như những người khác và phải cố che dấu tư tưởng trong hình-thức khúc mắc của triết-lý. Nhưng có phải là ta đã đòi hỏi quá nhiều không ?

tụng mẫu quốc, những lời tuyên-bố huyênh-hoang của các viên-chức cai-trị mà ông Nguyễn-văn-Trung đã hệ-thống thành những điều ông gọi là những « huyền-thoại » của thực-dân. Tự-tôn lại cũng thấy xuất hiện dưới những hình-thức khảo-cứu sâu dày, núp bóng vô-tư của khoa-học. Sahli có trích-dẫn J. Monlati, một tác-giả hình như có một năm dạy ở Saigon, mà ý-tưởng đi từ nhận xét trên vùng Maghreb được tổng-quát-hóa đến các nền văn-minh nhiệt-đới, phương Đông : « Hình như người dân Barbarie đến lúc cần thì lại thiếu năng-lực thiết-yếu, thiếu bản-linh thích-ứng, thiếu tổ-chức, ý-chí cải-tiến ra ngoài khuôn-khò ; vì khuôn-khò mà không được nhật tân sẽ trở thành lối mòn hủ-lậu khiến cho dân-tộc mất khả-năng tự quyết định kịp thời.

« Cho nên lịch-sử hình như khiến cho một vài nền văn-minh Đông-phương mơ mộng và văn-minh nhiệt-đới vô tư lự, hồ hững, phải trở thành chậm tiến. Vài khía cạnh về tương-lai của các xứ ả-rập, ả-rập-hóa, hồi-giáo-hóa nữa, đã tỏ ra là của một nền văn-minh hỗn-độn, rối loạn... »

Ngầm ám-chỉ rằng văn-minh Âu-châu được phát-triển trên vùng ôn-đới, một vùng « đất hứa », khiến có đủ điều-kiện tiên-thiên để phát-triển tốt độ, dẫn dắt một đám dân được ơn phước thống-trị hoàn-cầu, các sử-gia Tây-phương đã coi các dân-tộc ở vùng nhiệt-đới như đã thiếu điều-kiện tiến-bộ ngay từ khởi đầu. Tránh con đường ưu-tiên chủng-tộc, người vòng lại bằng những qui-định của điều-kiện địa-dư. Không biết Sahli có ám chỉ gì đến P. Gourou (1) không, khi cãi rằng không phải vùng Barbarie cần cỗi bởi đất cao độ mặn, vì

thời La-mã thuộc-nô được coi là vựa lúa của thành Roma. Cách giải thích sự suy tàn của nền văn-minh Cổ Trung-Mỹ có phải nhằm dụng ý che chở tội ác của bọn Conquistadors không ? Lối cấy lúa ngập nước, coi như một phản-ứng khôn ngoan của những dân-tộc chống lại hiện-tượng xâm-thực đất đai, nhưng lại được lấy dùng để giải-thích sự phát-triển quanh quẩn vùng đất thấp của dân Việt, trong khi không biết bao nhiêu chứng cứ thần-thoại, lịch-sử, trả lời ngược lại, cho biết một kết-quả là chính mối tương giao văn-hóa, nhân-chúng, thường xuyên giữa « núi—đồng » ở địa-phương đã khiến cho dân-tộc Việt tách rời con đường Trung-hoa-hóa vẫn cổ tri níu từ sau thời Bắc-thuộc.

Tư-tưởng Mác-xít xoay sự đàn áp « mẫu quốc — thuộc địa » chuyển vào sự đàn áp của nền chuyên-chính vô-sản chống tư-bản, nhưng cũng không tránh khỏi quan-niệm quy-về Châu-Âu có ngay từ Marx, quan-niệm đã khiến Lénine lúc còn lao đao lận đận thì trút oán vào đầu bọn tư-bản và « lao-động trưởng-giả » ở Tây-Âu, còn đối với Staline nắm quyền được ở một nước Nga to lớn vững vàng thì lại khiến các lãnh tụ đàn em phải thốt lời chua chát qua các kinh-nghiệm đắng cay trong khi xoay chuyển ép mình sao cho phong-trào giải-phóng thuộc-địa « có lợi cho sự phát-triển phong-trào vô-sản » mới được hi vọng nâng đỡ (2).

(1) *Les Pays tropicaux*, P.U.E., 1950

(2) Stuarts Schram, H.C.D'Ecassee — *Le Marxisme et l'Asie 1853-1964*, A.Colin, 1965, phần trình bày và trang 251 (lời tuyên bố của Staline). Người lãnh tụ Cộng-sản Việt hẳn còn nhớ vì sao mình « cần thiết » mất tích trong khoảng 1934-1941 khi Đệ-tam quốc-tế giao quyền cho M.Thorez lãnh đạo đảng CS Đông-dương cho hợp với đường lối hòa-hoàn tư-bản chống phát-xít của Komintern thời ấy.

Người Tây phương nhìn cuộc sống khốn cùng, lạc loài trong mê tín, hủ lậu của dân thuộc-địa cho rằng tình-trạng đó chứng tỏ một sự trì chậm không ý-thức tiến-bộ kéo dài cả hàng ngàn năm, phải cần dân Âu-châu đến « khai hóa » cho mới mong thay đổi được. Luận-cứ này, một mặt cố tình quên rằng những dấu vết của quá khứ — trong đó có cả mê-tín — vẫn còn ở các vùng thôn-quê các nước tân tiến, và ở cả các thành phố lớn, dưới những hình thức hợp, thời, trang hơn. Có như vậy khoa xã-hội-học mới có một bộ môn khảo-sát gọi là Folklore chứ ! Mặt khác, văn-minh cũng có những bước lùi của nó. Trường hợp đời sống lạc hậu ở các xứ thuộc địa có thể do nơi chính hành-động đàn áp của kẻ xâm-lăng : những năm đánh chiếm tàn nhẫn, những biện-pháp kinh-tế, chính-trị nhằm tước đoạt tài-sản, tự do, chà đạp văn-minh bản-xứ, khiến cho dân chúng ở đó phải co rút lại trong những vị-trí, những hình thức tổ-chức kinh tế, xã-hội đơn-giản nhất, lạc hậu nhất — do đó « phản-động » nhất — để sống cò. Những tổ-chức bản xứ, thay vì biến đổi theo với đà tiến triển, lại phải cứng rắn trong hình thức có sẵn ; các cá nhân giữ một thái độ không biết cứng cỏi, theo một ý-chí tự-vệ chánh đáng. Phải hiểu như vậy cho trường hợp Thầy chùa Đái-Bạc đánh Tây bằng bùa phép, Phan-xích-Long dựa trên tổ chức Thiên-Địa-hội, dân Kenya với tổ chức Mau Mau, dân Trung-hoa với loạn Quyền-Phủ... Khoảng 1945-54, người dân vùng VM thấy phi cơ bay có lần khởi sau đuôi, vội lợi ra đồng bắt sâu do « đế quốc vừa thả xuống phá hoại mùa màng » ; chuyện thật tức cười, nhưng ý-chí chống xâm-lăng có phải bất cứ lúc nào, ở đâu và nơi ai cũng phải bắt nguồn từ sự hiểu biết tiến-bộ cả đâu.

Và lại, những kết-tập chống đối chính-quyền thuộc địa thường không được đế-quốc nhìn nhận giá trị thực sự. Sahli lấy một ví dụ về người nông dân Algérie thời *circoncellions* chống đế quốc La-mã, phảng phất không khí 8 năm tranh đấu gian khổ vừa qua của họ :

« Bị vu khống bởi người công-giáo chống đỡ cho đế-quốc, ít hiểu rõ bởi lịch-sử chính-thống, họ bị coi như những kẻ cướp đường, những tên « rình mò các vựa lúa » (*circum-cellas*). Thực ra, ngay khi lược qua lời kể lại của những kẻ hạ giá họ, họ vẫn tỏ ra như những người cách-mạng thực sự ».

Dẫn chứng nơi một đoạn văn của một người công-giáo đương thời, ta thấy bọn nổi loạn được gọi là những tay cầm đầu các kẻ thánh-thiện ; họ gửi thư cho các địa-chủ bắt xóa nợ, dọa sẽ đánh đuổi nếu không tuân lệnh.

« Thành ra có sự sôi sục cách-mạng không chối cãi được trong phong-trào của bọn *circoncellions* vào các thế-lý IV, V. Vượt trên giai-đoạn của một cuộc khởi-loạn mù quáng, phong-trào nhằm vào các tầng lớp liên kết và hưởng lợi trong trật-tự đế-quốc. Nhưng là những người sửa tội, nhóm *circoncellion* chỉ bằng lòng làm một cuộc trả thù xã-hội thôi. Trong hành động của họ, thiếu một nhãn-quan chính-trị khiến họ không có được đồng-minh là những người thuộc giáo-phái Donatiste lúc bấy giờ đang sợ hãi họ và chăm chú hết tinh-thần vào cuộc tranh đấu chống người công-giáo La-mã ».

Cho nên không lấy làm lạ rằng Đề-Thám bị gọi là « tên cướp », đám dân biểu tình đòi giảm sưu-thuế là Cộng-sản, đám dân đòi canh-tân kêu nhau bằng chữ « đồng bào » thân thiết, bị gọi

là giặc đồng bào hay ghê gớm hơn, giặc đầu bào...

Thực ra, không phải là trong phản-ứng chống cường-quyền ngoại-trị, tổ chức dân chúng nào cũng có thể giữ một thái-độ hào hùng mã-thượng. Cán cân lực lượng chiến đấu không cho phép họ làm theo ý muốn kẻ thù mong mỗi họ tự sát. Với lại có cả một trạng thái tinh thần đặc biệt liên kết mật thiết với tính cách vũ khí họ đem ra sử-dụng, khiến bọn đế quốc vốn ích kỷ, không đánh giá trị đúng mức. Có khi, sự tan rã của phong trào, nổi bơ vơ lạc lõng lý-tưởng khiến họ sống đời ngoài vòng luật-pháp như một tập-thể tàn hại xã-hội thực-sự. Chúng tôi đã có lần phân tích một trường-hợp cụ-thể của xã-hội thuộc-địa Miền-Nam, Việt không còn nữa mà Tây thì chưa thành, không được chấp nhận, khiến phát sinh phong trào du đãng với nếp sống hào hùng ngoài vòng cương tỏa nơi các đô-thị (1). Khía cạnh kinh-tế của vấn-đề là sự tan-rã của hệ-thống kinh-tế xã thôn thuộc địa trước sự xâm lấn thị-trường của đế-quốc (văn-kiện *Senatus Consulte* 1863 và sắc luật Wannier 1873 cướp đất trên tay dân Algérie (2)..), trước sự đòi hỏi nhân công khai thác (Tân Guinée đối với nhân công Việt-nam, Nam-Pai đối với Ấn-độ, chế-độ Van den Bosch ở Nam dương...) cùng sự cạnh tranh kỹ nghệ kèm theo áp lực chính-trị làm tan rã nền tiểu-công-nghệ bản-xứ (cạnh tranh hàng vải giữa các xưởng Manchester và Bengale nửa đầu thế kỷ 19) ; tất cả tạo nên cảnh sống lầm than chui rúc ở các bidonville, bên cạnh sự giàu sang của đám chủ-nhân-ông ngoại-quốc, đám quan-lại đầu hàng và bọn trưởng-giả mới sinh sôi nảy nở trong thời thuộc-trị.

Quan-điểm lịch-sử đề cao công ơn khai sáng, reo rắc văn minh của mẫu-quốc cũng được một số dân bản-xứ hòa nhịp. Đám thông-ngôn quân-sự của Algérie hãnh diện như đồng bọn xuất thân dưới quyền Trương-vinh-Ký, Tôn-thọ-Tường, nhả nhủ đồng bào mình :

khuyên đàn con trẻ chớ thầy lay ;

Thận-trọng-Huê mỗi miệng biện hộ rằng « nước Pháp nguyên không có lòng lấy nước Nam » (3) ; Phạm Quỳnh còm lưng dùng văn-học phục vụ chủ-thuyết « Pháp-Việt đề huề » ; trách gì các chủ nhân ông không lầm tưởng được sự tán đồng của tầng lớp trí-thức bản-xứ :

« Cho đến thế chiến thứ 2, phần lớn trí thức Hồi-giáo đều mong muốn một sự đồng-hóa rộng rãi vào cộng-đồng Pháp (4) ».

Chuyến biến tư tưởng trong quan điểm quốc gia của Trần-độc-Tú cũng là một bằng cứ thích thú về sự thay đổi từ ảnh-hưởng bởi áp-lực Tây-phương đến sự giác ngộ về tính-chất dân-tộc không phải

(1) Phân tích chuyện « Thor Sáu Trọng » khi bàn về « Bài chòi ở Bình định » (Sử-Địa, đặc khảo về Phong tục Tết Việt-nam và các lân bang, 1967).

(2) P. Bourdieu (*Sociologie de l'Algérie*, PUF, 1961, trg. 106) cũng phải xem các văn-kiện trên như « những khí cụ làm tan rã cơ cấu căn bản của nền kinh-tế và xã-hội bản xứ », « đề bảo đảm quyền hành của nước thống trị và quyền lợi kinh tế của dân nước đó ».

(3) Nguyễn văn Trng, sđd :

(4) Sablier — *L'Islam*. Encyclopédie par l'image, Hachette, 1960, trg. 50. Đáng chú ý là quyền sách viết trong thời kỳ phong trào giành độc lập của Algérie đang lên cao, mà vài dòng dành cho xứ Algérie trong một trình bày về Hồi-giáo như tập này cũng chỉ nhằm mục đích rõ rệt là hạ giá dân-tộc bị trị và biện-hộ cho Chính-sách của Pháp.

như một giá-trị vị-quốc hẹp hòi mà như là một nhận chân về ý-thức nhân-loại. Năm 1918 ông kết án Quyền-Phỉ, cho phong trào này là kết-tinh của mê-tín, bảo thủ, lạc hậu. Lời kết án đó rõ ràng là lập lại của kẻ chiến thắng vì tính cách tự ti phát sinh từ xúc cảm phản-ứng bởi sự yếu hèn của dân-tộc khiến tác giả không dám nhận ý tưởng của mình. Phải đợi đến khi phong trào vận-động dân-tộc của Trung-hoa bừng dậy, tác-giả mới lấy được tự tin. Cùng một sự-kiện, nhưng đứng trên quan-điểm ngược lại, tác giả không những bài bác được đối-phương mà lại còn xác nhận được giá trị trong khuôn khổ lịch-sử và văn-hóa :

« Họ (những người công kích Quyền Phỉ) chỉ thấy sự bài-ngoại của Quyền-phỉ ; họ không thấy những nguyên-nhân

phát-sinh ra sự bài-ngoại của Quyền-phỉ — sự thực rằng từ Nha-phiến chiến tranh, cả nước Trung-hoa phải chịu mùi máu do áp-bức của lính tráng, ngoại giao và giáo-đoàn ngoại-quốc.

« Họ chỉ thấy sự-kiện là Quyền-phỉ xâm phạm sinh mạng và tài-sản của vài người ngoại quốc, họ không thấy cuộc xâm lăng quân sự và thương-mại của đế-quốc vào Trung-hoa đã gây cho người Trung-hoa những tổn thất vô số về người và của cải như thế nào ». (1)

(Còn tiếp 1 kỳ)

TẠ-CHÍ ĐẠI-TRƯỜNG

(1) *Le Marxisme et l'Asie*, sdd, trg: 289-91, 310-312.

Xem thêm các hình ảnh trích trong *Les Sociétés secrètes en Chine* của J. Chesneaux, Julliard, 1965.

Tăng cường sinh lực

bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

1483BYT - D.P.Đ.C

TỪ CHUYỆN CHỬI TỤC[?]

Người Việt-nam chửi *nhiều* (điều dễ nhận thấy), chửi *hay* (điều chúng ta đã thử tìm một lối giải thích) (1). Người Việt-nam lại còn chửi *tục*.

Chửi mắng nhau thì có lẽ ở đâu cũng có, dân-tộc nào cũng làm. Nhưng chửi mà được *tục* tui như người Việt-nam là chuyện hiếm. Chắc phải hiếm lắm, cho nên ông Nguyễn-văn-Trung mới coi đó là dân-tộc-tính của chúng ta (2), là cái nó phân biệt chúng ta với những dân-tộc khác.

Vì sao mà người Việt-nam có thói chửi bới *tục* tui hơn tất cả thiên hạ dưới bầu trời này? — Vì chúng ta thanh lịch, ông Nguyễn-văn-Trung bảo thế (3).

Tóm tắt lại, ý kiến có vẻ bất ngờ, kỳ quặc. Nhưng ông Nguyễn đã giải thích một cách rành rẽ, lý thú. Có lẽ ông Nguyễn là người đầu tiên có cái sáng kiến đem chuyện chửi *tục* của người Việt-nam ra phân tích tìm hiểu ý nghĩa sâu xa như thế. Sự thành công của ông khuyến khích chúng ta góp thêm vào vấn đề một vài suy nghĩ.

Như thể mài kiếm dưới trăng

Trong truyện Tàu ngày xưa, hai tướng gặp nhau giữa trận tiền, nhiều khi họ hỏi tội nhau, nhiếc móc nhau qua lại một hồi, rồi mới giục ngựa xông tới xáp chiến. Đọc những câu hỏi tội và nhiếc

mắng ấy, thấy trong đó rõ ràng có lý sự, tuy rằng trình bày nặng lời. Đó chưa phải là chửi. Nhưng thỉnh thoảng, có những trường hợp một bên đóng cửa thành cổ thủ, bên kia khiêu khích, cho quân sĩ kéo đến dưới chân thành lớn tiếng gọi tướng đối phương ra mà chửi suốt ngày. Điều hết sức đáng tiếc là các truyện không chép rõ quân sĩ đã chửi như thế nào, chửi những gì, trong khoảng thời gian dài như thế. Tôi có cảm tưởng nếu góp nhặt được đầy đủ những câu chửi trong trường hợp này, chúng ta có hy vọng tìm thấy ở quân sĩ Trung-hoa một cái gì gần gũi với dân-tộc-tính Việt-nam.

Bởi vì chửi bới, càng kéo dài và càng có xu hướng thay thế cho ầu ẩu, nó càng thêm *tục* tui.

Thực vậy, đã không mong ăn thua nhau bằng sức mạnh, đã quyết định lấy

(1) *Chửi*, Bách-Khoa số 271 ra ngày 15-4-68

(2) Nếu muốn xác định dân-tộc-tính của người Việt-nam, thiết tưởng có thể coi văng tục, chửi *tục* là một dân-tộc-tính (*Ngôn-ngữ và thân xác*, trang 118).

(3) Khi người dân Việt nói *tục*, chửi *tục*, kể chuyện *tục*, thì cái *tục* ở đây không phải là thô tục, cục cằn, què mùa, bần thiêu. Nói cách khác, cái *tục* không bày tỏ một trình độ thiếu thanh-lịch hay thấp kém về đạo-đức, mà trái lại đòi hỏi phải có một ý-thức đạo-đức thật cao, một tình độ thanh lịch rất tế nhị mới có thể sử dụng cái *tục* trong chửi *tục*, kể chuyện *tục* lâm, đổ *tục*...

(*Ngôn-ngữ và thân xác*, trang 166).

chửi làm đánh, lấy lời dè bẹp đối phương, lấy ngôn ngữ làm vũ khí, thì tự nhiên chúng ta phải sử dụng tới cái thứ ngôn ngữ phũ phàng, ác độc nhất, thứ vũ khí nặng nhất, lợi hại nhất. Một dân tộc không chuyên đánh nhau không có cơ hội luyện tinh khí giới. Dân tộc ta có môn chiến đấu bằng lời, cho nên kho từ-ngữ tục tĩu được phong phú dồi dào, điều ấy không lạ. Ngày một ngày hai, lòng chúng ta lấy cái kinh nghiệm của quần chúng công đảo, lấy sự khôn ngoan, lấy lòng nhiệt thành của những chiến sĩ trau dồi môn vũ khí cần thiết, làm sao chúng ta không tạo ra được những tiếng chửi hiệu nghiệm nhất, dữ dội nhất : những tiếng tục ?

Tất cả mọi người hẳn đều đồng ý rằng tục xấu hơn thanh, rằng gửi đến đối thủ không nên chọn thanh mà cần chọn tục. Trên màn bạc, trong tiểu thuyết, các nhân vật Âu-Tây cũng chửi bằng những tiếng : *salaud, merde, ccuillon, con v.v...* Đại khái không xa với dân tộc tính Việt nam. Có điều những người Âu-Tây thô lỗ cộc cằn, họ không dừng lại lâu là ở giai-đoạn đấu tranh này. Sau những trao đổi mấy lời ngán ngùi như thế, nếu không có một bên nhượng bộ, tất họ nhào vào nhau đấm đá y hệt những kẻ tiểu-nhân. Do đó, kho từ-ngữ tục của họ nghèo nàn. Cũng do đó, thiết tưởng cái gì làm ra dân tộc tính Việt-nam không nằm trong bản-chất tục tĩu của lời chửi rủa, mà ở nơi cái mức độ tục tĩu của nó. Để làm nhục đối phương, thiên hạ cùng theo một lối ấy, không ai nghĩ khác ; duy dân tộc ta đi xa hơn vì chúng ta chửi lý hơn. Nếu các chàng cao bồi Mỹ không tính rút súng, nếu các hiệp sĩ Tàu không rút gươm, mà quyết định tranh hùng bằng cách chổng mông tru tréo

hàng giờ, người ta dễ có cảm tưởng họ tức khắc biết chửi tục. Bấy giờ việc trau dồi những tiếng tục tĩu sẽ thay thế cho việc thao luyện tác xạ, cho việc mài gươm dưới trăng.

Như thế, xét cho cùng, lại có thể nói dân-tộc-tính biểu-hiệu ở cái quan-niệm khôn ngoan của người Việt-nam về chửi rủa hơn là ở trong lời chửi tục.

Ai dễ hơn ai.

Nghĩ như vậy, may ra câu chuyện về người Việt - nam được giản dị, dễ hiểu chút ít.

Ông Nguyễn - văn - Trung cho rằng chuyện tục đối với người Việt-nam ta là chuyện quan-trọng lắm, là "điểm gay go nhất liên-quan đến ngôn-ngữ về thân xác". Ông đã dành trọn chương sách « Ngôn - ngữ tục » để nghiên-cứu về truyện tiểu lâm, về những câu đố tục giảng thanh, về văng tục chửi tục, về lối thơ Hồ-xuân-Hương v.v... (Nhân tiện, chúng tôi đề ý thấy những khi Hồ-xuân-Hương nói đến "bàn son" hay "quân ngà" bà không dùng những lời tục tĩu, mà chỉ gọi lên những ý nghĩ tục tĩu. Trong nhiều trường hợp, các câu đố tục giảng thanh cũng vậy. Ngay cả các chuyện tiểu lâm, lắm khi người kể không cần dùng đến các chữ tục tĩu — bao giờ kể chuyện ở chỗ đông người hay trước mặt phụ-nữ, người ta vẫn tránh như thế — mà người nghe đều hiểu ra chỗ tục ngụ ở trong. Như vậy ở đây cái tục nằm trong nội dung câu chuyện chứ không phải trong lời nói, nó nêu ra mối tương-quan giữa tư-tưởng và thân xác hơn là giữa ngôn-ngữ và thân xác). Sau khi nhận xét người Việt-nam nói đến cái tục quá nhiều, ông Nguyễn bảo « đối với người Việt, nhất là ở nông-thôn, cái tục không

mặc một ý nghĩa luân-lý. Cái tục thuộc lãnh-vực mô tả, nhận xét thực tại có thể nào thì nói thế (...). Do đó, những cơ-quan sinh-dục, những sinh-hoạt bài tiết, đối với nông-dân, không phải là tục, theo nghĩa thô tục, lạ lùng, đối-lập với cái thanh-lịch. Họ coi đó là những cử chỉ tự nhiên, những cơ-quan ai cũng có, nên không ngần ngại gọi bằng những tên thật của chúng. Và khi gọi như thế, họ chỉ nhằm mô tả thực tại có thể nào nói thế, chẳng khác nào nói bức tường là trắng, cánh đồng là xanh.

Người Việt nam, nhất là người nông dân Việt, trong cách giải thích ấy, có vẻ quá độc đáo và trở nên khó hiểu.

Thật vậy, nếu xem những sinh-hoạt bài tiết, sinh-lý, cũng là chuyện tự nhiên như mọi cử chỉ khác — nháy nhót, nói cười, ăn uống v.v... — thì tại sao lấy đó làm đề-tài tiểu lâm, tại sao nói đến những cái đó lại khúc khích cười lý thú? Nếu xem cơ-quan sinh-dục cũng như những cơ-quan khác, tại sao chỉ hướng những món ấy về địch thù mà không dành cho những kẻ thân yêu tôn kính? Nếu người nông-dân Việt coi việc đút c... vào mồm cũng không khác cho ngón tay cái vào mồm ngậm chơi thì họ đã không đòi làm như thế đối với kẻ thù. Nếu họ quan-niệm tiếng « c... » thốt ra chỉ nhằm mô tả, như nói tường trắng đồng xanh, thì « trở c... » với ai đã không có nghĩa là miệt thị người ấy. Nếu phải có một ý thức đạo đức thật cao, một trình độ thanh lịch rất tế nhị mới có thể sử dụng cái tục trong chữ « tục » thì tha hồ gặp hạng người thanh lịch tế nhị ở đâu đường xá chợ. Nếu người thanh lịch thường có thói đút c... vào mồm, ị vào mồm kẻ khác, thì những câu như thế đã không làm chúng ta giận nhau và đã không phải chỉ dùng vào những lúc vạn bất đắc dĩ.

Và lại, chính ông Nguyễn cũng khen người Việt, nhất là người Việt ít học (bản là có nông dân trong ấy) tế nhị vì không gọi trực tiếp các tên tục chỉ thị các cơ quan, các sinh hoạt bài

tiết, sinh lý, mà gọi tránh đi hay dùng chữ Hán thay thế: âm hộ, cửa mình, chỗ ấy, của quý, đi đồng, ăn nằm với nhau v. v...

Như thế, người Việt đã thanh lịch vì không ngần ngại mô tả bằng những tiếng tục, rồi người Việt lại thanh lịch vì ngần ngại né tránh các tiếng tục. Người Việt rắc rối dữ vậy sao?

Sự thực, vấn đề đã rắc rối ngay từ khi lấy cái tục làm đặc tính của dân tộc. Có quả thực so với các dân tộc khác, chúng ta đề cập tới cái tục, cái sinh lý, nhiều hơn cả? Tôi không được rõ trong văn học Cao miên, Ấn độ, Nhật bản, Đại hàn có chuyện tục chằng, chứ như ở Trung hoa thì người ta có vẻ không hề thua mình. Trong thơ văn Việt nam, dù khi phải tả đến thiếu nữ tắm khỏa thân hay nói đến chuyện trai gái chụng chạ ở chỗ chơi bời như trong truyện Kiều chúng ta cũng không dùng tới thứ ngôn ngữ trực tiếp như trong Tây sương ký:

(...) *Tha cho nhau tội lẫn khôn,
Tôi mở dần khuyết áo, cởi lần giây đai...*

(...) *Mày xanh lồ lộ vẻ xinh!
Nồn nà bộ ngực xuân tình đầy vơi!* (1)

Trong Hồng lâu mộng, lúc Bảo Ngọc mới lớn lên, một hôm ngủ trưa, lần đầu mộng thấy gần gũi với gái, và xuất tinh ướt quần, cô Tập Nhân thay đồ cho cậu ta, trông thấy, hỏi, cậu thú thực rồi đòi Tập Nhân cho được thử để biết việc, cô gái không từ chối; việc gì việc ấy được trần thuật thản nhiên, với một thái độ hồn nhiên lành mạnh như chưa từng thấy ở sách Việt nào trước đây. Nhưng Tây sương ký với Hồng lâu mộng đều là sách thanh nhã, không phải chỗ để chúng ta đến tìm kiếm chuyện tục tĩu. Tìm cái ấy, hãy tìm trong Nhục bồ đoàn, trong Kim bình mai v. v..., ở đây có cả thơ phú mô tả cận kề chỗ kín của đàn bà con gái.

(1) (Bản dịch của Nhưộng Tống)

Đây mới « thuộc lãnh vực mô tả ».

Bên cạnh những tác giả Trung hoa ấy, Hồ xuân Hương chẳng qua là một cô em gái có hơi nghịch ngợm nhưng vẫn cả thẹn.

Trí thức nước Tàu như thế, hạng bình dân xứ họ cũng không thua bình dân xứ mình. Lời nói đầu cuốn *Dân gian tiểu thoại* của Tân Sinh xuất bản xã cho biết đã phải bỏ đi nhiều truyện quá thô bỉ, đọc tới phát lộn mửa. Những truyện ấy đại khái có lẽ không nhường loại tiểu lâm ở ta.

Còn nhớ ông Hoài - Thanh có lần nhận định về cá tính dân tộc Việt-nam so với dân tộc Trung-hoa cũng chú ý đến chỗ người Tàu viết tục hơn ta.

Nếu lại đem so sánh với văn chương Âu Mỹ gần đây thì nhất định là chúng ta kém xa trong việc đề cập trắng trợn đến vấn đề sinh lý. Bên Tây-phương ngày nay, có hạng khai thác câu chuyện sinh lý một cách thô bỉ, có hạng tiến đến cái tục với thái độ đứng đắn, lành mạnh. Nói chung phong trào thật rầm rộ. Bên cạnh những H. Miller, D. E. Lawrence, A. Moravia, E. Caldwell v.v..., thi sĩ Hồ-xuân-Hương của chúng ta lại càng có đáng rụt rè, thẹn thò quá cỡ.

Tạm thời rời bỏ chuyện văn chương ngôn ngữ trong chốc lát, có thể nhận thấy trong lãnh vực hội họa điều khắc người Tây phương đã chiếu lên thân xác con người một cái nhìn thật thanh lịch, nhìn khắp các bộ phận trên thân người như nhìn tường trắng đồng xanh, nhìn để chỉ tìm ra cái đẹp, không một dụng ý thô tục. Và như thế từ xa xưa. Trong khi ấy con mắt nghệ sĩ của chúng ta vẫn né tránh thân người. Tại sao vậy ? Còn

như hiện thời thì đùi, vú, háng, mông, tràn ngập bao vây quần chúng Âu Mỹ ra sao, ai nấy đều rõ. Hiện tượng ấy, có nước từng đưa ra quốc hội cứu xét, có nước từng đưa ra tòa án phân xử, hoặc có nơi mời các nhà giáo dục, hoặc có nơi rước các nhà đạo đức nghiên cứu, kết cục lắm khi dẫu không cho là thanh lịch cũng không hề lên án là thô tục.

Câu chuyện về cái tục càng lúc càng gọi thêm nhiều điều phức tạp. Đối với thân xác con người, mỗi dân tộc có một lối quan tâm riêng, một cách quyến luyến say mê riêng cũng như một niềm e sợ riêng. Phát giác ra những mối bận tâm của người Việt-nam đối với thân xác mình là chuyện thật hay. Nhưng bảo rằng dân tộc ta đã chú ý bận tâm đến nó hơn người thì e không lấy gì làm chắc đâu.

Duy xét riêng vấn - đề chữ bới, nếu chúng ta đã chữ nhiều hơn thiên hạ thật thì chúng ta có chữ tục tần hơn cũng là dĩ nhiên. Và chữ tục chỉ có ý nghĩa, có hiệu nghiệm, khi cả kẻ chữ lẫn người nghe đều cho cái tục là xấu.

Nỗi khiếp sợ truyền kiếp.

— Cái tục tự nó có gì xấu ? Sinh-hoạt sinh-lý : ăn uống, bài tiết, ăn nằm, tại sao xấu ? Cơ-quan sinh-dục : cái này, cái nọ mà xấu hã ? Dóc tở. Chỉ có hạng trưởng-giả, hay đạo - đức giả, mới đặt điều che đậy, bảo những cái đó là xấu, chứ người bình - dân Việt - nam đâu có ngượng vì những cái đó.

— Vâng. Những cái ấy, việc ấy, tự nhiên lắm, đâu có gì tởm tợ, đáng ghét bỏ. Người ta còn ham nữa là khác. Mặt khác, người dân lao-động quả có nhiều dịp vận dụng thân xác, phô bày thân xác, nên có thể có một quan - niệm về thân xác lành mạnh hơn các tầng lớp trên,

Người chài lưới lặn ngụp dưới nước hàng ngày, họ làm việc giữa trời nước mênh mông, xa cách thôn xóm xã-tội, họ quen khóa thân cho tiện. Người làm nghề đốt than trên núi cao rừng rậm, đề khỏi vướng víu, cũng hay khóa thân. Những hạng người đó không hay đổ mặt vợ vẫn như một tiểu thư khuê các lỗ đề sờ chiếc cúc áo.

Tuy vậy, những người lao - động ấy cũng không đạt tới cái mức hồn nhiên, đến nỗi không cho các bộ phận sinh-dục là « xấu », hoạt-động sinh-lý là « xấu ». Nhất là khi họ trở về với tập thể, xóm làng. Bấy giờ không ai tưởng tượng có thể làm ái tình trước mặt mọi người, cũng không ai chịu kẻ khác hếch của quí vào mặt mình mà không giận, dù đó chỉ là việc tự nhiên, bộ phận tự nhiên.

Đề cho có ổn-định, trật-tự, xã-hội từ trước tới giờ vẫn phải chấp nhận một số ước-lệ. Những cấm kỵ xung quanh vấn-đề sinh-lý cũng chỉ là ước-lệ, nghi cho cùng phần nhiều vô lý. Áo mũ xênh xang thực vô lý, nghi tiết qui-định từng bước tới bước lui trong lễ lạc thực vô lý. Nhưng vứt bỏ hết áo mũ, xóa hết mọi bó buộc lễ lạc đi, vị đại-sứ nước này lửa lò tổng ngồng chạy đến ra mắt quốc-trưởng nước kia, những cam kết giữa các quốc-gia sẽ giảm tính cách trọng-hệ nghiêm - chỉnh; một vị quan tòa không che đậy thân thể đứng ra tuyên - bố một án tử - hình sẽ làm cho tội - nhân bớt cái cảm - tưởng phải chết vì một nền công lý thiêng liêng. Tạo - hóa đâu có làm gì để ngăn ngừa, trừng phạt sự dâm ô công khai hay tội loạn luân? Nhưng sau mười hay mười hai nghìn năm chung sống với nhau thành xã hội có kỷ cương, loài người đã dần dần tự bày đặt ra cho mình nhiều trói buộc,

gán cho nó những ý nghĩa bí ẩn.

Chuyện sinh lý, chẳng những nó vô tội, lành mạnh, lại cần thiết; nhưng nó liên quan tới những bản năng mãnh liệt. Trong khi đang diễn ra cá sinh hoạt xã hội, để giữ gìn kỷ luật, ai nấy ngấm đồng ý kéo một lá màn che khuất bản năng lại, đẩy lui nó ra phía sau hậu trường, giả vờ quên nó đi: che những cơ quan vô tội ấy, những hoạt động vô ấy. Như thế, lâu ngày, rồi người ta đâm giết mình khi lỡ trông thấy phơi bày những cái ấy. Sự sợ hãi đối với bản năng cũng hóa thành một bản năng. André Maurois nhại một kiểu nói trong kinh thánh: « Huyền thoại bắt đầu là huyền thoại, nghĩa là tiếng nói, ngôn từ, lời lẽ; rồi thì nó hóa nên xác thể. Huyền thoại nhập vào thân xác con người ». Thêm cái sinh lý, là bản năng; nhưng sau hàng mấy trăm thế hệ kế tiếp nhau sống trong kiêng kỵ, cái kiêng kỵ sinh lý cũng là một bản năng nữa. « Thẹn thò không còn là của triều đại Victoria, của Thiên-chúa-giáo nữa, nó là của con người ». Tưởng có thể nói thêm: nó cũng không là riêng của giai cấp trưởng giả hay của giai cấp bình dân.

Như vậy, khi người Việt nam chửi tục, việc chửi ấy có thể cơ sở trên quan niệm cho cái tục là xấu. Đó cũng là thiên hạ thường tình, không có gì làm tăng hay giảm tính cách thanh lịch của người Việt,, kể cả người Việt bình dân.

Cái tục và cái cười

Cái tục là cái xấu. Chúng ta nghĩ thế nhưng chúng ta không tránh cái tục bằng tránh cái cười. Tại sao lạ vậy?

« Chúng ta » nói đây là bao gồm cả người Việt nam và người Trung hoa. Tôi đã có lần đề ý rằng ở Á Đông người trí

thức rất ngại cười cợt (1). Xã hội chúng ta không phải là một xã hội rầu rĩ khắc khổ. Không đâu, chúng ta cũng cười đùa ầm ĩ lắm. Ca dao, tục ngữ, tiểu lâm, câu đối v. v... đều biểu lộ tính nghịch ngợm. Người Trung hoa có câu tục ngữ « Nhược yếu tinh thần hảo, phạm hậu tiểu tam tiểu », họ khoái cười, họ chủ-trương cần cười. Thế nhưng họ không cho phép cái cười len vào địa-hạt văn-học nghệ-thuật: họ không có hí-họa, không có tiểu-thuyết trào-phúng, không có sách triết-học nghiên-cứu về cái cười, không dùng giọng giễu cợt nhạo báng trong khi biện-luận v. v... Đó là thái-độ của trí-thức Trung-hoa cho đến khi tiếp xúc với Tây-phương. Có thể kể đến tên những cuốn *Nho lâm ngoại sử*, *Lão tàn du-ký*... của thế-kỷ thứ 17, nhưng so với truyện hài hước bên Âu - châu, dụng ý hoạt-kê ở đây không đáng kể.

Sinh-hoạt hồn nhiên ngoài xã-hội: tha hồ cười; trong văn - nghệ trí-thức: nín cười. Văn-học dân - gian, truyền khẩu, gần với cái sinh-hoạt hồn nhiên, nên vui vẻ. Tác-phẩm của nho-sĩ thì một mực nghiêm-chỉnh. Đôi bên thỉnh thoảng có một cơ hội gặp nhau, bên nào vẫn giữ đặc tính bên nấy. Chẳng hạn trên sân khấu: bên tuồng do văn-sĩ viết ra chỉ có hùng tráng bi-ai, quần-chúng muốn vui vẻ bèn thêm vào những vai hề (sửu sinh hay xú sinh) nói bông lơn tự-do. Hề ra hề tuồng ra tuồng, từ thế-kỷ nọ sang thế-kỷ kia văn-sĩ không buồn tìm cách đưa những câu pha trò nọ vào bên tuồng chính thức để cho sự kết hợp được khéo léo, hợp lý.

Ở Việt-nam cũng vậy. Tuồng « pho », tuồng « thầy », của nho-sĩ viết ra thì bao giờ cũng nghiêm-chỉnh. Tuồng « đồ » của dân gian lại cười cợt ầm-ĩ. Hát bộ, nói

chung của nho-sĩ, nên nghiêm-trang chững chạc. Hát chèo, của dân gian, nên vui vẻ trào lộng. Mà ngay trong những vở chèo, phần chính bản, do một kẻ học thức nào đó viết ra lại cũng đình-đặc đứng đắn, còn cái cười là do nghệ-nhân tự ý đem vào trong khi diễn xuất. Cái phần thêm thắt ấy nhiều lắm, quan-trọng lắm: vở *Lưu-Bình trờ*, bản nôm thực ra chỉ có 479 câu, mà trên sân khấu nó được kéo dài tới trên nghìn câu. Vì phần thêm thắt quan-trọng nên nó làm ra đặc tính của chèo: chèo là trào (lộng).

Sự tách bạch giữa đôi bên rất phân minh (2), tách bạch đến thành ra thế đối chọi (3). Và cũng như bên Tàu, trải qua hàng nghìn năm tiếng cười của quần chúng không lan nổi sang tầng lớp thượng lưu, mặc dù tiếng cười vốn dĩ có đặc tính lan rộng, lôi cuốn.

Trong bộ môn truyện, người Việt không có tác phẩm thành văn nào nổi tiếng về tính cách khôi hài. Truyền khẩu thì ngoài những truyện tiểu lâm có lẽ xuất hiện từ xa xưa, đến thế kỷ 18 có một số chuyện về Trạng Quỳnh và Trạng Lợn. Các tác giả bộ *Lịch sử văn học Việt nam* xuất bản ở Hà nội cho rằng vào thời kỳ này ở Thăng long thương

(1) *Không cười*, Bách Khoa thời đại số 244 ra ngày 1-3-67, và *Không cười thế mà hay*, Bách-Khoa thời đại số 245 ra ngày 15-3-1967.

(2) ... « tính bi hầu như chỉ nằm trong tích trò và tính hài hầu như chỉ nằm trong phạm-vi ứng diễn ». (Trần Việt Ngữ và Hoàng-Kiều — *Bước đầu tìm hiểu tiếng cười trong chèo cổ*. Nhà xuất-bản khoa-học xã-hội — Hà-nội, 1967, trang 37) ... « điều cần ghi nhớ là tính bi hầu như chỉ thấy trong tích trò, tính hài chỉ có trong phần ứng diễn » (Sách đã dẫn, trg 62).

(3) ... « Vai hề có thể độc-lập hẳn với tích tuồng, chèo, không những độc-lập mà đôi khi còn đối lập nữa ». (Nguyễn-văn-Trung — *Lược-khảo văn học II*, trang 104).

mãi đã phát triển, hạng thương nhân giàu có đông đảo thù nghịch với phong kiến và chế giễu phong kiến đang lâm tình trạng suy đồi. Như thế, các nho sĩ Việt nam, khi thì họ bị nông dân nhạo báng, khi thì họ bị thương nhân nhạo báng. Còn họ, họ không nhạo báng ai cả, lúc thịnh cũng như hồi suy.

Từ cuộc sống đến văn nghệ, từ nền văn học dân gian đến nền văn học của nho sĩ, cái tục cũng bị hạn chế dần dần như cái cười. Nhu cầu sinh lý không hề bị coi nhẹ, nhất là ở người Tàu, bậc sư trong nghề hưởng thụ cảm giác. Xã hội chúng ta đầy những thể thiếp; trong văn chương truyền khẩu chúng ta tha hồ nói chuyện tục tĩu. Thế nhưng nghệ sĩ Trung hoa và Việt nam không vẽ phụ nữ khoả thân, không làm thơ ca tụng những vú ngực mông đùi, như Baudelaire chẳng hạn (trừ trường hợp Hồ xuân Hương với dụng ý nghịch ngợm).

Thật là ngô nghê, một dân tộc sống thân thiện với bản năng, quý chuộng thể xác, có những nhân vật như Kim Thánh Thán cực tả nỗi khoái trá được bỏ quả dưa bằng con dao sắc giữa buổi trưa hè, được đóng cửa buồng lấy nước nóng ngồi rửa những mụn ghẻ nước mọc ở chỗ kín, như Lâm ngữ Đường ngần ngại không muốn làm tiên, chỉ vì tiên không có làn da để mỗi lúc nổi cơn ngứa được mạnh tay gãi cho sưng..., một dân tộc như vậy khi cầm bút lại chỉ đưa vào thơ người con gái có mắt liếc môi cười, mặt hoa, mày liễu, mà không có vú, đưa vào tranh những cảnh trang nghiêm, những con người áo xống lung tung rườm rà. Tranh thủy mặc của họ loại bỏ sắc màu, bỏ luật viễn cận, không quan tâm tới những rục rĩ bụi hoẵng của cảnh sắc,

những khối thề lồ lộ trên thân người v.v..., không một chút nồng nàn đối với thể giới khả xúc, xa cách các dục vọng ồn ào. Và thơ cũng như tranh ..

Từ cuộc sống hồn nhiên của dân gian đến cuộc sống có ý thức của triết nhân nghệ sĩ, chúng ta mỗi lúc mỗi nén thêm tiếng cười và nén thêm dục tình. Nỗ lực văn hóa của chúng ta như là một nỗ lực kìm hãm, từ chối cái cười và cái tục. Tìm hiểu đặc điểm dân tộc, có thể không chú ý đến chỗ ấy sao? Những phát lộ hồn nhiên phô bày dân tộc tính, thiết tưởng chiều hướng cố gắng của văn hóa cũng biểu hiện dân tộc tính.

Nhưng có phải là kìm hãm, chối từ? Hay chỉ là một chuyện phân chia ranh giới: đây là khu vực tự do, tha hồ nghĩ ngổ đùa giỡn lố lăng, tha hồ gãi soàn soạt tùy thích, hoặc bồ dục, hoặc ngủ với gái đẹp; nhưng một khi sang đến khu vực bên kia thì liệu mà chỉnh đốn tư cách tác phong. Trong việc thành lập gia đình, người Âu Tây đòi hỏi ở người vợ cả sắc đẹp lẫn đức hạnh, đòi một người ấy phải thỏa mãn những khao khát của giác quan đồng thời phải giữ vững giềng mối luân thường. Người Tàu xưa kia chọn hầu thiếp như chọn đồ chơi, chỉ cốt đẹp đẽ, xinh xắn, vợ cả mới thuộc về khu vực nghiêm chỉnh của cuộc sống đạo đức, vợ cả không hưởng những món trốn mê ly nhưng được hưởng sự tôn kính trọng vọng.

Nhờ sự phân chia minh bạch như vậy bản năng không bị trấn áp, nó không phải thỉnh thoảng vùng lên nổi loạn một phen, con người không mang ần ức ngấm ngấm, cuộc sống xã hội được quân bình. Lại một điểm khôn ngoan nữa, lần này chung cho cả ta và Tàu?

Dù cắt nghĩa thế nào, trong thái độ chúng ta đối với cái tục và cái cười cũng còn một điểm đáng lưu ý : giới nho sĩ hình như sợ cái cười hơn nhiều. Các tác giả *Kim bình mai*, *Nhục bồ đoàn* v.v... đều là những kẻ sĩ, cũng như Hồ xuân Hương là một kẻ sĩ. Có thể nói trong quan niệm trước kia, tiểu thuyết không được xem như một bộ môn văn nghệ chính thống, người kể truyện ở Trung-hoa không tự cho là mình đang làm việc đứng đắn, hoạt động cho học thuật, mà chỉ là giải trí. Cũng như có thể nói Hồ-xuân Hương khi vịnh cảnh đánh đu, chơi cờ người v.v... không nghĩ mình trước thư lập ngôn, không hề có ý gom góp

những bài thơ đó vào một sưu tập để cho ấn hành. Như vậy những tác phẩm tục tĩu vừa kể không nằm bên phía khu vực văn học nghệ thuật, mà ở bên phía sinh hoạt "hồn nhiên".

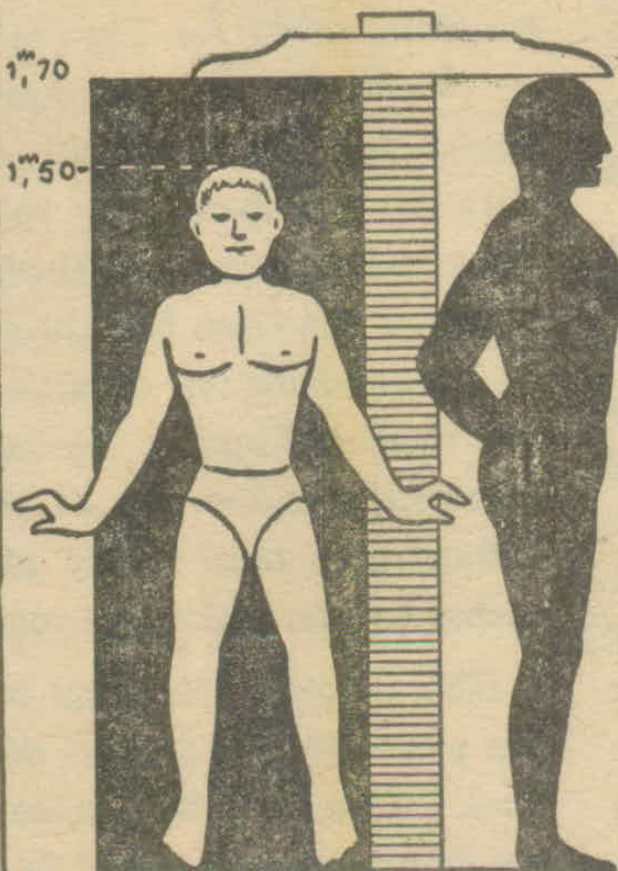
Nhưng dù sao cũng không thể tìm được ở ta và Tàu một nho sĩ tên tuổi nào chịu nhúng tay vào một công trình hoạt kê quan trọng khả dĩ so sánh với các tác phẩm tục tĩu vừa kể.

Cái tục nó chẳng ra gì, đã dùng để văng vào mặt kẻ thù. Cái cười, ai ngờ chúng ta còn coi là tệ hơn.

VÕ-PHIẾN
III — 1968

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TÔ
C-D-PP-B2-B6-B12



- CON NÍT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ.
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG.
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHÔI.
- MỆT MỎI.

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

KN S6 78 MBYT/QCDP

Thuốc điều - sinh

Thuốc điều-sinh⁽¹⁾ hiện nay được coi là phương pháp mới nhất, giản dị nhất, rẻ tiền nhất và hiệu-nghiệm nhất để điều-hòa sinh đẻ. Đó là những viên thuốc nhỏ, xinh xắn, chứa không tới 3 milligram chất kích-thích-tổ và giá khoảng 300 đ một liều mỗi tháng. Uống mỗi ngày một viên, mỗi tháng hai mươi ngày, viên thuốc này có tác dụng làm cho trứng không rụng và như vậy người đàn bà không thể thụ-thai được. Thuốc còn có thêm một tác-dụng nữa là tác-dụng điều-kinh, khiến cho chu-kỳ kinh-nguyệt của người đàn bà chỉ ở vào khoảng từ 26 tới 28 ngày, là thời-gian mà người ta cho là hợp với thiên-nhiên hơn cả.

Thuốc điều-sinh có tác dụng này nhờ hai nhóm kích-thích-tổ estrogen và progestin có trong cơ-thể đàn bà. Người ta nhận thấy hai kích-thích-tổ này đã điều-khiển chu-kỳ kinh-nguyệt của người đàn bà và ra lệnh cho trứng rụng xuống vào khoảng giữa kỳ kinh-nguyệt, là khoảng thời-gian người đàn bà có thể thụ-thai được. Chu-kỳ kinh-nguyệt khởi đầu từ khi người đàn bà thấy kinh. Trong năm ngày đầu, tử-cung loại bỏ một lớp màng lót bên trong để sửa soạn chỗ cho trứng mới sắp rụng xuống. Khi tử-cung đã sẵn sàng, một sự thay đổi lượng estrogen trong cơ-thể báo hiệu cho buồng trứng. Trứng sẽ do ống dẫn trứng đi xuống

tử-cung. Nếu trong khi đi xuống tử-cung trứng gặp một tinh-trùng thì người đàn bà sẽ thụ-thai. Nếu không thì tử-cung sẽ tự loại bỏ lớp màng lót bên trong một lần nữa và một chu-kỳ kinh-nguyệt mới lại bắt đầu.

Thí nghiệm Pincus

Cơ-năng điều-khiển thời-gian rụng trứng đã được khám phá bởi Gregory Pincus, nhà sinh-lý-học, và John Rock bác-sĩ về bệnh phụ-nữ. Khoảng 1940 khi nghiên-cứu về vấn-đề hiếm hoi của một số phụ-nữ, các bác-sĩ này nhận thấy trong máu các phụ-nữ có thai và một số phụ-nữ hiếm hoi có một số lượng rất lớn kích-thích-tổ progesterone. Kích-thích-tổ này đã giữ cho trứng không rụng và người đàn bà không thể thụ thai được. Mới đầu Pincus và Rock áp-dụng khám-phá đó để chữa bệnh hiếm hoi. Họ dùng hóa chất progestin, tương tự như progesterone, để điều-hòa chu-kỳ kinh-nguyệt và để cho trứng rụng vào một thời gian nhất định, giúp được một số phụ-nữ thụ thai dễ dàng hơn. Về sau Pincus và Rock mới nảy ra ý tưởng áp-dụng khám-phá đó vào địa-hạt điều-hòa sanh-đẻ.

Họ liền cho một số phụ-nữ uống progestin trong 20 ngày mỗi chu-kỳ kinh-nguyệt. Lượng progestin khiến cho cơ-thể người đàn bà trở nên như lúc có thai và trứng không rụng nữa. Mới đầu, cuộc thí-nghiệm tiến hành rất khả-quan và các người thí-nghiệm không thấy khó

(1) L.T.S. xin xem thêm bài "Điều hòa sinh đẻ" của Ngọc Vân trên B.K. số 240 (1-1-1967).

chịu gì cả. Nhưng về sau khi uống loại progestin được lọc kỹ hơn, các người thí-nghiệm cảm thấy khó chịu vì hay bị rong huyết, (thấy huyết ra vào giữa chu-kỳ kinh-nguyệt). Kiểm chứng lại, Pincus và Rock thấy rằng loại progestin dùng về sau không có lẫn estrogen. Hình như, sự hiện diện của estrogen, dù rất ít cũng đã làm giảm các biến-chứng nói trên. Khám phá này đã đưa tới việc chế-tạo loại thuốc điều-sinh hỗn-hợp, trong đó mỗi viên thuốc đều có cả progestin và estrogen.

Thuốc hỗn-hợp và thuốc kế tiếp

Song song với thí-nghiệm của Pincus và Rock, bác-sĩ Fuller Albright cũng nhận thấy rằng sau khi thấy kinh, nếu cơ-thể có nhiều estrogen, thì trứng cũng không rụng được. Các nhà bác-học khác liên quan-sát và thí-nghiệm thêm thì nhận thấy rằng từ ngày thứ 5 đến ngày thứ 20 của chu-kỳ kinh-nguyệt, lượng estrogen trong cơ-thể tương-đối được giữ vững. Duy chỉ có khoảng từ ngày

thứ 12 cho tới ngày thứ 16, tức là thời kỳ có thể thụ thai được, thì lượng estrogen hơi giảm đi một chút. Hình như sự suy giảm này đã khiến cho trứng rụng. Các nhà thí-nghiệm liền suy ra rằng nếu giữ cho lượng estrogen không thay đổi suốt trong chu-kỳ kinh-nguyệt thì trứng sẽ không rụng và người đàn bà sẽ không thể thụ thai được. Bởi vậy trong 15 ngày, từ ngày thứ 5 cho tới ngày thứ 20 của chu kỳ kinh-nguyệt, người đàn bà chỉ uống có estrogen và 5 ngày sau mới uống progestin để cho lượng progestin và estrogen được giữ thẳng bằng như trong cơ thể bình thường. Quan-niệm này đã đưa tới việc điều-chế loại thuốc điều sinh kế tiếp, trong đó 15 viên estrogen và 5 viên progestin được uống kế tiếp nhau.

Hiện nay cả hai loại thuốc này đều được bán trên thị trường và đều có hiệu quả như nhau. Tại Mỹ loại thuốc này được bán dưới 11 nhãn-hiệu chính với những đặc-điểm sau đây :

TÊN THUỐC	NHÀ BÀO CHẾ	MÀU SẮC	LƯỢNG KÍCH THÍCH TỔ	
			PROGESTIN	ESTROGEN
			(milligram)	
I. Loại Hỗn hợp. :				
Enovid-E	Searle	1 đồng nhạt	2,5	0,1
Norinyl	Syntex	trắng	2,0	0,1
Norinyl-1	Syntex	trắng	1,0	0,05
Norlestrin	Parke, Davis	hồng	2,5	0,05
Ortho-Novum 1 mg	Ortho	vàng	1,0	0,05
Ortho-Novum 2 mg	Ortho	trắng	2,0	0,1
Ovulen	Searle	trắng	1,0	0,1
Provest	Upjohn	vàng	10,	0,05
II. Loại Kế tiếp :				
C-Quens	Lilly	15 viên trắng	—	0,08
		5 viên hồng	2,0	0,08
Oracon	Mead Johnson	16 viên trắng	—	0,1
		5 viên hồng	25	0,1
Ortho-Novum SQ.	Ortho	14 viên trắng	—	0,08
		6 viên xanh	2	0,08

Các biến-chứng

Cả hai loại thuốc này đều có hiệu lực 100%. Sau khi uống người đàn bà có kinh nguyệt đều hơn và khi ngưng uống lại có thể thụ thai trong vòng 3 tháng tới một năm. Nhưng nếu đang uống mà quên không uống một hai ngày thì thuốc hết hiệu nghiệm. Vì thuốc điều-sinh tương đối hãy còn mới nên có nhiều người hãy còn sợ thuốc có thể có những biến chứng bất lợi mà y-học chưa biết tới. Nhưng trong một cuộc thăm dò ý kiến 7000 nhà chuyên môn về bệnh phụ-nữ và sản-khoa tại Mỹ, người ta thấy rằng 95% các nhà chuyên môn đã cho các khách thăm bệnh uống thuốc điều-sinh, 87% cho dùng thuốc điều-sinh nhiều hơn là các phương pháp điều sinh khác và chỉ có 1% coi thuốc điều sinh là nguy hiểm, không nên dùng.

Mối lo sợ lớn lao nhất là thuốc điều sinh có thể gây ung thư vú hay tử cung. Cho tới nay, sau hai mươi năm thí-nghiệm và bảy năm thông-dụng, chưa có chứng cứ chứng tỏ thuốc điều sinh gây ra ung-thư. Tuy nhiên, ung - thư thường phát sinh rất chậm và cần phải một thời gian nữa mới có thể quả quyết là thuốc điều-sinh không gây ra ung-thư. Người ta cũng nhận thấy estrogen có đặc tính làm cho một vài loại ung-thư ngực và tử-cung phát-triển mau hơn. Vì vậy, những người nghi là bị ung-thư không nên dùng thuốc điều-sinh...

Mối lo sợ thứ hai là chứng tắc mạch máu gây ra bởi bệnh sưng tĩnh-mạch. Chứng này thường thấy ở đàn bà có thai và độ sáu tuần sau khi sinh. Vì thuốc điều-sinh khiến cho cơ thể người đàn bà trở nên như khi có thai nên có người sợ rằng nó có thể gây ra các biến chứng nói trên. Tuy nhiên 79% các nhà chuyên

môn ở Mỹ cho rằng thuốc điều - sinh không gây ra chứng tắc-mạch máu. (1)

Có một số người sau khi uống thuốc, cảm thấy bị chứng nhức đầu. Các bác sĩ cho rằng điều này có thể xảy ra trong vài tháng đầu rồi, khi cơ-thể thích-nghi được với số lượng kích-thích-tổ thì sau đó sẽ khỏi. Nhưng nếu không khỏi thì cần phải ngưng uống thuốc.

Những người yếu gan, hay bị bệnh gan, hoặc có chứng sốt vàng da cũng không dùng được thuốc điều - sinh. Vì gan có nhiệm-vụ biến-hóa và hấp-thụ estrogen nên khi uống thuốc, gan có thể làm việc quá sức và sinh bệnh. Theo các nhà chuyên-môn thì cứ 10.000 người đàn bà mới có một người phát sinh bệnh sốt vàng da vì uống thuốc điều-sinh. Nhưng sau khi ngưng uống thuốc thì bệnh cũng hết.

Còn một chứng bệnh đàn bà nữa mà người ta sợ rằng thuốc điều-sinh có thể gây ra hoặc giúp cho phát ra nhanh hơn, đó là chứng bệnh có bướu xơ ở trong tử-cung. Bệnh này thường thấy ở đàn bà khoảng 40 tuổi. Thường thì bướu này không gây ra khó chịu và sẽ biến đi khi người đàn bà hết kinh. Nhưng nếu mọc lớn quá thì làm cho ra huyết và cần phải cắt tử-cung. Các nhà chuyên-môn đều tin rằng thuốc điều-sinh không gây ra bệnh này. Tuy nhiên, thuốc có thể làm cho bệnh phát-triển nhanh hơn, vì vậy những người có bệnh này không nên uống thuốc điều-sinh.

Như vậy, trong giai-đoạn này, ta có thể nói rằng thuốc điều-sinh không gây ra những biến-chứng trầm trọng nói trên. Ngoài ra, thuốc điều - sinh còn có thể có những biến-chứng nhẹ như nôn khan, nám mặt, và lên cân. Nhưng những biến chứng này thường không

(1) Xin xem Chú-thích ở trang 42.

đáng kể hoặc chỉ xảy ra trong mấy tháng đầu khi mới uống thuốc. Hơn thế nữa, nhiều người cho rằng thà chịu biến-chứng đó còn hơn là sống trong lo âu sợ hãi vì sinh đẻ quá nhiều hoặc thụ thai không đúng lúc.

Tôn-giáo và Đạo-đức

Ngoài các thắc mắc về kỹ-thuật, thuốc điều-sinh còn nêu ra những vấn-đề liên-quan tới đạo-đức và tôn-giáo. Nhiều nhà đạo-đức cho rằng thuốc điều-sinh sẽ làm suy giảm đạo-đức vì trai gái có thể tự-do luyện-ái mà không sợ hậu quả. Nhưng nói như vậy tức là liệt thuốc điều-sinh vào các loại thuốc kích dâm, các loại văn-hóa khiêu dâm cũng như các nơi ăn chơi truy-lạc. Người ta nhận thấy rằng nếu người con gái đã thiếu đạo-đức thì dù có thuốc điều-sinh hay không có thuốc điều-sinh, họ vẫn thiếu đạo-đức. Hơn thế nữa, phần lớn các vụ luyện-ái ngoại hôn đều hấp dẫn ở tính cách bất ngờ và không định trước. Nếu một cô gái luôn luôn phải uống thuốc điều-sinh để chờ đợi các cuộc phiêu-lưu tình-cảm, thì sẽ cảm thấy mất hứng-thú khi giờ phút phiêu-lưu đến. Có nhà xã-hội-học quan-niệm rộng rãi hơn cho đạo-đức là một vấn-đề tự-do cá nhân. Nếu thuốc điều-sinh có làm cho người con gái cảm thấy tự-do hơn, thì bù lại nó cũng giúp cho xã-hội tránh được những vấn-đề trầm-trọng, như đẻ hoang và phá thai lén lút.

Tôn-giáo, nhất là đạo Gia-tô, lại còn là một trở ngại lớn lao cho việc dùng thuốc điều-sinh. Cho đến nay phương pháp điều-sinh duy nhất được Tòa-thánh Vatican chấp nhận là phương pháp Ogino-Knaus, còn gọi là phương-pháp an-toàn. Nhưng phương pháp này, như mọi người đều biết, không được bảo đảm như ý muốn vì kinh kỳ có thể

thay đổi bất thường theo tình trạng sức khỏe và tâm-lý của người đàn bà. Nhiều gia-đình theo đạo Gia-tô, chỉ áp-dụng phương-pháp này, đã lâm vào tình trạng lúng túng quần bách mỗi khi tính phạm thời kỳ an-toàn. Tại Mỹ, ít ra cũng có hơn 50% dân theo đạo Gia-tô đã dùng những phương-pháp điều-sinh khác, ngoài phương-pháp an-toàn.

5500 lần...

Vả lại, quan-điểm của Tòa-thánh về vấn đề tình-dục xem như không hợp với thực tế. Nếu cứ theo đúng giáo-điều của thánh Augustin chỉ « cho phép giao-hợp mỗi khi muốn sinh-sản » thì, theo nhận xét của các nhà sinh-lý, một người đàn ông suốt đời chỉ có thể giao-hợp tối đa là 55 lần. Vậy mà, theo cuộc điều tra nổi tiếng của Alfred C. Kinsey thì trung bình, một người đàn ông Mỹ giao-hợp khoảng 5.500 lần trong suốt đời. Như vậy, đứng về mặt sinh-lý, chỉ có 1% các sinh hoạt tình-dục là có mục-đích sinh-sản, còn 99% là có mục-đích khác. Tại xã-hội Việt-nam, trung bình mỗi gia-đình có 5 người con. Như vậy, trên thực tế, đối với người đàn ông có gia-đình, chỉ có chưa tới một phần nghìn các hoạt động tình-dục là có kết quả sinh-sản.

Hình như Giáo-hội Công-giáo cũng nhận thấy sự kém thực-tế về giáo-điều của thánh Augustin, nên năm 1930, đức Giáo-hoàng Pius XI mới thay đổi luật lệ và cho phép dùng phương-pháp Ogino-Knaus. Người ta cũng chờ đợi một sự cởi mở tương tự như vậy đối với việc dùng thuốc điều-sinh. Tuy nhiên, cho tới nay, trong Tòa-thánh vẫn có hai lập trường : một chống đối, một chấp thuận. Trong khi đó đức Giáo-hoàng vẫn chưa có một lập trường rõ rệt. Các nhà khoa-học theo đạo Gia-tô cho rằng nếu đã chấp thuận

phương-pháp an-toàn vì nó « hợp với thiên-nhiên » thì cũng có thể chấp nhận thuốc điều-sinh. Vì thuốc điều-sinh không làm gì khác ngoài việc mô-phỏng cơ-năng của tạo-hóa những khi cơ-thể muốn trứng không rụng. Lập trường này cũng được phần lớn các nhà khoa-học tại Pháp công nhận và có nhiều dấu hiệu chứng tỏ trong một (tương lai rất gần, thuốc điều-sinh có thể được dùng công khai và hợp pháp tại Pháp, nơi mà đa số dân chúng theo đạo Gia-tô.

Ngoài các vấn đề đạo-đức và tôn-giáo đó ra, trong khi chờ đợi thuốc điều-sinh được phổ biến và công nhận, các nhà sinh-vật và sinh-lý-học vẫn tiếp tục tìm kiếm các phương-pháp điều-sinh khác dân-dị hơn. Thuốc điều-sinh có điểm bất lợi là phải uống làm nhiều lần nên có thể quên. Và lại đối với đa số dân nghèo ở các nước chậm tiến thì số tiền 300 đ một tháng cũng là một món tiền đáng kể. Bởi vậy các nhà khảo cứu đang cố tìm một phương-pháp nào dân-dị và rẻ tiền hơn nữa.

Vòng xoắn

Một phương-pháp đã được thí-nghiệm và bắt đầu được phổ-biến là phương-pháp vòng-xoắn IUD (intra-uterine device). Phương-pháp này dựa theo một nguyên-tắc do dân chần lạc-đà ở Trung-Đông khám phá và áp dụng từ ngàn xưa. Mỗi khi đi một chuyến hàng lâu, họ thường bỏ một viên đá cuội vào dạ con của lạc-đà cái để lạc-đà khỏi thụ thai làm cản trở cuộc hành-trình. Vào khoảng năm 1920, một bác-sĩ chuyên về bệnh phụ-nữ người Đức là Ernst Gräfenberg áp dụng nguyên-tắc đó và dùng những sợi kim-khí hoặc tơ đặt vào dạ con của người. Nhưng lúc đó chưa có thuốc trụy-sinh nên các vật đó hay

nhiễm độc và sinh ra những biến chứng trầm trọng. Sau đó ít người nghĩ tới phương-pháp này.

Khi thuốc điều-sinh được phổ-biến người ta mới lại nghĩ tới phương-pháp vòng xoắn. Các vòng xoắn được chế bằng nhựa dẻo có nhiều hình dáng khác nhau. Bác-sĩ Jack Lippes chế ra loại vòng giống như hai chữ S xoắn lấy nhau, gọi là vòng Lippes. Vòng này hiện nay được dùng nhiều nhất (khoảng 4 triệu trên khắp thế giới). Các nước như Hồi-quốc Ấn-độ, Tân-gia-ba, Cao-ly, và Đài-loan cũng đang nỗ lực phổ-biến vòng xoắn để hạn chế sinh-sản.

Hiện nay người ta cũng chưa biết là vòng xoắn tác dụng ra sao để có thể ngừa sự thụ thai. Có người cho rằng sự hiện diện của vòng xoắn trong tử-cung khiến cho tử-cung tiết ra một chất đối-kháng có thể diệt tinh-trùng. Lại có người cho rằng vòng xoắn làm cho các bắp thịt ở ống dẫn trứng co rút mạnh hơn. Do đó trứng bị đẩy qua ống dẫn trứng nhanh hơn nên không đủ thì giờ thụ tinh.

Vòng xoắn hay hơn thuốc điều-sinh ở chỗ dân-dị và rẻ hơn. Nhưng cũng lại có điều bất-tiện. Vòng xoắn phải được đặt vào tử-cung bởi một bác-sĩ hay một y-tá đã có huấn-luyện và kinh-nghiệm. Nếu không có thể bị đặt lệch chỗ. Hơn nữa, đối với đàn bà chưa sinh đẻ lần nào thì khó đặt vòng xoắn. Và ngay cả đàn bà đã sinh đẻ, đôi khi vòng xoắn cũng bị đẩy ra ngoài mà không biết. Tuy nhiên, vòng xoắn cũng rất hiệu-nghiệm và có nhiều triển-vọng có thể thay thế thuốc điều-sinh.

Các phương-pháp khác.

Dựa trên tiêu-chuẩn hiệu-nghiệm, dân-dị và rẻ, các phương-pháp điều-sinh

khác cũng đang được thí-nghiệm. Một loại hóa-chất tương-tự như chất progesterone đã được dùng để trích cho người đàn bà một tháng một lần hoặc sáu tháng một lần và có tác dụng như progesterone. Một loại khác được làm thành viên đặt vào trong người, có tác dụng tiết ra chất ngừa thai trong khoảng từ một năm tới 20 năm. Khi nào muốn thụ-thai chỉ cần lấy viên thuốc ra.

Đó là những loại thuốc có tính cách trường kỳ. Người ta lại còn đang thí-nghiệm loại thuốc có độ-lượng estrogen rất mạnh, chỉ cần uống sau khi giao-hợp là đủ. Nhưng loại thuốc này lại sinh ra những chứng như rong huyết, đông máu và buồn nôn, rất khó chịu.

Bác-sĩ William H. Masters, trong khi nghiên-cứu để viết cuốn sách táo bạo *Human Sexual Response*, nghiên-cứu về tình dục, nhận thấy trong một số người

đàn bà, tử-cung tiết ra một chất hóa-học có thể làm chết tinh-trùng. Còn trong các người đàn bà thường thì vào những thời kỳ an-toàn chất nhờn do tử-cung tiết ra thường đặc đến nỗi làm cho tinh-trùng bị chết ngộp. Nhận xét này có thể đưa đến loại thuốc khiến cho chất nhờn của tử-cung có thể khử được tinh-trùng bằng cách làm cho ngộp thở hay bằng chất hóa-học.

Nhưng các phương-pháp này hiện hãy còn đang ở trong thời kỳ thí-nghiệm phôi thai. Còn phải một thời gian khá lâu nữa mới có thể được phổ-biến.

Trong giai-đoạn hiện tại, người ta đặt rất nhiều hy-vọng vào loại thuốc điều-sinh. Những viên thuốc màu-nhiệm đó hiện nay được coi là giải-pháp hứa hẹn nhất chống lại nạn nhân-mãn đang đe dọa hai phần ba của nhân-loại.

TRẦN-LƯƠNG-NGỌC

(1) *Chú thích.* — Các nhà chuyên-môn Anh. thận trọng hơn, cho rằng thuốc điều sinh có thể gây ra các chứng tắc mạch máu ở phổi và óc. Trong hai tài-liệu nghiên-cứu đăng trong báo *British Medical Journal* các bác sĩ cho rằng những người đàn bà uống thuốc điều sinh dễ bị mắc bệnh này gấp bảy tới mười lần đàn bà không uống thuốc. Tuy nhiên số người chết lại rất ít, khoảng một trong số 100.000 người uống thuốc. Tỷ-số này, tuy vậy, còn thấp hơn cả tỷ-số người đàn bà có mang bị chết vì bệnh này. Nói tóm lại, so với người không uống thuốc thì người uống thuốc điều sinh dễ bị mắc bệnh hơn. Nhưng so với người đàn bà có thai thì tỷ-số người uống thuốc mắc bệnh lại thấp hơn.

DÃ RA :

TAY NGỌC

Truyện dài của NHẬT-TIẾN

Tác phẩm viết cho Tuổi Thơ Ngà Ngọc

ĐÔNG PHƯƠNG xuất bản

Lê Lợi phát hành

Thời-sự Việt-nam

dưới mắt người Âu-châu

Đào thân mến,

Hôm nay kể chuyện Thời-sự Việt-nam dưới con mắt người Âu-châu cho Đào nghe. Cổ nhiên tôi không có đủ điều kiện chu du hết các nước Âu-châu, gần gũi hết mọi tầng lớp xã-hội, để có thể thu góp một ý-niệm đầy đủ về thái độ người bên này đối với vấn đề Việt-nam. Nếu Đào không quá đòi hỏi, thì tôi sẽ ghi lại đây vài cảm nghĩ và ít nhiều quan sát tôi thu lượm được mấy năm nay nhân những cuộc « hành-trình thực tập » ở vài ba nước Âu-châu, những vụ nghị hê và qua báo chí tranh ảnh nhan nhản khắp nơi. Xin Đào hãy coi đây chỉ là những điều nhận xét rất tổng - quát của một người bạn gửi cho một người bạn.

Thời sự Việt-nam đã trở thành đề-tài thường xuyên cho báo chí, cho các đài truyền thanh và truyền hình ngoại quốc, nhất là từ ba bốn năm lại đây. Không ngày nào tôi không được xem một hình ảnh, không nghe một mẩu tin hay một bài bình luận về chiến cuộc Việt-nam. Ra đường, hễ mình gọi chuyện với ai, thì y như rằng họ bắt qua chuyện quê hương. Bắt đầu là những câu hỏi thông lệ: ông ở Nam hay Bắc? Ở bên này bao lâu rồi? Gia đình ông có bình an không? Ông nhận được thư từ bên ấy qua dễ dàng không? — Cứ như thế, dần dà họ dẫn mình vào một cuộc phỏng-vấn lúc nào không biết? Mà phỏng-vấn còn là khá đấy. Lắm khi họ lại « khủng bố » mình, nếu biết mình ở miền Nam qua và không thân Cộng. Tôi còn nhớ năm ngoái trên tàu từ Ba-lê qua Bruxelles gặp một bà người Bỉ. Câu chuyện bắt đầu hết sức nhã nhặn, nhưng dần dần giọng bà ta nóng nảy lên, bà cứ đề đầu mình mà trút xuống các khuyết điểm của chính quyền miền Nam và của Mỹ quốc, làm như thể đã không thiên Cộng, tất phải đồng ý với tất cả chính sách của phe tự-do! Tưởng cũng nên nói cho Đào biết bà này có một người em làm ký giả, trước đó đã qua « phỏng vấn » một nhân vật ở khu Giải phóng và

Có một điều làm tôi hết sức ngạc nhiên: là tuy người ta nói đến Việt-nam rất nhiều, nhưng người Âu-châu trung bình chỉ « sống » bằng ấn-tượng và biết rất ít và nông cạn về nước ta. Nói tới Việt-nam, một số rất đông liên

tưởng ngay tới phong trào di-cư, tới Phật-giáo, tới bà Nhu, tới tên Việt-cộng mặc áo bà ba đen và tàu bay, xe tăng của quân đội Mỹ... Nhưng những hình ảnh xáo trộn ấy không được xếp lại trong một bức tranh duy nhất, có đầu có đuôi, có viễn-tượng và ánh sáng. Cũng không lạ : người ta biết quá ít về bối cảnh địa dư, lịch sử, xã hội và tôn giáo nước ta. Như thế làm sao phê phán cho đúng được ? Cũng chẳng nên trách người ta. Cách đây mấy năm, ngoài dân Pháp ra, mấy ai nghe nói đến tên Việt-nam ? Mà ngay ở Pháp, chính tôi cũng đã gặp một hạng người, không hiếm (!) —, khi nghe nói tới Việt-nam, lại còn hỏi thêm ! « Việt-nam tức là Đông-dương đấy chứ ? »

Điều làm tôi bực dọc, là có những người làm nghề báo, cũng không biết rõ về Việt-nam hay, có biết thì lại cố tâm đề thiên-kiến chi phối mà bóp méo sự thật. Này nhé : có tờ báo khi viết tên « Việt-cộng » còn ghi giữa vòng ngoặc : « nghĩa là thân Cộng ». Hầu hết báo chí của cả một nước đã lặp đi lặp lại rằng tết Nguyên-đán là tết đặc biệt của Phật giáo. Nói về phong tục nước ta,  . Và đây nữa vài dòng trích trong một bài bình-luận : « Từ 25 năm nay nước Việt-nam không còn biết hòa-bình là gì nữa. Thời thế chiến thứ hai họ bị Nhật chiếm đóng. Người Nhật đặt Bảo-Đại làm hoàng-đế V.N. Bảo-Đại vẫn giữ chức-vị ấy cho đến khi Paáp trở lại. Nhưng Hồ-chí-Minh, nhà kháng-chiến cộng-sản vùng dậy. Tháng 8 năm 1945, ông tuyên-bố *Nước Cộng-Hòa Việt-Minh* ».

Trong lối trình bày tin tức, ta gặp nhiều sai lệch, hàm hồ hay mâu-thuẫn. Tôi có thể kể cho Đào nghe hàng trăm tỉ dụ. Nhưng thôi !

Ở đây lập-trường chính-trị của chính-quyền bản xứ có ảnh-hưởng lớn trên thái-độ của người dân đối với Việt-nam. Chẳng hạn, người Pháp tuy biết nhiều về nước ta hơn người Bỉ, Hòa-lan hay Đức, nhưng ý-kiến của họ rất một chiều, thiên lệch (ở Pháp, các đài truyền hình do chính-phủ điều-khiển). Cũng không lạ gì : chính-phủ Pháp không thích Mỹ và miền Nam. Cách đây ít năm, tôi thường được nghe luận điệu sau đây : Pháp ở bên Đông-dương lâu là thế, nhiều kinh-nghiệm là thế mà không thắng nổi Việt-minh, liệu rồi Mỹ có tránh khỏi một Điện-Biên-Phủ thứ hai không ? Một loại luận-lý thứ hai : Vì lòng nhân-đạo, Mỹ nên rút quân đi.  . Và lại cộng-sản Việt-nam sẽ là một loại cộng-sản quốc-gia kiểu Tito. — Nhiều người thành tâm, không thể chối cãi được, nhưng một số không nhỏ, dù khi vịn lẽ nhân đạo, cũng không dấu nổi bộ mặt tự-ái quốc-gia. Ít người Pháp thẳng thắn nhìn nhận rằng hiện tình Việt-nam là kết quả phần nào của chính-sách thuộc-địa Pháp trước kia. Họ đứng ngoài nói trở vào một cách vô trách-nhiệm. Lắm khi họ trắng trợn ngạo mình : — « Nước ông đuổi Pháp đi để cho Mỹ vào có sướng hơn không ? Tại Mỹ có quyền chi mà thọc mũi vào chuyện nhà của các ông ? » Nhưng đó phải kể là những luật trừ, thường thường họ tế-nhị hơn và thật tình thông-cảm với nỗi đau khổ của người mình. Với hạng người này, hầu hết câu chuyện lúc nào cũng được kết thúc bằng một câu : « Tai hại thay ! Cầu mong cho quê-hương ông chóng được hòa-bình thực sự ».

Ở Hòa-lan, Bỉ, Anh và Đức, miền Nam gặp được nhiều thông cảm và hiểu biết hơn. Nhất là ở Anh và Đức : người Anh có thiện cảm với phe này, là vì chính-sách thân Mỹ của chính-quyền ; người Đức, thì nhờ chính-sách thân Mỹ và vì cùng chung hoàn-cảnh đất nước phân chia như ở Việt-nam. Riêng về người Đức, tôi còn có cảm-tưởng rằng : một mặc-cảm tội lỗi đè nặng trên tâm-hồn họ. Họ chưa thể quên được những điều dã-man, ghê tởm họ đã gây ra cho người Do-thái và cho thế-giới. Bởi thế họ rất dễ xúc động khi thấy nước nào bị đau khổ vì chiến-tranh, như Việt-nam chẳng hạn.

Bởi thế khi ai hỏi họ : « Các ông kết án sự tàn bạo của phía bên này, nhưng các ông không nói gì về những vụ tàn sát của Việt cộng như vụ Đắc-Tô chẳng hạn, như thế có phải rõ ràng là thiên lệch không ? » thì họ liền trả lời : « Chúng tôi không chối là Việt cộng cũng tàn bạo, nhưng đó là một sự tàn bạo khác. Họ ám sát, thủ tiêu với mục đích thực hiện cách-mạng, nói cách khác, họ làm tàn bạo để cho tàn bạo sẽ không còn có lý do tồn tại nữa. » — Rõ ràng là Biện-chứng-pháp !

Đào hãy nghĩ tới tòa án Russell-Sartre : cũng vì lý luận như trên (tuy không nói trắng ra), cho nên trước khi ngồi vào bàn xét xử, thì bản án đã được tuyên bố : Đế quốc Mỹ là kẻ xâm lăng. Mới rồi đây một nhóm sinh-viên khuynh tả ở Đức tổ chức một Đại-hội Việt-nam tại Bá-linh, nhiều phái đoàn ngoại quốc được mời tới tham dự, trong đó có thanh niên cộng sản Pháp (jeunesse communiste). Sau cuộc thảo luận, họ kéo nhau đi biểu tình với những chân dung của Mao, Hồ, Che Gueverra, và những biểu-ngữ như : « Đả đảo Đế-quốc Mỹ : Hãy tạo nên nhiều Việt-nam khác nữa » (ngụ ý : hãy làm cách mạng giải phóng) v.v... Như thế trách gì các phái đoàn

ngoại quốc khi đi qua Đông-Đức cộng sản để tới Bá-linh, họ không mất một đồng xu thuế !

Trong lúc đó thì phe tự-do hoá hoãn lắm mới tổ chức một cuộc biểu tình nâng đỡ miền Nam và đồng minh. Báo chí không bao giờ thấy in tranh ảnh bất lợi cho cộng sản, nhưng đầy dẫy những hình ảnh « phản tuyên-truyền » đối với quan-điểm quốc-gia. Ấu đó cũng là một khía cạnh của chủ-trương tự-do tư-tưởng và báo chí. Sự thật không phải bao giờ cũng dễ chịu ! Trong một kỳ thi Tranh-ảnh quốc tế, một trong những bức Ảnh ăn giải mà báo chí cho in lại khắp nơi, là bức Ảnh chụp một chiếc chiến-xa khổng lồ của Mỹ đang kéo lết một tên Việt cộng trói vào đằng sau. Trên phương diện tuyên truyền, các cơ-sở quốc-gia ở ngoại quốc, theo chỗ tôi thấy, cũng không làm được việc gì có tiếng vang.

Cho đến nay, tôi chưa nói gì về thái độ của các đoàn thể tôn giáo, và tôi cũng sẽ không nói nhiều. Nói gọn và tổng quát : họ tỏ ra quân bình hơn trong lời phê phán và khi kêu gọi hòa bình, họ cố tránh kết án một chiều. Quan-điểm của họ không phải là chính trị hay ý-thức-hệ, nhưng là luân-lý. Nhưng nơi một số tín đồ rung bần, hình như có một tâm trạng « khó chịu » (malaise), áy náy, vì một đảng lương-tâm tôn-giáo bảo họ rằng trong vấn đề Việt-nam có một khía cạnh luân-lý chưa được giải quyết minh bạch, đảng khác họ cảm thấy bất lực vì vấn đề và thực trạng quá phức tạp không cho họ lấy một thái-độ dứt khoát.

Đào thân mến, viết lá thư này, tôi không có ý gây ảnh hưởng trên thái độ và tư tưởng của Đào. Đối với tôi không gì quý cho bằng lòng yêu chân-lý. Mà chân-lý không phải là chuyện dễ đạt tới. Tôi ý-thức rằng người ở ngoại quốc dễ suy nghĩ phê phán theo một chiều hướng nào đó, và ngược lại, người ở nhà cũng vậy. Nhưng dù ở đâu, nếu chúng ta thành tâm đi tìm sự thật, thì có ngày sự thật sẽ giải-phóng chúng ta.

Bạn của Đào.

N. Q.

SÁCH BÁO MỚI

Tạp-chi Bách-Khoa trân trọng cảm ơn các tác giả, dịch-giả, nhà xuất bản và tòa soạn đã gửi tặng những sách báo sau đây :

— **Lửa thiêng và Thêm một lần hoa nở** hai tập trường ca của Phạm-Thế-Mỹ, do Đoàn văn-ngệ sinh-viên Đại-học Vạn-Hạnh ấn hành nhân ngày Phật-đản 2512 và tác-giả gửi tặng. Mỗi tập đều in ronéo, khổ 21 x 26, trình bày mỹ thuật.

— **Nước ta số 11**, nội-san học-tập của cán bộ và khóa-sinh Xây-dựng nông-thôn Vũng-Tàu do Trung-tá Nguyễn-Bé làm chủ-nhiệm. Báo in ronéo hai mặt dày ngót 130 trang gồm nhiều bài nghị-luận, truyện và thơ.

— **Điệu buồn Giao-chỉ**, tập thơ của Nguyễn-văn-Đệ, do tác-giả gửi tặng. Sách in ronéo một mặt, khổ 14 x 21, dày 24 trang, gồm trên, 40 bài thơ do Chu-vương-Miễn đề bạt.

GIÓ CUỐN

17 | Lần đầu tiên trong đời, tôi đã sống những ngày chờ Tết âm thầm. Tôi định về quê nhưng cứ nghe tình hình yên đó rồi xục rục trở lại đó. Có tin từng đoạn đường quốc-lộ số 1 đã được khai thông, bắc lại cầu, tu-bổ lại chợ, đắp lại đường, và những tạp-chí thông-tin in hình quang-cảnh kiến-thiết. Ảnh dân-chúng căng biểu-ngữ hoan-hô. Ảnh người lính leo lên mái lợp nhà giúp đồng-bào, lội xuống ruộng cấy lúa dùm đồng-bào. Ảnh những cụ già mặc áo dài đen đội khăn đóng đang rút điều thuốc hay đón ly rượu do các ông Tướng ông Tá mời. Ảnh sáu bảy ông Tướng ông Tá đứng sắp hàng cầm kéo cùng cắt một cái băng khai-mạc. Trong những cái ảnh lỗ nhỏ nhiều khuôn mặt nhiều dáng dấp người mặc áo bà ba hay chít khăn, hay đang gánh gồng hay đang nheo mắt cười, những hình-ảnh quen thuộc tưởng như là của những bè bạn của tôi. Có những rặng núi trầm-tư bất động đứng làm nền ở nơi xa cho mỗi bức ảnh. Đồng quê Việt-nam nào cũng gắng có một mảnh núi đứng kèm. Và trong thời đại này những mảnh núi đó làm cho các khung cảnh kia trở nên rung rinh bất ổn.

Báo chí vào cuối năm nhắc đi nhắc lại những triển-vọng hòa-bình. Công-giáo toàn thế-giới tổ-chức ngày Hòa-bình. Vấn-đề hòa-bình cho Việt-nam được đặt ra cho lương-tâm nhân-loại.  . Lương-tri của con người đi giạt lùi so với sự phát-triển trí-năng khoa-học. Các chính-khách cao cấp tuyên-bố những lời mơ hồ : chiến-tranh Việt-nam sẽ được giải quyết trong những tháng sắp tới... Hòa-bình ở Việt-nam sẽ thực hiện nếu... Ngoài trừ những tờ báo hàng tuần nhắm-nhí còn thì các tạp-chí đứng đầu không còn đăng những bài thơ rên rỉ chuyện anh em. Người ta nhắc đến dây kềm gai, hỏa châu, đạn trái phá và thơ không chịu niêm luật nữa. Mà trái lại, phải tự-do, mặc kệ, bất chấp, thách thức. Bởi vì niêm luật là hòa hợp, là êm đềm, là cảm-giác bình yên, là sự thường ngoạn. Và gào thét thì không thể đặt thành ca-dao hay phổ nhạc được.

Đường bộ Nhatrang-Saigon khỏi phải đi vòng ngả Đon-dương Fimnom mà đã đi bằng ngang Phan-thiết. Trong suốt bốn năm, Phan-thiết bị cắt đứt liên-lạc với

miền Trung sự đi lại phải nhờ vào ghe bầu. Bao nhiêu tai nạn đã do thứ phương-tiện giao-thông thời bộ-lạc này gây ra. Tôi nhớ rõ nhất là trường-hợp năm kia chị Quyên bị tai nạn từ trần. Chị được coi như là một thiếu-nữ hoàn toàn : mặt xinh đẹp, tính tình hiền hậu, học giỏi và nhà giàu. Cả đại gia-đình bên nội và bên ngoại ai cũng thương, bên nội từ Huế vào bằng máy bay, bên ngoại từ Phan-thiết ra bằng ghe bầu. Sóng to gió dữ đã nhận chìm một chiếc ghe. Cậu ruột của chị bị chết trong tai-nạn đó. Cố nhiên những phương-tiện giao-thông thời « phi-thuyền không-gian » này không phải không biết gây tai-nạn, mà trái lại, những tai-nạn còn khủng-khiếp và chồng chất. Cũng như sự tàn phá của chiến-tranh thời nay so với thời thương-cổ.

— Nhưng giá cậu chị Quyên bị tai nạn máy bay thì có lẽ tôi sẽ ít xót xa hơn, — tôi nghĩ.

Những ý nghĩ xoay quanh này kéo trí óc tôi loay hoay ở thân phận con người ở cái chết đón tiếp mọi người chắc chắn như một tình nhân không sai hẹn. Ngày nào mở tờ Chính Luận, tờ Sống ra xem tôi cũng lướt rất nhanh lên những hàng tít lớn ở trang nhất rồi lật qua trang chót tìm những khung cáo phó. Xin chia mừng với những gia đình có thân nhân từ trần in cả pháp danh Tâm Huệ hay Đồng Trí, tên thánh Giusê hay Baotixita và có ghi số tuổi trên bảy mươi. Trong một xã hội tao loạn giặc giã liên miên hơn một phần tư thế kỷ, mà giữ sao để sống được trên bảy mươi tuổi là một chiến thắng lớn. Những khung dành cho Thiếu-úy, Trung-úy nhiều hơn hết. Sao rồi biên thêm anh-dũng bội-tình hay Chương-mỹ bội-tình ? Lời khen hãy dành cho kẻ khác nói lên. Niềm đau đón trộm lấp đầu còn chỗ để nghĩ đến hãnh diện ? Người đau khổ chân thực nhiều khi còn bức tức vì những lời khen và lời úy-lạo. Bên cạnh quá nhiều khung màu đen buồn tối đó, những lời chúc mừng chia vui đều trở nên trơ trẽn nhất là khi người đăng tin đã vận dụng vào đó nhiều sáng kiến vô ích của mình, ví dụ : chúc... và... suốt đời yêu nhau như ngày mới cưới, chúc một trăm lẻ một năm Hạnh phúc... Tỉnh thoảng xảy ra vài vụ lạm dụng báo chí : đó là trường hợp ông X mừng ông Y vừa xây được một cái buyn-đinh to bự, ông Z mừng ông W có người con vừa đỗ Tiến-sĩ bên Anh-cát-Lợi vân vân. Vào thời-kỳ tranh-cử, báo chí cũng bị lạm dụng nữa. Thuê đăng ảnh, đăng tiêu-sử (nói láo nhiều trong đó), đăng chương-trình (nói phét nhiều trong đó). Sau khi đắc cử thì đăng lời cảm ơn, thất-cử thì cũng không quên cảm ơn. Đến dịp Tết thì đua nhau đăng Cung chúc tân xuân. Ôi còn ai tin rằng những lời chúc do nhà in Hoa-sen, nhà in Tân-việt, nhà in Thanh-long in hàng loạt lại có khả năng mang lại Hạnh phúc ? Giữa bạn bè thì những thiệp chúc chỉ có nghĩa là « vẫn nhớ đến nhau », những nhà buôn thì ngầm ý nhắc « sang năm nhớ mua xoong chảo của bồn hiệu... thuốc điều-kinh của bồn hiệu ». Bác-sĩ, trạng-sư, chủ khách-sạn thì ngầm nhắc người đọc cái địa-chỉ của họ. Tất cả đều trơ trẽn là những hàng quảng-cáo. Thay vào lời chúc, tưởng các nhà làm chính-trị chưa có thành-tích nên nhắc lại lời hứa, lời thề, hoặc ghi rõ mục-phiêu tranh-đấu cụ thể cho năm tới. Bởi vì người dân biết rằng đời sống của họ sướng khổ là tùy thuộc ở tài-đức của những nhà làm chính-rị giỏi hay dở, tốt hay xấu. Người ta tốn thì giờ bầu cử và tốn tiền trả lương

ông dân biểu không phải để nhờ ông ta cầu chúc dùm. Đối với Thần Thánh Trời Phật mà họ khẩn nguyện hết lòng, họ cũng chỉ tin ở khả năng ban phúc một cách rất đổi ít ỏi.

Tôi chợt giật mình vì những ý nghĩ đáng xót của mình. Tôi hôm nay bị quan và độc ác đến thế sao? Sao tôi không còn cái niềm vui hồn nhiên mà đáng lẽ tuổi trẻ của tôi phải có? Sao tâm hồn tôi già cỗi mau chóng như vậy? Sao cái gì cũng làm tôi nghi ngờ? Tôi chưa quá ba mươi tuổi. Ở miền Azerbaijan có cụ già nào đó tên Muslinov sống trên 150 tuổi mà vẫn còn khỏe mạnh. Nhất là vui vẻ. Dốt nát, mù chữ, suốt đời còng lưng dưới những giỏ nặng chứa sản-phẩm địa-phương, đi băng qua những con đường núi đồi theo gót bầy dê bầy cừu, họ sống vô tư tâm hồn thanh thản như cây cổ thụ từ bao giờ vẫn đứng vững chãi, như dòng suối róc rách, như tảng đá sừng sững sừng non.

Hôm đầu tháng Chạp tôi đi phố, chợt đề ý đến một đám đông. Tôi lại gần xem. Trên một cái mâm to, người ta chất những cái xác co rúm của con trút, con kỳ-đà, con khỉ, con rắn, con nhím, xác rồng mùi rượu. Bên cạnh là một chum rượu lớn và la liệt những chai rượu đã dán nhãn. Không cần người quảng-cáo đứng giải-thích tôi cũng hiểu ý nghĩa rằng những cái xác đó đã ngâm rất lâu ngày vào rượu kia và rượu đó uống vào thì gân cốt phải cứng cáp, bá bệnh phải tiêu trừ. Những người đứng vây quanh được mời được nài uống thử một ly rượu. Nhiều bác xích-lô dừng xe lại xông vào nhận một ly. Giãn xương cốt, hết mỏi lưng hay không thì cứ đêm nay và ngủ một giấc là khắc biết. Mà thế nào cũng hiệu nghiệm. Kỳ-đà đó, rắn đó, khỉ đó, nhím đó... toàn những thứ độc đáo như vậy mà ngâm

với rượu thuốc nữa. Những người đàn bà ghé lại đứng xem và nghe rồi móc túi mua một chai hoặc hai chai. Bao nhiêu tình thương yêu khi nghĩ đến cha, đến chồng sẽ được uống những ly rượu bổ dưỡng gân cốt đó.

Tôi, hỏi người đàn bà Hoa-kiều chủ tiệm trồng rằng quen đang đứng gần đó:

— Có hay không vậy, bà Ching?

— Ai biết.

— Thôi mà, chỗ quen mới dám hỏi. Họ bày bán ở trước cửa bà hoài, hề hay thì có tiếng đồn.

Người đàn bà lưỡng lự hồi lâu.

— Đó,— tôi nói tiếp,— làm như tôi là mật thám của ông chủ hàng rượu.

— Xì, tui cứ thấy bán quai (bán hoài), bán quai, năm nào cũng bán.

Những ngày gần Tết nếu được ở không thì không gì vui bằng đi lang thang ở các đường phố, ở các góc chợ nghe những hàng quảng-cáo. Tốt nhất, đẹp nhất, rẻ nhất, công hiệu như thần, dịp may hiếm có. Người đứng bao quanh thường chú trọng đến những màn xiếc coi không tốn tiền: con khỉ kéo xe, cún chuột Colombo, cái đĩa quay tròn trên đầu gậy. Tôi đọc những nét ranh mãnh và hoài-nghi trên ánh mắt và nụ cười của những người ăn mặc đứng đắn, sự chú ý nặng nhọc của những người bình-dân quê mùa và niềm vui háo hức của lũ khán-giả trẻ con.

Một cái vỗ vai làm tôi giật mình. Tiếp liền là một giọng nói:

— Thận suy hay sao mà đứng đợi mua thuốc bổ thận?

Tôi quay lại : con Mai Anh. Tôi nói :

Tại Ty này không phân phối sữa nên dân chúng phải cầu xin sức khỏe nơi mấy ông bán thuốc quảng-cáo này.

— Sữa không phải là thuốc bổ thận.

— Cổ nhiên. Nhưng đứng đợi mua cho được hai hộp sữa theo thẻ tiếp-tế thì ai cũng đau tức ngang hông, đau trăn dạ dưới, thận bại gan liệt. Mày đi đâu đó ?

— Sắm đồ ăn liên-hoan.

— Sớm thế ?

— Chúng tao đang ở giai-đoạn một : chạy nhờ mua rượu. Giai-đoạn hai : lo bánh ngọt tráng miệng. Giai-đoạn ba : lo cỗ bàn cá thịt. Nhớ chưa ? Tao đang chạy nhờ mua rượu. Sếp tao trước phụ-trách phòng kế-hoạch ở Tổng-Nha nên phàm làm cái gì cũng có chương-trình kế-hoạch. Và đặc biệt là cái gì ông cũng chia ba, làm như chia bốn hay chia hai thì sẽ « không thể là kế-hoạch được ».

— Chắc tại sếp mày nhớ sách. Thân thể người ta chia làm ba phần, một bài luận cũng chia làm ba phần.

— Thứ cái việc liên-hoan cóc xái mà cũng bày ra giai-đoạn.

— Mày nhờ mua rượu ở đâu ?

— Mấy con bạn có liên-lạc bên nội bên ngoại với sở Mỹ. Mua ở ngoài tiệm thì đắt. Mấy cha nội bắt tao kiếm liên-lạc để mua cho đỡ bớt. Hai đôn nó tính ba đôn rượu.

— Coi chừng giả đó mụ nghe ? Ba Tàu Chợt lớn đã vô chai Whiskey giả rồi, vô hộp Salem giả rồi.

— Tao có nghe nên tao mới càng mệt. Mình đâu có biết mùi rượu để phân biệt thứ nào là thật thứ nào là giả. Mà nghĩ cũng nhảm, bày vẽ liên-hoan. Có cái gì để mừng vui đâu mà liên-hoan ? Mấy cụ

giám-đốc thì sợ già thêm tuổi mau xuống lỗ. Mấy cô ế chồng thì sợ mùa Xuân như sợ dịch-hạch. Đi làm quanh năm gặp mặt nhau hàng ngày, đũa nào răng hô mũi huếch cũng đã thuộc nằm lòng rồi, hỏi còn lạ gì mà phải họp mặt với chia vui ? Hồi trước đời sống còn thông thả thì ăn chơi ai cũng thích, chứ bây giờ bắt gộp mỗi đũa sáu trăm, tên nào cũng méo mặt.

Tôi trầm ngâm nghĩ đến những bộ com-lê màu đen, những khuôn mặt đỏ hừng hực vì rượu, những lời kéo nài mời hát một bài, những giọng ồm-ồm từ chối. Những dây bàn ăn kéo dài, kéo dài, những ánh đèn màu và dây tua xanh đỏ, những đứa trẻ nghèo lang thang đứng ở hàng rào, ở cánh cửa nhìn vào.

— Ông Gandhi nói rằng một miếng ăn mình ăn khi không cần đến là mình đã cướp giật của người nghèo. Dân-tộc của mình đang thiếu ăn, thế mà mỗi cái Tết có bao nhiêu bánh mì, bún, cà-ri gà, thịt bò thịt heo ăn dư phải lùa đồ vào thùng nước heo. Người lớn liên-hoan, học-sinh liên-hoan.

— Năm nay học-sinh bỏ bớt liên-hoan rồi. Thằng em của mình nó nói vậy. Tụi nó góp tiền đem tặng trại cùi và viện mồ côi.

Tôi trả con Mai-Anh cho cuộc liên-hoan của nó. Để nó chạy mua Whiskey và coca. Những ngày cuối năm đều rất quý giá cho mỗi người. Ai cũng lo lắng vội vàng. Bao nhiêu là bồn phận : bồn phận đối với chỗ thù-tặc thân sơ, bồn phận đối với họ hàng xa gần, bồn phận trong gia-đình và cuối cùng là bồn phận đối với mình. Đâu còn cái vui hồn nhiên của người bắt chợt nhận diện khuôn mặt mùa Xuân trên những nụ hoa mai hoa đào tung cánh nở ? Niềm vui đó tôi chỉ còn nhìn thấy nơi lũ trẻ con,

Một chiều thứ bảy đầu tháng chạp, chị Đồng lái xe rủ tôi xuống Vinh-Thái chơi. Bỏ xe ở đường lớn, chúng tôi bước theo những con đường đá gập gềnh. Mùi nước mắm nồng. Vài bãi phân người tung toé và khách qua đường cắt ngang câu chuyện kính-cầu né tránh. Nơi nào đồng-bào dân chài tạo lập chòm xóm thì xóm đó cũng phải đông đảo kèn cựa và những sự bần thiêu công-cộng được phơi bày không tránh được. Suzuki và Yamaha dựng đứng rải rác ở các hiên nhà. Qua một góc đường, tôi lưu ý đến một sòng bạc công khai. Một người đàn bà đứng tuổi ngồi giữa. Một tấm vải trải trên chiếc chiếu mang những hình vẽ con nai, con gà, con tôm, con cá... sơn màu xanh đỏ. Lũ nhỏ lớp ngồi lớp đứng vây quanh, thập thò những đồng bạc chỉ sáng loáng. Một sòng bầu cua đầu mùa báo hiệu ngày Tết sắp đến. Người đàn bà ngồi làm cái không có vẻ ranh mãnh xứng đáng với vị trí của mụ. Lũ nhỏ thì tràn trề niềm háo hức.

Tôi nắm tay Đồng đứng dừng lại. Bao giờ sự hồn nhiên của kẻ khác cũng làm êm ái lòng tôi. Nó truyền cho tôi sự vui vẻ nhẹ nhàng. Y như khi nhìn một đứa bé bồng tuổi khoẻ mạnh miệng nói không ngớt, tay chân ngửa ngáy, chạy nhảy rờ rỏ không biết mệt.

Những ngày giáp Tết thật buồn. Tôi không muốn mua sắm gì hết bởi vì sự vui sống của tôi không tùy thuộc nơi những món mà tôi có thể mua sắm được. Kẹo mứt thì đã ăn trắng miệng suốt năm. Bánh tét bánh chưng chỉ là một sự hồi-cổ gắng gượng về những ngày Tết của tổ-tiên xa xưa nơi đồng quê, nơi đó trong suốt một năm người ta mới được một dịp gói đòn bánh tét và đun thùng bánh tét. Chứ ở thành-phố sáng nào đêm nào cũng nghe rao « Ai ăn bánh chưng? Bánh

chưng dẻo đây! » Phải nói rằng dân nhà giàu thành-thị ăn Tết quanh năm. Ngày nào cũng thịt cá ê-hề, bánh mứt hoa quả lớp ăn lớp bỏ thối. Ăn Tết thật là đồng-bào ta ở thôn-quê. Làm sao mô tả nỗi sự thèm thuồng của một người nông-dân quanh năm không được biết đến mùi thơm của một miếng thịt mỡ, nay nhân ngày Tết chia phần với anh em một nửa con heo, rồi lớp bó bì, lớp rộng nước mắm, lớp xác phay, lớp làm chả làm gói làm nhân bánh tét bánh chưng?

Tôi chỉ mua một bộ quần áo mới cho Phúc. Phúc hỏi :

— Sao ba đi Saigon lâu về vậy má?

— Ba đi làm việc.

— Ba đi lính phải không má?

— Không.

— Đi lính thì Tết được về hờ má?

— Ờ.

— Sao ba không đi lính để Tết được về với Phúc hờ má?

Phúc nhớ ba nó. Có thể Thuyên cũng nhớ con. Nhưng tôi thì tuyệt nhiên không. Nỗi uất giận làm tôi cứng rắn đến độ tàn nhẫn. À, nói rằng uất giận thì có lẽ chưa phải, phải nói là sự khinh bỉ, sự ghê tởm làm tôi cứng rắn đến độ không lay chuyển nổi. Tôi chấp nhận mọi tính xấu của con người, tôi tìm mọi lẽ để tha thứ, có nhiều tính xấu khiến tôi thương hơn là trách móc, nhưng xin đừng để cho tôi khinh-bỉ. Qua sự khinh-bỉ, những khuôn mặt, những giọng nói, những nét cười đều biến dạng hết. Khuôn mặt đẹp không còn đẹp nữa. Giọng nói êm ái trở thành bíp bọm đối trá. Nụ cười hóa nên khả-ố.

Phượng ghé lại biếu quà Tết cho tôi. Một ký mứt hạt sen, một hộp nho khô và một quyển báo mùa Xuân. Phượng

mới cắt lại mái tóc, chải cao hơn nên nét mặt sáng hơn. Và trẻ hẳn ra. Tôi nói :

— Cho quà gì mà nhiều lắm vậy ?
Chị đâu có ăn Tết !

Phượng ấp úng không biết trả lời. Chỉ mỉm cười.

Ừ, khó có thể thoát ra khỏi những câu « Đâu có gì mà chị gọi là nhiều ? Chỉ gọi là chút tình nhớ chị... » Thật không gì nhảm nhí bằng. Khi không tìm được một câu ý-vị thì tưởng nên thông minh mà mỉm cười như Phượng.

Phượng kể những công chuyện ở Sở. Mansfield đã đổi nhiệm-sở đi Thái-lan. Không biết là tự-động xin đổi hay bị đổi. Mansfield tính vốn ít nói nên chắc chắn là hẳn không tâm-sự với ai, kể cả Liên là người hẳn đã nhờ hướng dẫn cần tìm nhà tôi. Một nhân-cách đàn ông kín đáo như vậy coi như đáng quý. Thanh thờ, giải bày, thanh minh, tâm-sự để làm gì ? Trí óc hẹp quá đến nỗi không đủ chỗ chứa đựng những ý nghĩ riêng tư của mình sao ?

— Sếp mới thì hung tợn như một con gấu. Cả ngày cứ hùng hục với những đống hồ-sơ hết rầy đưa này đến la đưa khác. Hẳn làm như có chân-lý thật trong những quyết-định của thượng-cấp của hẳn, trong những lễ lối giải-quyết của hẳn. Mansfield coi vậy mà nghệ-sĩ hơn. Mansfield xếp đặt công việc, đối phó với công việc thông thả và uyển chuyển như những ngón tay lướt trên phím đàn.

Tôi mỉm cười :

— Tham dự một cuộc chiến-tranh đâu có êm đềm như khi dạo một bản đàn ?

— Có thể Mansfield mới đáng phục.

Chẳng biết hẳn khéo xếp đặt sao mà công việc dường như không đuổi rượt theo hẳn, không bao vây hẳn bắt hẳn lúng túng mà trái lại, ngoan ngoãn phục tùng hẳn.

— Còn con Liên ? Mấy hôm này ra sao ?

— Vẫn phây phây như thường. Có một độ sao thấy nó buồn dữ lắm, nhưng rồi sau đó nó lại chứng nào tật ấy, đùa nghịch quấy phá với mọi người. Tết này chàng và nàng đi ăn Tết ở Saigon.

Tao mừng cho mày đó, Liên ơi. Mày đã lành bệnh rồi. Hãy sống lại đi, hãy hồi-sinh đi như những cành cây đâm lộc sau mùa gió mưa tới tã. Đừng có buồn dai như tao. Cuộc đời không đáng để mà buồn dai. Những lời thề nguyện trôi đi, những chân-lý biến-đổi và cái thân-phận của mày cũng không tồn tại. Tao biết vậy mà tao không làm như mày được. Tao cảm-tạ Thượng-Đế dùm cho mày.

Tôi quay lại Phượng :

— Còn Phượng ?

— Em vẫn cứ như vậy.

— Phải thay đổi đi chứ. « Vẫn cứ như vậy » là đề dành cho những tình-trạng ổn-định. Trường-hợp của Phượng chưa ổn-định mà. Hay là còn giấu mình ?

— Em đâu giấu chị ?

— Nếu vậy thì phải kể cho nghe những biến chuyển mới.

Phượng ngần ngừ. Tôi giục :

— Can đảm lên.

Phượng lại ngần ngừ. Cuối cùng Phượng cười :

— Chưa có gì. Chỉ mới cảm-tình lằng nhằng. Một thằng kỹ-sư Radar Phi-luật-tân tán. Một công chức Việt-nam góa vợ rứt rè ướm hỏi. Uầy, em cũng

chẳng lưu ý lắm. À chị, con Cho bên Quân cụ có mét với em là có thằng cha nào đó rao mục tìm bạn bốn phương và có ghi thông một câu « Xin miễn những chị em làm ở sở Mỹ ». Chị nghe có tức không ?

— Tức gì chuyện đó ? Đương sự có thể đã là nạn nhân của một em làm sở Mỹ. Có thể đương sự có một người bạn nạn nhân. Có thể đương sự có nghe dư luận. Có thể đương sự muốn nghịch chơi. Và cũng có thể đương sự đang hối hận về lời rao tàn nhẫn của mình. Chuyện xấu trong xã hội thì thiếu gì, thiếu gì chuyện xấu trong những giới kể như cao thượng trong sạch nhất ? Bà vợ ông Trạng sư ngủ với anh thợ đóng giày. Nữ sinh Trung-học làm tiền, mỗi lần đi khách một ngàn rưỡi. Giáo sư làm mặt-vụ. Tỉnh-trưởng ăn hối lộ ra tòa. Tiếng đồn xấu dây bản mọi người như một vùng nước dơ, đúng vậy, nhưng có giới nào thoát khỏi ? Vấn đề là mỗi người cố gắng giữ phẩm cách phần mình. Chị nhớ đến bài ngụ ngôn « Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn ». Cái hoa sen được nhắc đến nhiều quá, lắm lúc mình phát ghét lên, nhưng chợt có lúc nào đó mình bỗng nghĩ đến nó và mình khâm phục kẻ nào đã đầu tiên chú ý đến đặc tính vô nhiễm ô trọc của nó. Chắc người nào đó sung sướng đến rợn người vì sự phát kiến của hẳn.

— Thằng em con Cầm Bình bị cưa chân, chị đã biết chưa ?

— Sao vậy ?

— Tâng xe. Tụi nó phóng Suzuki, Bridgestone đi cắm trại một đoàn, mỗi xe chở hai mạng có, ba mạng có. Xe thằng em con Cầm Bình nhào đầu vô xe nhà binh. Ở đâu chặng Suối Dầu. Thằng ngồi yêu sau vắng xuống đường bị đập

vỡ sọ chết tại trận. Em con Cầm Bình bị xe nhà binh nghiền nát chân trái.

Tai nạn ba-gai ít người thương xót.  Họng súng và bom lửa chưa đủ. Phải rượt tìm cái chết trên đường trường. Báo chí kể trường hợp đưa con trai độc nhất của một thương gia tỉ phú nào đó ở Saigon. Cậu thi đỗ Tú tài và một bà bạn của cha mừng tặng cậu một chiếc Honda mới. Vọt chơi ba ngày thì tai nạn xảy đến. Chết tươi. Có người độc miệng cho rằng bà bạn đó là một thương gia thường nhật vẫn cạnh tranh với cha cậu nọ. Họ thù nhau ngầm ngầm và trả thù nhau bằng chiếc Honda sát nhân.

— Tụi nó đang chuyển sang phong trào Hippies thì bị nạn đó. Phong trào Beattles đã cũ rồi. Thằng em con Cầm Bình vừa sấm lục lạc và vòng hơ thì bị cưa chân. Chẳng biết người đàn em của nó sẽ tiến lên lãnh đạo phong trào.

Không chỉ người thanh-niên ba-gai mới phải chịu tai nạn xe cộ. Chính tôi; đã mấy lần suýt thành nạn nhân, tôi, một người đi xe đạp vô danh và nhũn nhặn. Tôi đi sát bờ lề và lúc cần tôi còn chịu khó leo lên bờ lề chung chia dải đường đất nện với người đi bộ. Thế mà có lần một chiếc ô-tô nhà binh Hoa-kỳ chạy vun vút ngược chiều với tôi, chạy xả hết tốc-lực rồi đến ngang tầm xe tôi thì quặt ngang qua tay trái, chạy băng qua đường, chạy vượt lên bờ lề, rầm rầm chạy lọt vào một công ngõ mở rộng. Tôi luống cuống bóp phanh xe đạp và xe kia vút qua mặt tôi cách trước mặt tôi không tới một thước. Nếu xe tôi đang chạy mau ? Nếu phanh của tôi không ău ? Nếu vô tình mà xe tôi đang ở giữa tầm của cái công ngõ ? Tôi sẽ bị cán đứt

thấy, nát thây và có sự đền bù nào tương xứng với sinh-mạng của tôi? Tại nạn kẻ sát làm tôi hồi hộp dừng xe lại đó, không đủ nhẫn nại đạp tiếp. Bao nhiêu là cảm giận ngùn ngụt bùng lên trong đầu óc tôi. Tôi thấy mình bị miệt-thị, bị khinh-khi, mình và những đồng-bào của mình. Ở bên xứ của hắn, chắc chắn là tên lính đó không dám có cử chỉ ngang nhiên khinh thường mạng sống kẻ khác như vậy. Tôi không muốn chỉ nghĩ rằng hắn khinh thường luật-lệ. Nhiều khi người ta có cái thích khinh thường luật-lệ để thỏa mãn anh hùng tính của họ. Hippies và Beatniks là những hiện-tượng khinh thường và chống-đối luật-pháp và công-thức xã-hội. Hàng năm vào lễ Giáng-sinh ở Hiệp-chúng-quốc Mỹ-châu có chừng 300 người chết về nạn ô-tô. Có thể có trường-hợp giống như trường-hợp tôi vừa gặp. Nhưng ở vào hoàn-cảnh tôi, tôi cứ phải bắt buộc nghĩ rằng người lính đó khinh thường mạng sống của người dân xứ nhược-tiểu là chúng tôi mặc dù tôi vốn công bằng và không ác ý, thậm chí tôi không muốn phân biệt chủng-tộc và quốc-gia nữa. Tôi không có mặc-cảm giàu nghèo yếu mạnh. Tôi thương hại những người giàu có thế-lực hơn là ganh ghét với họ. Bao nhiêu người bình-dân cũng có một quan niệm như tôi, thế mà người giàu tiền và giàu thế-lực đâu có biết? Lắm kẻ tự-tôn một cách ngu xuẩn.

Tôi ngó quanh quất để tìm một ông Cảnh-sát. Ít nhất tôi cũng muốn ông ghi số xe, lập biên-bản và bắt phạt người lính ngoại-quốc phạm pháp. Ít nhất cũng để cho Bộ chỉ-huy của họ được biết thường-xuyên những lỗi lầm của cấp thuộc hạ để mà trừng phạt, để mà ngăn ngừa. Không có người chỉ-huy nào của

quốc-gia nào trắng trợn dung-túng sự càn bậy. Nhưng không có ông Cảnh-sát nào lang vãng ở gần đó. Nếu có, tôi nghĩ không chắc ông đã muốn can-thiệp. Hàng ngày tôi nghe xe gắn máy của lính Mỹ, của chuyên-viên Phi-luật-tân có cái tháo « pô » cho nổ bành-bạch, nổ tung bùng, nổ toét màng nhĩ dân-chúng, nổ từ đầu trên đến xòm dưới, nổ ré cả vào trụ-sở Chi Cảnh-sát. Ngày nào cũng đều-đều có tiếng nổ như vậy.

Hôm đứng đợi chờ một đoàn công-voa đi qua, may mắn tôi đứng cạnh một ông Cảnh-sát. Tôi chân thành thuật lại thái-độ khinh thường đồng-bào ta và pháp-luật ta đó và yêu cầu ông nên lưu-ý bắt phạt, giữ xe lại, bắt ráp « pô » vào như cũ. Ông trả lời :

— Bắt phạt họ thuộc quyền của M.P.

— Họ ở trong nước mình thì họ phải tôn trọng luật lệ của nước mình. Nếu họ làm quấy thì nhân viên công-lực của ta có quyền bắt giữ họ hoặc lập biên bản đưa sang quân-pháp của họ xét xử. Tôi không thông thạo luật quốc-tế nhưng tôi nghĩ rằng kết quả của việc xét xử họ phải thông báo cho cơ quan bên ta biết...

Từ lúc nào ông cảnh sát của tôi đã tỏ bộ lơ đãng như không để ý nghe xem tôi đang nói gì.

Người dân chịu đựng những sự dày vò luật lệ như vậy. Suốt một tháng trước tôi bị mất ngủ liên miên vì có một cô vũ-nữ đến thuê căn nhà bên cạnh. Người tình của cô là một binh sĩ Hoa-kỳ, tôi không được rõ cấp bậc chỉ biết là có xe Jeep đưa hắn tới vào mười hai giờ khuya và tới năm giờ sáng thì xe đến đón. Đêm nào cũng vậy đang ngủ ngon giấc thì tôi chợt giật mình. Bàng hoàng ngồi dậy, tim đập thình thình, Tim hiểu

nguyên do thì nghe còi ô-tô ầm hai ba hồi trước cổng bên cạnh. Chắc hẳn là mình đã bị những hồi còi thứ nhất thứ nhì làm tỉnh giấc. Nổi lên đồng hồ : mười hai giờ kém năm. Xe vẫn nổ máy rờ rờ. Tiếng cửa xe mở và đóng sầm. Tiếng cửa ngõ và cửa phòng mở đóng rầm rầm. Sau mười phút, xe rờ máy, chạy tới, chạy lui để quay đầu rồi vọt chạy ầm ầm trên những đoạn đường lồi lõm. Tôi cố gắng ngủ lại. Nằm xoay trở đủ lối, chèn thêm một gối, bỏ bớt một gối, lắm khi phải nằm nghiêng bên trái để xuống tìm để tìm một giấc ngủ nhọc mệt. Nhọc hay khoẻ mặc kệ, miễn là có một giấc ngủ. Chiếc đồng hồ Wesminter cứ mười lăm phút là đổ những hồi chuông thông-thả, thân nhiên, tiếp theo là những tiếng "boong" nghiêm trang, tôi lại sốt ruột xoay qua, trở lại. Những ý-nghĩ mọc trong đầu. Phải nhờ đi, xóa đi, quên đi. Tiếng một con dế rí rí ở góc sân. Những tiếng lách cách nhẹ, mơ hồ như có như không. Loay hoay bức bối chán, tôi vỗ về cho lòng mình lắng dịu xuống, cam chịu nhẫn nại và đi lần đến độ tha thứ... Không biết đã ngủ chưa, hay là còn thức hay đang lơ mơ nửa ngủ nửa thức, hay đang ngủ một giấc ngắn chập chờn... Rồi chợt những tiếng còi ô-tô. Thức dậy theo tiếng còi. Năm giờ sáng. Bây giờ thì những tiếng còi tới tấp, thúc-giục ầm ọe liên miên. Phải mười lăm phút để kịp cho người binh sĩ mặc quần áo, chải tóc. Cửa phòng, cửa ngõ lại mở lại đóng rầm rầm. Cửa xe lại mở lại đóng. Xe lại rờ máy chạy tới chạy lui quay đầu rồi vọt chạy rầm rầm trên những đoạn đường lồi lõm. Tôi cố gắng ngủ tiếp thêm cho được một giờ nữa nhưng khi phải hạn định thời gian thì trí-óc trở nên tỉnh táo. Sáu giờ rưỡi bước xuống giường đầu lảo đảo choáng váng.

Cả ngày bần thần như người sắp bệnh. Tôi biết kêu nại ai để chấm dứt tình cảnh này ? Có những luật-lệ để người lái xe phải tuân theo ; cấm đậu xe trước cổng nhà người ta, phải đậu xe cách góc đường ít nhất mười thước, cách chỗ đường vòng năm mười thước, cấm bóp còi inh ỏi khi đi ngang khu bệnh viện, dùng đèn ra hiệu để thay còi khi đêm tối. . Chắc không có luật nào cho phép ầm còi liên miên để gọi cổng vào giữa khuya đánh thức cả xóm dậy. Công-chức, nội-trợ, thợ thuyền đều cần giấc ngủ. Trong cảnh túng thiếu, con người còn được hưởng chút thú-vị êm đềm còn sót lại khỏi mất tiền mua là giấc ngủ. Đó là ân huệ mà Chúa chia-sớt công-bình cho mọi người. Tôi biết nhờ cơ quan nào can thiệp ? Mọi người xung quanh tôi đều nhẫn nại chịu đựng. Tôi mong những người đàn ông lên tiếng. Nhưng có lẽ họ chỉ rửa thầm hoặc chửi nhỏ cho gia đình cùng nghe vừa đợi người khác lên tiếng.

Cho đến một ngày kia cô vũ-nữ bị cảnh sát bắt về tội đánh bạc. Cả xóm mừng. Tôi thấy một chút hồ thẹn kèm theo nỗi mừng đó.

Khi trời lạnh lạnh và tâm-trạng buồn đã giữ chân không cho tôi đi chơi chợ Tết cuối năm. Tôi nằm nhà gọi lại trong trí nhớ quang cảnh những ngày chợ Tết của mấy năm trước. Cũng lại những rừng xe đạp, xe gắn máy ở đầu ngõ vào chợ. Những lều mức bánh, rượu pháo nơi đó các cô bán hàng nhẫn nại nhìn sóng người lũ lượt trôi qua. Chỉ có những cặp mắt chong dóm vào sạp hàng, còn thân thể của họ di-chuyển toàn khối, nhẹ-nhàng vô tình, sát khít bên nhau như họ cùng đứng trên một tấm thảm chạy tới. Hàng đưa hầu đen và thùng xuống. Chiếc bàn dựng thiếp chúc Tết, lịch và báo

Xuân của hiệu sách Quang-Minh. Đã trễ ngày gửi thiệp và tặng lịch rồi. Rừng cây mai khô gầy. Những chậu kiềng nặng nề sum sê hoa lá. Những đóa thực-được vượt lên đứng soi g-song xây tròn những cánh hoa lóng lánh. Cúc đại đóa màu vàng bung xoè những cánh cong như ngón tay cô gái làm duyên. Sao tôi cứ muốn nghĩ rằng chúng có linh-hồn, những đóa thực-được, hoàng cúc, tường-vi ! Nhưng sao chúng có thể hớn hở tươi vui được ? Sắp xa lìa ông lão đã chăm bón săn sóc ba bốn tháng ròng rã, xa lìa lũ anh em cùng đứng cạnh, xa lìa cái không-khí thơm mát của đồng quê rộn rã tiếng chim đề về đậu lẻ loi ở một hiên nhà xa lạ, góp màu sắc với những màu sắc phấn son diêm-dứa, thế mà chúng vẫn có thể tươi vui ? Có cái nhìn nào triu mến nhìn chúng cho bằng tia mắt nheo của ông lão đó, có bàn tay nào nâng niu nhẹ nhàng cho bằng bàn tay gân guốc đen sạm của ông lão đó. Chúng hiện diện thường xuyên nơi tâm-hồn của ông lão, chiếm địa-vị quan-trọng nơi gia-đình ông lão, chứ một khi về cái mái hiên có lưới ruồi bao phủ này, cái xa-lông có trải tapis màu đỏ này, chúng chỉ đóng vai « có mặt » thừa thãi. Vô tình, bội bạc là để dành cho lũ mứt bí mứt gừng, hạt dưa bắp cải, bởi đó là những vật vô tri. Lũ nó chỉ đợi được đưa qua ống tiêu-hoa, con đường định-mệnh tăm tối của lũ nó.

Nhưng mà... — tôi chợt nhớ đến những chậu thực-được chậu cúc vào độ mùng mười hay Rằm tháng Giêng. Héo rũ xuống, Đen điu, bần thiu. Lũ trẻ con ngắt đóa hoa héo dỗi trên tay rồi xé vụn ra. Những thân hoa nằm vắt qua thùng rác đầu gục lòng thông. Ừ, hay là lũ thực-được, hoàng cúc đã cảm thấu cái thân phận đọa đày xơ xác cuối cùng của chúng nên được tươi đẹp hơn nhờ ngày nào thì chúng cứ tận hưởng Hạnh-

phúc ngày đó ? Không có tình nghĩa gì hết, ông lão nhà quê hay là một ả giang-hồ, hay là một thằng đại trí-thức đại tư-bản thì cũng vậy. Ở vào tay đũa nào thì cũng vậy, đũa nào cũng chỉ nghĩ đến quyền-lợi của nó, ích-kỷ cho phần nó. Không-khí trong sạch nơi thôn dã hay gió nhân-tạo nơi cánh quạt Marelli trong phòng khách đối với chúng cũng không quan-hệ bởi vì cuộc đời của chúng cho dù ở đâu cũng không kéo dài quá bốn tháng. Chúng cứ tận hưởng hết tuổi xuân.

Thật là không vui khi hàng ngày tôi nhìn những người đàn bà sống cuộc đời của những thân thực-được. Họ ở khắp các ngõ phố-phường, ở những con đường có mang tên danh-nhân và những con đường mới chỉ mang chữ số. Sáu giờ rưỡi chiều xe Honda tới rước. Măng-tô hai da, mặt đỏ mặt vàng. Mini-jupe màu tối. Khoe mắt vẽ xếch. Lông mày Audrey. Môi bóng mượt Polly Pink. Đùi trắng. Mười một giờ rưỡi khuya xe Honda trả về. Mười hai giờ khuya xe Jeep đậu trước cổng. Dây xích sắt cửa ngõ rung rền. Cánh cửa hé mở rồi ập lại vội vàng. Chìa khóa quay lách cách.

Những thân thực-được ! Họ có lý-luận của họ. Bởi vì trên mặt thùng rác không phải chỉ có những thân thực-được. Mà có cả gốc cải và vỏ khoai, tàu dừa và rơm cùn, dao gậy, máy ra-dô hỏng. Có những tờ báo và những cuốn sách cũ nát nữa. Sự phân biệt bản-chất dừng lại ở chỗ nào ? Ở chỗ nào ? Có ranh giới đích-xác không ? Lý-luận bước quá khu-vực vật-chất cụ-thể. Những vấn đề siêu-hình bắt đầu. Không-gian mong luog chấp chờn ánh sáng của Tôn-giáo.

Tôi chơi với khi nhận thấy sự phân biệt trở nên mờ-ảo rung rinh.

VÕ-HỒNG

về miền châu-thổ

Thơ Ý - YÊN

- ★ Từ xa đến, khung trời xa ngờ-ngợ
đây quê-hương trang sách-vở ngày nào
những địa-danh và bến lạ lao-xao
ngàn cánh én trên giòng bay ý-nghĩ
- ★ còn nhớ thuở hằng giờ tô nét vẽ
màu xanh lên triều Vàm-cỏ, Tiền-giang
thôn xóm li-ti biêng biếc nâu vàng
thiêm-thiếp mãi trong chiều sâu mường-tượng
- ★ hôm nay, đó, vườn cây lan bờ ruộng
một màu xanh chưa từng thấy bao giờ
biển sóng vàng ngậy trời-hạ-sang-thu
những đảo nhỏ dừa cau mờ bất tận
- ★ còn sau nữa, qua bao miền thị-trấn
miệt nào đưa, hoa-trái ngút tầm nhìn
bến cá ồn-ào khi nắng vừa lên
bưng gió ngợp rừng tràm khuya trắng lạnh
- ★ hôm nay đến cùng niềm say lãng-mạn
tìm vui riêng theo bóng dáng con đường
khi sự-thực đang là gươm là đạn
hơn tuổi nàng, cô cháu nhỏ Tân-Hương
- ★ Tân-Hương đây, ba trăm năm về trước
có là tràm là đước ngập phèn chua
còn như thấy đêm mờ vang tiếng bước
nhát dao cùn khai-lộ nẻo rừng trưa
- ★ chỉ mới gặp quê-hương bằng ý-nghĩ
chân nào đi cho hết được non sông...
lòng vui hỏi dò từng trang địa-lý
lời ê-a ôn giòng sử mai hồng.

★ lời-ca du-tử.

con đường tuổi nhỏ

Thơ TRẦN-HUIỀN-ÂN

Con đường ấy xin một lần trở lại
Dù ngựa hồng lưng chẳng thẳng yên nhung
Mùa thấp ẩm cây dâng rừng ngọt trái
Cành roi giương tuổi nhỏ mộng anh hùng

Rời Trăng-Sạn êm đêm ru nước kiêu
Cổ tai bèo chiến chiến lót chân xinh
Hai màu lá sim vờn hoe nắng dịu
Cho suốt ngày đôi lũng mãi bình minh

Vừa nhặt bước tới Hòn-Son lối đỏ
Bờm rung rung tóc ngựa đỏ bay bay
Dòng suối mịn ven bờ tươi dát cỏ
Mát cả lòng người ngựa hãy cùng say

Cương giật khẽ ngựa cao đầu hí mạnh
Vó tung giòn phi đại xõa đuôi cò
Bên vệ đường chim bồ chao rộ đánh
Cành roi đùa lướt gió vút băng quơ

Lên đỉnh xóm quay nhìn mây dưới gót
Dành ngôi vua cho kẻ lập công đầu
Ve trong vườn ca sao mà thánh thót
Trời Lương-sơn xanh thăm tận nơi đâu...

oOo

Hỡi Thân ! Hỡi Vinh ! Hỡi Thành ! Hỡi Lăng !
Những ngày thơ ruổi ngựa, những con đường
Đã theo hồn các anh về dĩ vãng
Chỉ còn tôi... tay cũng lỡ buông cương...

Những kẻ trốn chạy

Khi trời bắt đầu nhá nhem, xe chở trung đội ba đến con đường làng sỏi đỏ. Tôi lấy trong túi quần trận, cái bản đồ tỉ lệ xích 1

50.000 và dò điếm đứng. Ngôi chùa bên con đường mòn vẫn không có trong bản đồ. Chỉ một con đường mòn nhỏ hẹp dẫn đến làng X, ngôi làng trung đội phải phục kích đêm nay. Đại bàng từ xe jeep đứng sau ngoắc các trung-đội-trưởng lại và dặn vài điều cần thiết. Ông nói với tôi : Anh cho quân phân tán mỏng ở bốn phía, dặn bọn nó cẩn thận, đừng bắt gà vịt của người ta. Đây là vùng có an ninh.

Lính đã xuống hết xe. Những chiếc mũ rừng đội lúp xúp trong màu sắc nhá nhem. Những chiếc khăn màu đen đỏ nổi giữa đám lính nặng nề chuyển động. Tôi bảo bọn mày đi phải cách xa, kéo dụng thì mệt lắm. Thăng Đồ, hỏi tôi : mình đi đâu, thiếu úy. Tôi đáp : Mày hỏi làm gì. Lo mấy liên lạc cho tốt.

Tôi tháo cặp kính, lấy khăn lau cho sạch bụi. Ngôi làng ở đằng xa, hiện điều hiu hắt bên kia con kênh nhỏ. Những bờ tre cao lêu nghêu dày dặt. Vài luống khoai bống ện ngổ ngang trong buổi chiều tàn tạ, những thửa ruộng mạ non còn loang loáng nước. Tôi trầm mình trong nỗi hiu quạnh của một ngày sắp dứt, thấy lại những hình ảnh thân yêu của thôn làng quê hương. Một đợt khói lam chiều, vài cánh chim bay về tổ, những chú mục đồng trở về trên con đê nho nhỏ. Bây giờ không còn nữa. Xung quanh tôi, hình như một bầu không khí sợ sệt u ám, một hình ảnh rủ chết hoang vu. Tôi nói với ông Trung-đội-phó : Làng này mình đi rồi trung sĩ. Cứ chia làm bốn tổ. Điếm tập trung là ngôi chùa. Có chuyện gì cứ đến đó.

Người trung sĩ Thượng gật đầu. Ông ta quả là một người lính nhà nghề. Mười ba năm lính rồi. Ông đã vào sanh ra tử biết bao trận. Tôi cùng ông bàn về chuyện tìm địa điểm của mấy tổ kích. Tiếng thăng Đồ rộn rã bên chiếc máy C 10 Di chuyển đây Băng Sơn anh nghe không trả lời. Tiếng đếm của hân đều đều. Một chốc hân lại chười thề : Đ M, ba thăng Mỹ nó phá quá.

Bọn tôi đến con kênh đầu làng. Nước màu bùn đất. Thỉnh thoảng vài đám bèo xanh thăm giạt về bờ cỏ. Mấy thằng lính lội qua kêu gọi ới ới. Thằng lính Thượng Y-Nay la to : Ướt em rồi. Ướt em rồi. Cả bọn cười lên. Tôi thì mắt nhắm, nháy đại xuống...

Tiếng thằng Thái nói ở đằng sau: Lên đi, Thiếu úy. Nước lạnh đủ quá. Tôi mệt nhọc, bám lấy bờ đê, rút đôi giày khỏi vũng bùn. Làng ở trước mặt, lơ thơ vào mái nhà tranh và vài ngôi mộ cỏ. Bầu trời thì vẫn âm u. Tôi nhìn lên khoảng trời xám đen, nghĩ đến cơn mưa sắp đến. Thằng Đô bảo: "Hôm nay mồng một. Đến chùa mình tha hồ ăn chuối". Tôi nói: Mày tưởng ở đây như ở thành phố sao: Sợ không có ai đánh chuông, gõ mõ nữa. Bỗng tôi sững sờ: Té ra, hôm nay là mồng một. Rứa mà tau không biết. Hồi trưa lại nhậu cà-ri chớ.

Đô nói:

— Thời buổi này, tu cũng chết. Không tu cũng chết mà thiếu úy.

— Nhưng xuống địa ngục, tao được nhờ.

Ở đây cũng địa ngục nữa. Thôi, được ngày nào chơi cho đã ngày nấy.

Tôi bỗng rưng rưng. Làm sao tôi có thể giúp cho nó hiểu được, an ủi nó, cũng như những người lính khốn khổ này. Làm sao tôi đem vào tâm hồn nó một niềm tin, niềm kiêu hãnh...

Người trung đội phó đến bên, hỏi vài điểm cần thiết trong cuộc phục kích đêm. Ông ta nhìn lên bầu trời vào tối và nói: Chắc đêm nay lại mưa, lại bị một phen ướt nữa. Tôi cũng an ủi: Mai, chủ nhật rồi, trung sĩ. Mình tha hồ nghỉ. Tôi mời ông một điếu thuốc. Khói thuốc bay lên nhẹ nhàng, và tôi còn thấy được nỗi thèm thuồng ở một chuyến hành quân cách đây không lâu. Những người lính đã phân tán khắp làng. Tôi báo cáo trong C. 10 với đại bàng về địa điểm đóng quân, xong, dựa lưng vào thân cây để hút điếu thuốc cuối cùng. Mùi hương của hoa đại tỏa lên dịu dịu. Mắt phóng về cánh đồng xa, vẫn vơ trên các đọt cau, những trái cau nho nhỏ, và một thoáng xúc động, tôi thấy được hình ảnh yêu mến của quê hương. Một ngày nào đó, khi nước mình hòa bình, trở về sống cùng vườn tược, không lo không nghĩ thì thú biết mấy. Lúc còn đi học, tại một ngôi trường dành cho lũ trẻ cô nhi, thầy hỏi ước muốn từng đứa. Mắt mỗi thằng sáng rực lên. Bác-sỹ, kỹ-sư, thương-gia hay một thằng lãng-tử. Còn tôi, tôi mơ một đồn-điền rộng, những rặng cam vàng ửng, những thảm cỏ xanh rờn như những khu vườn của lão chủ Tây đồn-điền. Tôi nói với Thầy giấc mơ, chiều chiều cỡi ngựa đi dạo, gió làm tóc bay và khi khát nước, tôi ăn một trái cam ngọt lịm. Giấc mơ thật to lớn và trong sáng của ngày xưa hiện về, bây giờ buồn buồn trong một niềm luyến tiếc. Viên trưởng ấp đã đạp xe đạp đến, tìm tôi. Ông mang một khẩu carbine, đi chân đất và trông già khoảng 50 tuổi. Ông già trưởng-ấp cầm lấy tay tôi, nói như muốn khóc: Thiếu-úy ơi, thiếu-úy đến bọn tôi mừng quá. Tuần lễ nay, bọn tôi phải thức trắng. Bọn nó cứ về vác loa kêu gọi rồi bắn đồng vài phát. Tôi cầm lấy vai ông già, an ủi: Bác cứ yên tâm. Đêm nay bác cho anh em nghỉ. Đừng ra đường.  Ở đằng sau ông già trưởng-ấp, tiếng của mấy người thanh-niên chiến-dấu phụ họa. Cực quá thiếu-úy ơi. Đêm nay bọn mình tha hồ ngủ. Tôi cũng cười. Đi một mình với ông già trưởng-ấp tới gốc cây đa, tôi hỏi nhỏ: Sao bác không dọn về

thành cho yên. Ông già được dịp phân trần: Về thì yên đó. Nhưng còn ba mảnh vườn, để cho ai trông? Tôi muốn biện hộ lời của tôi. Rằng ông không quý đến tính mạng, gia-dình ông sao? Rằng đại chi cũng cứ xách súng trốn từ nhà này qua nhà khác. Đêm thì không dám ngủ nhà. Rằng ông già rồi. Ông phải hưởng tuổi già của ông chứ? Nhưng tôi không dám nói. Đến đây tôi mới thấy mảnh đất ao nhà là quý. Tôi xiết chặt tay ông già, rồi gọi mấy người lính đi tìm chỗ nằm kịch.

Tôi khom chuối ngó ra cánh đồng, tôi bảo hạ sĩ nhất Hỷ cắt anh em gát. Cây trung-liên bar chia về cánh đồng. Mưa bắt đầu nhỏ giọt. Nước mưa lạnh tê da thịt. Thằng lính giúp việc đã đến nói: Thiếu-úy vào trong nhà nghỉ. Em trải poncho rồi. Tôi ngằn ngừ một lát. Tôi đã cấm lính vào nhà nằm, sợ những hậu-quả bất ngờ. Mưa lớn thế này, quả thật tội cho chúng. Tôi bảo lớn: Một thằng gát ở ngoài, vào hết trong này trú mưa. Bọn lính hấp tấp chạy vào đứng ở hàng hiên. Những mầu đôi thoại mưa nắng, những tiếng churôi thề cũng thi nhau vang lên. Một trái sáng bắn lên thẳng thốt ở ngôi làng trước mặt. Tôi thấy được con kênh loang loang nước.

Bộ áo quần đầm nước hai chiều làm da se lạnh. Tiếng rè rè của C. 10 đều đều thật buồn. Sáu đứa ngồi, đứng ở đây đang nghĩ gì đêm nay, hỏi những Đò, hỏi Nha, Thần, Vắn, Mề. Tôi dựa vào cột, tháo cặp kính ra cho đỡ mỏi. Nỗi mệt nhọc bây giờ bỏ dần dần trên từng tế bào, thớ thịt. Quynh ơi, Quynh không bao giờ hiểu cậu. Ba ơi, giờ này ba đọc kinh cầu nguyện cho con. Trong nỗi hiu hắt, tôi tìm lại những hình ảnh thân yêu. Chẳng biết giờ này ai nhắc đến mình không?

Có tiếng chó sủa ở đầu làng trên. Tôi gọi mấy hỏi anh bạn sao chó sủa dữ vậy. Anh bảo lính nó đi mò. Tôi cười buồn quá anh ơi. Anh bạn hỏi ở bên có gì vui không? Tôi cười: vui cái khi khô gì. Mưa lạnh chết cha.

Suốt đêm tôi trần trọc. Đất lạ làm tôi lo âu không ít. Nằm trên poncho trải dưới mái hiên, bên cạnh cây M2 và trái lựu đạn, tôi nghe con buồm rầu rệu nhằng về. Thỉnh thoảng vài trái sáng bắn lên. Thằng Đò nằm trên võng, nói: Thiếu-úy ngủ đi, em thức cho. Tôi trả lời: Không muốn ngủ, mầy à. Ước gì có hạt bắp rang mà nhai cho đỡ buồn. Đò hỏi quê thiếu-úy ở đâu. Ở đâu, tao cũng chả biết. Đẻ ra bị giặc, chạy loạn rồi nay ở chỗ này, mai ở chỗ kia — Thiếu-úy ngoài kia chắc đi dạy — Ờ, đi dạy giáo-sư bị động-viên — Em phục thiếu-úy chạy, ốm mà chạy dữ! Tôi cười: Tại đôi giò tao cao.

Tôi lấy poncho trùm thân thể, nhưng chất mát của cao-su càng làm da thịt lạnh tê. Tôi nghĩ đến hôm nay mà tự cười. Sao mình lại nằm ở đây nhỉ. Một con chó ở đâu chạy vụt qua. Đò nói: Chó mập quá thiếu-úy. Em mà vợ được, thôi thì khỏi nói. Tôi mỉm cười, nhớ lại món cary hồi trưa. Tôi đã quên mồng mết, ngày mà trước đây, tôi quen với bát rau muống luộc, chén cháo trắng. Chẳng biết mình phá giới có mang tội không nhỉ. Trời Phật nhắc cũng tha thứ. Hoàn cảnh hết cả.

Chợt tiếng loa lại vang lên từ phía làng trên. Tiếng mất tiếng còn trong thính không. Tôi nhồm dậy, cầm cây M2, nhào ra mép bờ ruộng. Con mưa làm đất ướt nhão. Mấy thằng lính nằm thủ súng bên cạnh. Đò nói khe khẽ trong C.10, báo với

thầm-quyền về sự cô mặt của bọn nó. Đại bàng bảo sẵn sàng, chờ bọn nó đến. Tôi nín thở. Tiếng loa xa xa gần gần rồi tắt hẳn. Tôi nằm dài trên bờ ruộng, cảm thấy buồn ngủ hơn lúc nào hết.

oOo

Đến sáng, đại đội được lệnh đi tảo thanh những ngôi làng ven đồi. Lệnh Đại-bàng phải bắt hết thanh-niên không đầy đủ giấy tờ. Tôi nhận lệnh, co ro trở về trung-đội. Trời vẫn âm u. Buổi sáng của những ngày cuối năm đầy gió rét. Tôi dẫn trung-đội về phía phải. Cánh quân của trung-đội 2 ở phía trái và trung-đội chỉ-huy ở giữa. Chúng tôi lục soát một cách chán nản. Tôi vẫn nghe những tin đồn đại, những vụ làm tiền để trả lính. Mỗi mạng cả vạn bạc hay ít nhất năm ngàn. Tôi chán nản. Mình bắt về rồi để bọn nó ăn. Nhưng cuối cùng, lính vẫn dẫn đến một tên mang bà ba đen quần đùi. Thân nói: Ông ta thấy bọn tôi ông nhào vào ruộng mía. Bọn tôi phải bắn chỉ thiên mới lòi dậy. Tôi quát: Mày V.C. hả. Sao mày chạy? Gã vẫn im lặng. Trên gương mặt tái xanh, in rõ nỗi sợ hãi. Nhất là ở đôi mắt. Tôi thấy hằn van lơn nhìn tôi. Hai chân hằn gầy như que củi. Cái quần đùi rộng phất phơ. Lính chia súng vào hông hằn, dục: mày V.C. hả. Nói đi. Tôi thấy hằn run run: Dạ tại tôi sợ.

— Mày sợ ai? Lính Cộng-Hòa chờ phải V.C. đâu.

— Dạ sợ mấy ông bắt tôi đi lính. Tôi có cha mẹ già và 4 đứa con.

Tôi bàng hoàng trong giây phút. Tôi nghĩ đến một gia-đình khi kẻ rường cột ra đi. Tôi nghiệp. Nhưng nếu không bắt hằn, bên kia sẽ bắt lên núi. Hằn là một con bù-nhìn đáng thương, đang sửa soạn lao vào giòng cuồng lưu tàn bạo. Một bà già từ đâu chạy đến cầm chiếc thẻ bọc nhựa, meo meo: Nó là con tôi. Ông tha cho nó. Ông bắt nó đi, tôi lấy ai mà nuôi. Bà nói và khóc meo meo. Một lát sau, người đàn bà trẻ, hớt hải cầm nón đến van nài. Tôi nhìn qua khóm dừa. Quê-hương mình ở đó. Những mảnh vườn, những cánh đồng ở đó. Nhưng người đã vắng tanh. Tôi nghĩ đến ngày nào đó, mấy ông nội cũng về, cũng tìm tới hằn, cũng vô về và cuối cùng tôi có thêm một kẻ thù. Tôi nhìn đám ruộng mạ non, những bờ đê quanh co, con kênh đào loang loáng nước. Một kẻ sắp từ giả và làng xóm khóc thương nhớ. Tiếng khóc của người đàn bà ai oán hơn cùng với tiếng kẻ lẻ của mẹ già càng lúc càng thấm sâu. Tôi nghĩ đến hình dáng ông trưởng-ấp già, mang khẩu carbine chạy trốn, những người trốn chui trốn lủi trong bờ bụi như hằn. Những con người vô tội ở nông-thôn, bị dành giựt xâu xé. Gió mai đưa trên khóm iau nghe xào xạc. Tôi trả lại thẻ cho hằn, nói: Mày về đi.

TRẦN-QUÍ-SÁCH

ĐỌC SÁCH GIÚP BẠN

NGƯỜI VIỆT ĐẤT VIỆT



NAM - CHI TÙNG THU xuất bản ; 530 trang ;
Giá 360 đ.

Tác-giả :

— TOAN-ANH, tên thực NGUYỄN-VĂN-TOÀN sinh năm 1915 tại Thị-Cầu, Bắc-Ninh (Bắc-Việt) hiện là công chức Bộ Thông-tin. Đã cộng tác với các tuần báo Tao Đàn, Trung Bắc Chủ nhật, Bạn dân, Lễ sống, Tân dân, Chọn lọc v.v... Đã xuất bản : *Phong lưu đồng ruộng ; Bước đầu ; Trong lũy tre xanh ; Bó hoa Bắc-Việt ; Tiết*

tháo một thời ; Ký vãng ; Nếp xưa ; Nếp cũ ; Con người Việt-nam ; Tín ngưỡng Việt-nam.

— CỬU-LONG-GIANG, tên thực : NGUYỄN-BẢO-TRỊ sinh năm 1929 tại Hà-nội, hiện là Trung-tướng quân đội Cộng-Hòa Việt-Nam. Đã xuất bản : *Địa-lý Cao-nguyên ; Cao-nguyên với sắc-tộc ít người ; Vai trò quân đội ở các nước Á-Phi ; Canh tân trong liên tục lịch sử.*

Tác-phẩm :

Trong một vài năm nay những sách nói về quê hương, đất nước, nếp sống dân tộc... về địa-phương-chí, mỗi ngày một nhiều. Chỉ đọc qua bản liệt-kê những tác-phẩm đã xuất-bản của riêng các ông Toan-Anh và Cửu-long-Giang, ta cũng thấy ngay sự đóng góp của mỗi người vào loại sách tìm về đồng ruộng, lũy tre, nếp xưa, truyện cũ, tìm hiểu con người, tín ngưỡng, địa-phương của xứ sở, đã rất rồi rào phong phú. Gần đây cả hai tác-giả lại cùng góp sức hoàn thành tập « Người Việt, đất Việt » là tập đầu trong một bộ sẽ gồm ba cuốn. « Người Việt, đất Việt » có 4 phần chính. Phần Đại-cương trình bày về đại-cương địa-lý 3 miền : Bắc, Trung, Nam ; sơ lược về lịch sử và nguồn gốc dân-tộc, có phần nói về các sắc dân thiểu số ở Bắc và ở Nam. Phần thứ hai : Văn-hóa, trình bày về văn-học, mỹ-thuật, tín-nguỡng (có nói về các mê-tín dị-đoan) và võ nghệ, binh bị (chiếm gần 30 trang). Phần thứ ba nói về danh-lam thắng cảnh của ba miền và phần chót về nếp sống của người dân các địa-phương. Đặc-biệt ở mỗi phần đều có trích đăng các bài của rất nhiều tác giả viết về quê hương, xứ sở và có

nhiều phụ bản là những bức hình về cổ vật hay thắng cảnh của những nhiếp ảnh-gia danh tiếng.

Rất mong những tập kế tiếp chúng được xuất-bản để những người muốn tìm hiểu đất nước và dân tộc Việt, sớm có thêm những tài-liệu cần thiết.

VỀ NGUỒN



Thơ của *Hoài-Mai*, tác giả xuất bản, 92 trang, giá 100đ.

Tác-giả :

— Tên Thật : Phạm-Phú-Thông, sanh ở làng Đông-bàn, quận Điện-bàn, tỉnh Quảng-nam (Trung-Việt).

Hai mươi năm về trước, ký : Trúc-Chi hoặc Đông-Giang. Đã cộng tác với các báo *Tiếng-dân*, *Lành-mạnh*, *Y-dân*, *Liên-hoa*.

Nguyên giáo sư Việt-văn và Pháp-văn các trường Bình-Linh, Bồ-đề (Huế), Trần-Cao-Vân (Quảng-tín), Hàn-Thuyên (Quảng-ngãi), Taberd (Sài-gòn).

Cùng một tác giả : Phút cảm thông (thơ, 1950), Gương tranh đấu (văn vần, 1949), Lịch sử Cách mạng Việt-nam (văn vần, 1948).

Tác-phẩm :

Nguồn đây, chẳng phải là nguồn La-Hi của lớp « đại trí-thức » của một thời nô-lệ 80 năm, mà cũng chẳng phải là nguồn sông Hằng xa xôi hay nguồn sông Hoàng xa cách. Mà là nguồn ở rất gần ta, nguồn ở chính trong ta.

Đó là Đất Nước này, đó là Quê-hương xứ Quảng, đó là Gia-đình lớn, nhỏ.

Và con người dòng Phạm-Phú trên đây lần về những nguồn ấy một cách ung dung, một cách thường tình, một cách khiêm cung.

Ý thì rất thường, rất thông thường ; tình thì bình-dị ; lời thì mộc-mạc.

Và tập thơ của người có nếp Nho-phong, có đời mô-phạm, nó chẳng phải là hoa huệ hoa sen để trên bàn thờ vị này vị nọ, nó không phải là hoa lai-dơn, hoa oí-dê bày ở phòng khách tân thời, mà là bông vạn thọ, mồng gà trồng ở vườn quê tỉnh nhỏ.

Hắn rằng lớp người sống từ lọt lòng ở đô-thị, hẳn rằng lớp người chạy theo tiền bạc, công-danh, hẳn rằng lớp trẻ mửa nôn hay vọng ngoại, sẽ thờ-ơ với tập thơ của người tuổi đã sáu mươi này, nhưng những ai tóc đã điểm sương, đã chào đời giữa hương đồng cỏ nội, đã từng ngửa ngơ trước cảnh gió lộng cát bay, trắng mơ màng với nước tròng giang, lúa cỏ thênh thang với nắng cười chim hót với cánh bướm nhón nhơ trên luống cải, với cảnh sân giả khi nào mà sao như là ở trong mộng vậy, với nụ cười chẳng có chất son, với bàn tay móng không nhọn hoặc tô hồng... , những ai ấy hẳn đã biết ơn người đã làm sống lại những hình ảnh cũ, những cảm xúc xưa, một cách mộc-mạc, hồn nhiên, như ai kia đã nhận xét :

Hắn phát hiện nguồn thơ
 Trong việc làm cử chỉ
 Của Má cu, Mẹ đi
 Hồn nhiên như cỏ sơ.

(Hắn)

Tưởng nỗi cảm thông của hạng người này cũng làm nhà thơ Phạm - Phú - Hoài-Mai thấy rằng công trình mình chẳng phải như mình đã tưởng :

Vườn thơ anh vô bờ
 Được ích lợi gì đâu.

(Vườn rau và vườn thơ)

Sự dính chánh nhẹ nhàng này chẳng biết có an ủi được chút nào người đã làm thơ, lại lo in thơ, rồi lại lo bán thơ ở cái thời mà Văn-chương hạ giới rẻ... hơn bèo rày ?

THƯ-LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
 có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
 màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện số 2.701
 Thư-Lâm ấn thư-quán.

GÓP VUI

Chúng tôi vừa được thiệp hồng của bà góa phụ ĐỖ-ĐƠN-TRÌ, nhũ danh NGÊ-THỊ NHƯ, ở Hàn-tân, Bình-tuy, báo tin Lễ thành hôn của trưởng nam là Cậu ĐỖ HỒNG-NGỌC với Cô ĐỖ-NGỌC-BÍCH, ái nữ của ông bà ĐỖ-VĂN-HAI ở Phú-cường, Bình-dương. Hôn lễ cử hành trong vòng thân mật vào ngày rằm tháng 4 âm lịch tại Sài-gòn.

Chúng tôi xin góp vui với Bà ĐỖ-ĐƠN-TRÌ và có lời mừng nhà thơ ĐỖ-NGHÊ có thêm một nguồn cảm hứng chẳng bao giờ cạn.

Bùi-Xuân-Hiến, Lê-Tất-Điều, Trần-Đại, Phồ-Đức, Đỗ-Tiến-Đức, Ngô-Thế-Vinh, Huỳnh-Huê-Hương, Nguyễn-Công-Thuần, Nghiêu-Đề, Du-Tử-Lê, Trần-Huyền-Ân, Triệu-Ngôn, Thái-Tâm-Canh, Tân-Fong-Hiệp và ông bà Lâm-Tô-Bông.



*A votre service
tous les services de la*

**banque
nationale
de Paris**

THỜI-SỰ VĂN-NGHỆ

Nhiệm vụ của kiểm duyệt.

Alain Robbe-Grillet chuyện trò với báo *L'Express* : « Nhiệm vụ của xã hội là đặt ra kiểm duyệt, nhiệm vụ của chúng ta là phớt qua. Có lẽ chính nhờ kiểm duyệt mà văn chương dân ô tiến triển. Văn dân ô tiến tới một bước, kiểm duyệt tiến tới thêm một bước, đôi bên thì đua với nhau, và cứ thế dần dần tiến lên. Thử nhìn lại những cuốn sách bị cấm trước kia mà xem ! Ngày nay coi bộ chúng có vẻ đứng đắn hết sức... »

Lúc này đạo luật về báo chí ở xứ ta đang được chú ý bàn tán. Ý kiến của Robbe-Grillet đâm ra hợp thời hợp cảnh.

Tha hồ mà in

Một cuốn sách dày sáu trăm trang có thể xếp chữ xong trong vòng một tiếng đồng hồ. Dĩ nhiên không phải ở Việt-nam. Mà là ở Quốc-gia ấn-quán Hoa-kỳ (U. S. Government Printing Office), do thứ máy in *linotype* nhanh nhất thế-giới, được đặt tên là máy Linotron : 1.000 chữ mỗi giây đồng hồ.

Người Mỹ tính xa

Trong khi chiến tranh tiếp diễn ở Việt-nam thì một nhà lãnh đạo nào đó ở Hoa Kỳ triệu thỉnh một nhóm 12 nhân vật lỗi lạc nào đó ở Hoa-kỳ, từ hai năm rưỡi nay, họp nhau để tính toán thử xem khi hoà-bình xảy đến thì tình thế sẽ ra sao. Họ làm việc âm thầm, bí mật, và đã đệ bản phúc-trình. Ở Pháp, Jean Bloc-Michel dịch bản phúc-trình nọ, cho xuất bản, nhan đề là *La paix indésirable*.

Tại sao *indésirable* ? Bộ Quốc-phòng Hoa-kỳ trong thời chiến đang xử-dụng một số kỹ-sư, bác-học, kỹ-thuật-gia v.v.,

đông đến hàng vạn, ngưng giấc tổng các nhân-tài đó vào đâu ?

Trong thời chiến, bộ Quốc-phòng Hoa-kỳ tiêu phí một ngân khoản mà giá đem ra xử dụng để lo việc nhà cửa cho dân da đen thì chỉ trong vòng 3 năm tất cả người da đen đều có chỗ ở tươm tất y như da trắng. Thế rồi từ đó về sau, tiền tiêu vào đâu cho hết ? Khốn khổ !

Cứ thế suy rộng ra, còn khối chuyện rắc rối. Bởi vậy 12 bậc lỗi lạc Hoa-kỳ nghĩ rằng bộ máy chiến tranh xứ họ không nên ngưng cuộc tấn công. Nếu lỡ ngưng ở Việt-nam thì hãy chuyển mạnh sang cuộc tấn công... không gian.

Xin cứ sờ...

Xin cứ sờ, sờ mạnh vào. Không những sờ : hãy mần mó, túm lấy nó, nghịch nó, quấy nó... tha hồ.

« Nó » là các bức tranh. Do những họa sĩ tuổi độ ừ tuần, Pierre Gastaud và Xavier Lengobardi, vừa triển-lãm tại Paris. Theo quan niệm hội-họa của các vị này, khán-giả không nên làm khán-giả suông, không nên giữ thái độ thường-thức thụ động. Hãy tham dự vào, hãy nhập cuộc. Khán giả, xin các ngài hãy biến làm khán-tác-giả, khán-diễn-viên, « spectateur-acteur. Đây không phải là triển lãm hội họa thường. Đây là triển lãm « *Structuractions* ». Có hoạt động (action), lại có cơ cấu (structure) : một ảnh hưởng của trào lưu cơ-cấu-học nửa đây chăng ?

Họa sĩ bày ra một mớ màu mè hình khối cắt sẵn và một mặt nền có thể hút dính như nam châm. Khán giả cứ việc phóng tay xê dịch những hình thù màu sắc nọ

tùy thích, cho đến khi nào chán chê. Thế gọi là xem tranh !

Đời đáng sống

Đó là nhan đề cuốn sách của một ông già : John Dos Passos.

Im hơi lặng tiếng đã lâu, bây giờ J. Dos Passos viết tự truyện. Bản Pháp dịch tên là *La Belle Vie*, dày 287 trang.

Một cuộc đời như của Dos Passos, làm văn, làm lính, rong khắp Âu-Mỹ, kết bạn với những tên tuổi lẫy lừng, tham gia những phong trào chính trị rầm rộ, một cuộc đời như vậy, thuật lại trong ba trăm trang giấy, thấm gì.

Mc Namara tốc chiến

Nguyên bộ-trưởng quốc-phòng Mỹ xozzy ra viết sách. Và viết cấp tốc. Ông ký giao kèo với nhà Harper and Row, cho in một tác phẩm nói về chính sách Mỹ đối ngoại cũng như đối nội, những năm gần đây. Sách cho in có điều-kiện : phải ra đời trước tuyên-cử Tổng-thống.

Cơ-cấu quyết vật ngã hiện-sinh

Trong tủ sách « Que sais-je ? » cuốn *l'Existentialisme* của Paul Foulquié in ra tính tới nay được 150.000. Sách được dịch ra 26 thứ tiếng.

Tủ sách « Que sais-je » đã xuất bản 1310 cuốn rồi. Cuốn thứ 1311 nhan đề là *Le structuralisme* : của Jean Piaget. Nhóm xuất bản hi vọng nó sẽ vượt con số ấn-hành 150.000.

Beatnik và văn-nghệ

Allen Ginsberg cho xuất bản cuốn *Kaddish*, một tập thơ. William Burroughs in cuốn *La machine molle*. Cả hai đều là những khuôn mặt nổi bật trong giới beatnik. Làm văn-nghệ họ càng nổi bật. Bởi vì hai tác phẩm vừa kể lạ lùng, quái dị, độc đáo hết sức.

Chỉ thiếu có mỗi một điều : hay ho. Thế thôi.

TRÀNG-THIÊN

SÁCH BÁO MỚI

Tạp-chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn các tác giả, dịch giả, nhà xuất bản và tòa soạn đã gửi tặng những sách báo sau đây :

— **Tân văn** số 1 tháng 4-1968 nguyệt san nghiên cứu và phê-bình văn học. Tòa soạn : 38 Phạm-ngũ Lão Saigon, do Ô. Trần-Phong-Gia chủ trương biên tập. Đây là nguyệt-san VĂN đổi tên với nhiều bài nghiên-cứu và nghị-luận của : Võ-Phiến, Nguyễn - văn - Xuân, Tam-Ích, Trương-văn-Chinh, Huỳnh - phan - Anh, Nguyễn-Hiến-Lê, Trần-Thiện-Đạo, Châu-Hải-Kỳ, Lãng-Nhân v.v. . Mỗi số trên 120 trang. Giá 30 đ.

— **Máu đào nước lã** truyện của Minh-Quân, do Anh-Huy xuất bản và tác

giả gửi tặng. Sách dành cho các em thiếu nhi, thuộc tủ sách Tuổi Hoa, có những tranh ảnh rất vui mắt, dày trên 130 trang. Giá 30 đ.

— **Trong thành phố ngoài mặt trận** tập truyện của Nguyễn-Trung-Dũng do tác giả gửi tặng sách dày 114 trang gồm 4 truyện ngắn. Giá 38 đ

— **Bên này sông bên kia sông** tập truyện của Nguyễn-Trung-Dũng do tác giả gửi tặng. Sách dày 200 trang gồm 8 truyện ngắn. Giá 120 đ.

— **Mùa gặt quê hương** tập thơ của Bích-Hoài do Nhân Chứng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 42 trang, gồm 12 bài thơ. Giá 60 đ.

KHU CHỢ GIÓ

1. Bây giờ lão Khương không sao nhắm mắt được nữa. Dưới lưng lão cả một tảng đá lầy nhầy lạnh. Đứa con gái ngủ dưới ổ rơm hỏi vọng lên: Mọc đê hở ba? Lão Khương cười thoải mái và lắng tai nghe tiếng nước mưa chảy ngoài những tàu lá chuối thấp. Con đường xe lửa bỏ hoang, mấy bụi đàn bà mang toi đi đại tiện, gió nam quật vào hơi quá trời. Nụ cười của lão sáng rực lên trong bóng tối đỏ quạch quét một lớp trên tấm phen nền bằng cứt bò với đất sét. Từ ngày sống nơi đất khách quê người, lão đã bỏ cái nghề hút thuốc cay về ban đêm, vào những lúc thèm chừng, thay vào đó lão đem cái hình người vợ trước đã qua đời ra ngắm, thương tiếc, hay tập cho đứa bé gọi lão bằng ba, với một âm thanh thật tròn trịa, kéo dài như hồi còi xe lửa thuở còn chạy qua trên ngọn đồi.

Cả tháng nay, không có buổi tối nào là không mưa. Những cơn mưa thường bắt đầu bôi trắng xóa một góc trời rồi kéo đến. Những hạt mưa rất nhẹ nhưng cả trại định cư không ai ra khỏi nhà. Toán nghĩa-quân canh gác cũng rút vào dưới mái hiên nhà ông ấp-trưởng, họ không còn trái chiếu, thấp đèn cầy đánh bài xệp bên trong những lô-cốt lộ thiên nữa. Lão Khương thấy nhớ mặt trời to và đỏ như cái chiêng đồng chậm chậm xuống sau đồi cỏ non. Một vài con chim nhỏ lông vàng hót vài tiếng rất ngắn rồi bay vút sau miệt rừng tràm. Tiếng ho của thím Sót cũng nhạt nhòa trong nước

mưa. Tiếng ra-đi-ô của chú phở-bình vẫn to như hằng đêm. Chú ấy bây giờ giàu lắm, mỗi ngày giặt áo quần cho Mỹ trong phi-trường cũng kiếm được mấy xấp, đó là chưa kể những đồng đô-la bỏ quên trong túi quần. Tiếng cải lương giọng Nam lúc này nhắc nhở lão càng thương xót nơi chôn-nhau cắt-rốn. Lão nhớ con người thím Sót càng ngày càng gầy rạc, chỉ còn như một que tăm cắm dính vào mặt chiếu. Thím họ lao đã mười mấy năm rồi. Cái phim chụp hình phôi, rõ rần như một khoảng đất bị dội bom, quần tròn treo lủng lẳng trên mái nhà.

Chồng thím Sót là một người thợ hoạn. Chú hơn các bạn đồng-nghiep khác là ngoài cái nghề hoạn heo gia-truyền, chú còn hoạn được cả trâu và chó. Đã hơn bốn mươi năm chú lúc nào cũng là một người làm ăn có lương tâm, nên có nhiều mối ở từ quận cũng dắt heo đến nhờ chú hoạn mà không quản xa xôi cách trở. Từ ngày thím lên cơn nặng, chú thường về tận các vùng mất an-ninh để làm ăn. Ở đó, ngoài chú ra, không ai dám thò mặt đến, họ sợ nếu không ăn bom đạn thì cũng bị giải-phóng bắt đóng thuế hay giết đi. Lợi bất cập hại là thế đó. Nhưng chú Sót phải đi, ngoài công việc hoạn heo ra, chú còn có dịp ghé thăm một vị sư già nướng nẫu trong một ngôi chùa cổ. Đây là nơi chứa đầy kỷ-niệm tuổi thơ của chú, ngày còn yêu thím Sót, hai người thường bơi ghe qua

cánh đồng lờm chờm chân rạ mới cắt, để thề thốt tình duyên trước mặt Phật Di-Đà. Chú cũng luôn dịp không quên xin một bó cây thuốc cứu đề sả: lấy nước cho thím uống, họa may ra cho thím đỡ cơn nhức nhối.

Những hôm rảnh, lão Khương cũng ghé nhà thăm thím Sót, nếu có chú ở nhà thì ngồi nói chuyện chơi, nếu không thì mời thím miếng trầu rồi đi. Bết thím thích rượu bột ngâm thuốc bắc nên lâu lâu lão cũng sai thằng nhỏ bưng tới mời thím một cốc. Con Sen, con thím Sót, độ này lên nước dũ. Hồi còn Tây, nó ở lỏ chày rong ngoài chợ, nay đã biết chớp thăng Mỹ này đến thăng Mỹ khác, có hôm mấy thăng Mỹ ở Trung-tâm lên tìm con Sen, đánh nhau đôi lựu đạn nổ rầm rầm, may không thì cháy rụi cả trại. Lão Khương cũng có một đứa con gái cùng tuổi với nó, hồi Nhật mới tới, đôi phải công lên bán cho các cha ở nhà chung, về sau thương con phải đi vay nợ lên chuộc về thì cha quản-lý nói nó đã chết rồi. Hôm đó, lão Khương ôm lấy cha quản-lý mà khóc:

— Các cha dẫu con tui mà làm gì?

Cha quản-lý cũng rưng rưng nước mắt:

— Không tin thì tôi đem ra nghĩa-địa chỉ cho mà xem.

Lão Khương vén vạt áo dài lên lau nước mắt rồi lẻo đẻo đi theo người cha già cao lêu nghêu, ra khu nghĩa-địa nằm trong bóng im của hai hàng cây trướng cá già, cha quản-lý nói:

— Đó, ngôi mộ đó bác.

Dụi con mắt mấy lần lão Khương mới thấy ngôi mộ của con mình hình bầu dục nằm trong những tảng nắng nho nhỏ. Cây thánh giá sơn vôi màu trắng mờ gà

ở giữa có khắc mấy chữ màu đỏ cắm t. ăng đứng phía dưới. Lão quay lại hỏi với cha:

— Con tui chết thiệt đó cha?

— Đó, thì chữ viết đấy nè.

— Cha đọc cho tui nghe với, tui không biết chữ.

Cha quản-lý nuốt nước bọt, rồi đọc:

— Anna Nguyễn thị Kê, 8 tuổi, chết ngày...

Lão Khương choáng váng quì sụp xuống ôm lấy cây thánh giá khóc thảm thiết, đến khi lão ngẩng lên thì cha quản lý đã làm dấu thánh và lầm nhảm đọc kinh, nước mắt ròng ròng chảy xuống. Lão Khương chấp tay cảm động:

— Cảm ơn cha, cảm ơn nhà chung.

Đến khi sắp sửa rời ngôi mộ, lão bỗng hỏi:

— Con Kê tui theo đạo rồi, cha?

— Dạ, chúng tôi rửa tội cho cháu hồi mới đem về, định sau này cho đi tu các chị.

Lão nhìn một lượt những ngôi mộ chôn đều đặn, sạch sẽ và quang đãng rồi tiếc rẻ:

— Tội nghiệp cho con tui.

— Ngày cháu nó mất, chúng tôi phá người về tina cho bác, nhưng hồi ấy giặc giả quá, đi nửa chừng rồi thôi.

Cùng chờ một lúc, lão Khương nói:

— Thôi tui về đã cha. Khi mô có tiền, tui lên hốt nó về.

Đã nhiều năm miên man trong khói lửa, tóc lão Khương càng ngày càng bạc trắng, những ý định xưa nuôi không bao giờ thành tựu được. Quê nhà cũng không còn tìm thấy lại Đưa con trai, ngày còn ở nhà lên học ở trường các bà xơ, buổi sáng nào cũng rảo quanh vườn

bái hoa lau đỏ lên cắm trong nhà thờ, nay nó đã đi học thợ mộc trong Quảng, độ này đường đèo đầy cả mình không ra được. Lão định bụng, nếu ngày giỗ mẹ nó, nó có ra cũng thừa dịp ép nói cho nó con vợ, sau ra sao thì ra. Con gái thời chừ tin hết nỗi, vài ba năm nữa thì làm đi hết. Thằng Túc, thằng Cừ, con Loan, con Lý đều đi theo giải-phóng hết trọi. Nhớ hôm con Bốn về chiều hồi, ôm theo cả hàng chục xấp thuốc lá miền thượng về chia cho trong trại mỗi người vài cọng hút ngon quá trời. Con Bốn nói thuốc đó người thượng bón cứt người nên khỏi tươi và thơm, hút vô là ngáy ngất liền. Nó về được bảy tám tháng thì đẻ được một đứa con sút mồi, cả quận đồn đãi rùm beng, con Bốn hồ người cả tháng ngồi lì trong buồng, có ai đến hỏi thăm nó chu miệng ra chữi bóng, chữi gió.

Những kỷ niệm thật xa xôi về lòng lão tràn đầy như thừa ruộng ngập nước. Cứ mỗi lần như vậy, lão lên nằm ở đây, trên tấm gỗ cằn cỗi này, rồi những cảm giác vô về phủ xuống. Một hình ảnh nào vừa mới ôm ấp, vừa mới nâng niu phủ dụ. Không, không bao giờ ba bị mộc đè cả. Không bao giờ ba bị mộc đè trên tấm ván này. Ngày xưa, ba đã âm thầm sống những đêm canh dài với má các con.Ừ, đã từ thật lâu, từ ngày má con mất đi... ba không bao giờ muốn rời nó. Không ai bắt buộc ba phải rời nó. Cho đến khi chết ba cũng nằm ở đây. Các con sẽ gọi anh các con từ trong Quảng ra để đóng hòm cho ba, bằng gỗ ván ấm áp này. Lão thở ra một hơi dài và nghe mờ mờ những tiếng kêu âm ứt, xa lạ, tiếng này buộc chặt vào tiếng khác, làm thành một chuỗi dài sền sệt chạy vòng quanh mi mắt rồi bay xa hút. Bỗng lão vùng dậy, hỏi vọng xuống thềm nhà :

— Chưa ngủ hả di con Mộng ?

Có tiếng rơm khô sột soạt, sau đó tiếng người đàn bà suýt xoa hai đầu gối :

— Kiến căn quá trời sao ngủ được.

Lão Khương nghĩ đến những con kiến đỏ chân cao thường đùn lên dưới thềm nhà nhất là những hôm trời mưa. Những con kiến cặm cũi tha từng hạt bột bắp từ bên nhà cha tuyên-úy về đựng đầy tổ dưới tran thờ. Hai đứa con người vợ trước ngủ từ hồi mới tối, nếu hồi chiều không qua chơi bên nhà ông Phúc thì chắc gì chúng nó ngủ êm thắm như vậy. Ánh sáng của cây đèn bông màu đỏ càng làm mờ sâu những nét hắt hiu, bờ phờ của những đứa bé mồ côi mẹ sớm. Lão cúi xuống, hai tay vân vê quần điều thuốc cầm lệ. Những đồ thờ cho vợ hôm nào mới tậu về còn mới toanh nay đã cũ, bụi đã đóng một lớp dày. Hôm theo bộ đội tản cư, lật đặt vác tấm ván đi, lão quên bẵng cái bát nhang thờ táo quân. Đối với lão đó là một điều thiếu sót đáng trách. Bát nhang không thể là một thứ thời-trang có thể thay thế bất cứ lúc nào. Lão mất cảm tình với ông Lý Tự cũng vì lẽ đó, không thể lấy cái lon bia ngoài đồng rác Mỹ, đổ cát nhor bần vào là được. Thấy cái nghèo cứ đeo đẳng mãi, lão Khương đôi lúc cũng muốn xách dù đi phiêu lưu một chuyến, may ra tổ tiên phù trì làm ăn nên nỗi về cho vợ con nó nhờ. Lão không ao ước được xây lăng, đắp mộ cho cha mẹ nhưng ít nữa cũng thuê ông thầy địa glóng cái hương lại cho quang ánh một chút, mộ ai lại trở đầu về núi, coi nó kỳ cục, mình nghèo đâu phải là tại số. Nhưng mỗi lần nghĩ đến đi xa, tâm hồn của lão bị phủ mờ một lớp di vãng nặng chiu mây chì. Gia đình. Từng nét mặt khác nhau của mỗi đứa con, tấm phản

yêu quý này và vợ, hình ảnh người vợ bé cần cù xâu những bông thọc vàng đem ra chợ bán. Lão lại thôi.

Những hôm trời mưa thế này, lão Khương nhớ mảnh đất ở dưới miền xuôi. Chú Sốt hoạn heo cũng không cho lão biết thêm một chi tiết nào về ngôi nhà bỏ hoang của lão cả. Có lẽ bây giờ bọn giải-phóng dùng làm một nơi để hội họp hay từ ngày lão đi đến nay loài chim đêm đến nhóm ngủ ở đó, những cây tầm-gù trong những bãi cứt chim đã mọc đầy. Đàn cuống con, mạ nó tha rác từ mùa chiêm năm trước chắc đã lớn, chắc đã bay được qua cánh đồng nước mênh mông. Cái cầu qua xóm hát bộ đã bị quả mìn bẻ gãy làm đôi, ván trôi về thâu tận cồn mồi, có những chú mực-đồng vớt đéo thành con cơ để sà cơ. Hàng cây mù-u chỉ chít những trái tròn và láng. Chẳng còn ai ở đó nữa, khu chợ vắng người hẳn thêm buồn và càng buồn hơn bất cứ một nơi nào khác. Bác Hồng lấy tiền thuế chợ bây giờ chắc đã già, tóc sới hết rồi. Lão nhớ những hém bác ngồi chặt dí những con ốc mư đen có đường vân vàng rộm, luộc ăn với rau sống nước lèo ngon nhưc răng, ngon hơn những con rạm bẻ cái nướng với than gỗ mít đỏ quạch mà lão thường ăn nhấm rượu về mùa nước cạn, lúa ngoài đồng đã đơm bông. Nhớ bác Hồng, lão Khương càng thấy nhớ khu chợ, gió bốn bề mênh mông thổi về. Lão đã kiếm người vợ sau cùng ở đó.

Và từ ngày lão về đây, không còn nghe mảnh bom bay rào rào trên đầu. Hằng đêm lão không còn lời đàn con xuống hầm trú ẩn. Nhưng có bao giờ lão quên được cảnh tượng một bà mẹ già ngồi trước hậu-cử trung-đoàn đếm những đồng bạc vừa lãnh tiền tử của con, nước

mắt giọt ngắn, giọt dài. Lão cũng không bao giờ quên vụ một người đàn bà mang thai chết thiêu trong một vụ V.C. pháo kích, bị cháy nứt da bụng bầy cả đứa con đã có tóc nằm co rút trong cái màng trắng mỏng. Từ ngày đó lão Khương đâm ra thù ghét chiến tranh, đâm ra oán trách kẻ khác. Lão thương bà vợ đã qua đời lắm. Chết vì bệnh suyễn không có gì làm cho xóm làng chê cười. Thím Sốt mới là nguy hiểm chứ. Nếu không đồ vôi vào quan tài và liệm úp mặt xuống đáy hòm thì con ma ho lao nó ghê gớm lắm, có lúc nó bắt chết cả nhà. Lối giải phóng trên núi mới bỏ về bắt thằng Hoành ra cắt đầu ngoài văn thánh, cả tháng không ai dám nhận xác nó để chôn. Sau đàn chó ở tận bên xóm Mít qua tha cái đầu chạy ngoài chợ, đàn chó sủa vang. Khu chợ đang đông thấy vậy bỏ chạy về hết. Trí nhớ của lão Khương càng ngày nhạt nhòa, lão không nhớ được gì, ngay cả khuôn mặt của những người bà con lối xóm ngày xưa đôi lúc cũng không nhớ ai với ai, ai còn sống hay ai đã chết rồi. Sự đời đen ngòm như mồm chó. Đối với lão việc sống chết cũng đơn giản như những sợi râu trên cằm, mọc rồi rụng, lúc nào cũng chẳng bận tâm đến.

Càng về già lão càng nghĩ đến ngày hai bên bắt tay nhau, nghĩ đến lúc không còn chém giết nhau lời thôi nữa. Tiếng loa phóng thanh nào đó sẽ cất lên ở trại định cư này báo hiệu ngày hòa-bình đến. Chao ôi, ngày ấy vui mừng biết bao nhiêu, lão sẽ tay dắt, tay bồng đàn con trở về, lão cũng không quên đem tấm ván về nữa, lão sẽ qua mời vợ chồng thím Sốt cùng về. Cảm ơn mấy chú nghĩa-quân bên nhà ông trưởng-ấp canh gác tội nghiệp. Dù trong dù đục ao nhà

cũng hơn. Nếu có đói cũng có ngọn rau, ngọn cỏ mà ăn. Nhất định phải về...

2. Con gió thổi qua rất nhẹ trên má; tôn còn mang nặng nước mưa buổi chiều. Lão Khương nằm xuống và lại nghe cảm giác lờ mờ chất nhão từ một cõi nào xa đến. Em đã về đó sao? Lão mở mắt ra, vẫn thấy hết mọi đồ vật chung quanh, muốn há miệng gọi một tiếng thật to, muốn vùng vẫy chân tay, nhưng vẫn bất động. Từ ngày anh cưới vợ khác, anh có bao giờ quên em đâu. Một tiếng gọi, một tiếng thở dài của lũ trẻ ở đâu? Không. Không có gì cả. Đêm đang đi qua, đang rơi vào hầm huyết quá khứ. Những trộ nước đá của các chú bò cái nuôi trong trại hiệp-hội nông-dân. Những tiếng cãi vã xâu xé của mẹ con mụ Ương về những đồng bạc cắt lời lỗ chia nhau ngoài chợ cá. Sự có mặt của chú Tư còi, của Ba vẹt đực, cũng được. Lão Khương còn biết níu kéo cái gì ngoài sự thiếp đi trong cơn mê khó nhọc ám-ảnh những đứa bé trần truồng, đen điu, nhóp nhúa suốt ngày chạy theo mé quốc-lộ để xin thuốc lá của người Mỹ, ngồi nghiêng ngửa trên những chiếc xe lăm bụi hành-quân về.

Sáng dậy chưa kịp rửa mặt, lão Khương đã nghe tiếng đập cửa thỉnh-thịch, lão hỏi vọng ra:

— Chi vô mà nói, ai nợ nần gì mà đấm cửa.

— Dạ, cháu đây bác.

— Thằng Cu hả?

— Dạ.

— Có chi mà gấp mầy?

— Dạ có, cậu cháu nói qua mời bác.

— Mời mọc cái khỉ gì, bét mắt đã bày chuyện?

— Cậu cháu có làm cây.

— Cây hả, kiếm đâu ra thứ đó mầy?

— Hôm qua đoàn công voa dẫn chết loài lộ, cậu cháu ra kéo vô làm thịt.

— Vậy hả?

— Dạ, nó béo cả mỡ mỡ.

Khi lão Khương mặc vội áo quần đi cũng không quên đánh thức vợ dậy lúc nào mấy đứa con ngủ dậy, cho nó qua hơi hưởng chút của chua. Ngồi đối diện với những đĩa thịt quay cháy xém, những miếng gan thơm phức, lão Khương buồn mang mang trong lòng, những tiếng chuông tiếm tàng từng nhịp đều đặn trên đỉnh trí nhớ hoang vu vẫn rung lên. Đứa con còn nằm trong nghĩa địa nhà chung, với những con cuốn chiếu, với những hoa hồ người ngày xưa nó thích chơi còn lại đó. Người sống lo ăn uống. Người chết rồi nằm yên một chỗ. Cảnh người đàn bà mang thai chết cháy vầu xua qua đầu đây. Chú Sốt chước rượu vào ly rồi vui vẻ:

— Uống đi bác, quá chén một bữa cho vui. Cả tuần nay đi hoạn ở dưới, thêm rượu quá trời.

— Độ này hay về mình không chú?

— Có, năm-thời-mười-họa ghé qua chút, đi liền.

— Chắc không còn ai hết tội?

— Còn ông lão, mụ già

— Bên mình có hay đi hành quân không?

— Độ này có phần dậu hơn nhiều.

Lão Khương xây qua thím Sốt. chiếc khăn màu nâu ôm cứng hai má thím, khuôn mặt bị tóm lại chỉ còn như bàn tay, nhột nhật:

— Thím dùng chút rượu cho ấm.

Thím Sốt cười bày cả hàm răng nhuộm đen hồi còn con gái nay loang lổ và đắp cứng xác cơm.

— Cảm ơn bác, tui uống vô nhứt hai con mắt chịu không được.

Chú Sốt cũng chen vào :

— Ở nhà tui có phong, có hơi rượu là ngứa.

Lão Khương ăn một miếng huyết màu nâu sẫm, rồi mách.

— Nè chú, lấy bã trầu khô đốt với tóc con gái chưa chồng là xông hết liền.

— Thiệt hả bác, tóc con gái chưa chồng đâu mà kiếm.

— Trời, chán chi thím. Bữa này gái làm đi vật đũa nào mà không phi - dê, chán chi tóc cắt bỏ đó thím.

Sau bữa tiệc, khi về đã một đoạn, lão Khương bỗng có ý định nên về quê thăm một lần, lão quay trở lại nói với thím Sốt :

— Tôi muốn về ngoài một bữa được không chú ?

— Về hả, cái đó khó chi, ai có hỏi thì nói đi hoạn heo. Cứ qua lấy bộ đồ nghề dư của tôi đó vác mà đi. Tập cái giọng rao cho trong trẻo một chút là được.

Lão Khương cười đắc chí :

— Ủ, về một bữa kéo nhớ quá sức.

3. Hai người dừng lại trên mô đất cao. Trước mắt một lũy tre dài như một vết dao chém ngang bầu trời trong vắt. Quê-hương lão Khương ở đó, nằm dính sát với cụm mây xanh rờn. Nhưng sao xóm làng vắng vẻ thế này. Không còn ai nữa hay sao. Gió thổi từ đầm nước mặn thổi vào phả lên tóc lão càng thêm buồn. Bỗng thấp thoáng một người đàn bà. Phải, một người con gái đứng gát bên hàng rào chiến-dấu, đưa tay ra dấu cho hai người tiến đến. Dường như đã nhìn ra lão Khương, Đã có một sự sắp đặt nào trước để bắt lão đứng lại đây một

phút. Lão Khương không kịp hiểu gì cả, đưa mắt nhìn chú Sốt đi hút một mạch trên con đường đào xới làm chướng-ngại-vật. Hai mắt lão nóng ran, muốn khóc. Lão quay lại hỏi người thiếu nữ cầm dao phay đứng gát :

— Chị bắt tui phải không ?

— Vâng, tôi tuân lệnh thượng - cấp.

Lão Khương bình tĩnh mở to đôi mắt nhìn lá cờ cắm trên một trạm canh bỏ trống gần đó. Bây giờ lão mới biết một cách rõ ràng và nhấm tận mắt một nữ cán - bộ giải - phóng, mặc áo xanh màu nước biển. Bác mỉm cười chưa xót :

— Chị đi lính à ?

— Vâng, nam phụ lão ấu đều đồ ra tuyến-tuyến.

— Răng chị không cầm súng mà cầm dao phay coi quê quá hả ?

Người con gái làm nghiêm :

— Chúng tôi kháng chiến trong gian khổ.

Dẫn qua một cái động cát cây mọc lúp xúp, vào đến một căn nhà bỏ trống, người thiếu nữ mồ hôi đã chảy ướt đầm lưng áo. Lão Khương cố moi trong trí để nhớ cái nhà này của ai nhưng lão không nhớ ra được. Có một điều là lão không bao giờ nhầm. Những con đường đó. Những miếng vũ sập đồ đó, phải đây là quê-hương thứ nhất, quê-hương đặt trên đầu, quê hương thờ trong trái tim. Người nữ giải phóng quay lại trối lão Khương và đặt lão ngồi trên thềm nhà bằng đất nện ẩm ướt rồi bỏ đi vào trong một cái buồng che cửa bằng tấm vải bông rách.

Những tiếng nói với nhau rất nhỏ, nhưng vẫn bay vào tai lão Khương :
“ ... dò xét, ... gián điệp... ”

Rồi những tiếng sau đó bị gió tạt loãng

không nghe gì nữa. Lão Khương nhỏ xuống đất một bãi nước miếng, yên lặng nhìn những vết của dép Bình-trị-thiên in trên mặt đất mun như dấu chân của một loài vật lạ.

Đến xế chiều, một toán du kích võ trang đến lôi cõ lão đi về miệt chợ. Trên đường lá tre khô rụng toì bời. Lão thoáng thấy trong đám lính ăn mặc áo quần bẩn thỉu đó, có cả đứa cháu, con của người chị ruột. Bây giờ nó đã lớn, lạ và mập phì như cha nó ngày xưa đi lính hậu vệ ông quận. Nó tìm cách lờ mặt lão đi.

Những tiếng chim chiều đâu đây gọi trong vút trên cây cao. Một khoảng cách rất ngắn nữa, sẽ đến ngôi nhà, sẽ đến khu vườn và ngôi mộ. Một khoảng cách ngắn đó sẽ không bao giờ đi tới được. Lão nhìn những đầu súng thẳng di động theo những bước chân chậm chạp của lũ người đi trước. Máu đã tụ cứng ở hai khuỷu tay nhức buốt. Đến khu chợ xiêu vẹo, một người lính ra lệnh cho thẳng liên lạc đánh phèn la để tập hợp dân chúng. Tiếng phèn la khô kéo dài từng vòng trên xác chợ chiều áo nảo. Lão Khương thư thái nhìn từng quán hàng, từng vạc đất, sung sướng như một người bao năm tha phương cầu thực trở về. Ngôi đình chợ vẫn còn đó. Góc nhà vợ lão nằm vẫn còn đó. Dường như bác Hồng lấy tiền chợ đã chết. Mộ bác chôn ở chỗ nào. Kỷ niệm của một thời ngủ im lão đảo trở dậy. Dân chúng tập trung đã khá đông, lão cúi đầu chào mỗi người thăm hỏi "mạnh giỏi chứ". Không khí lạnh lùng chạy lướt qua, đè nặng trên mắt mọi người như cơn heo may mùa đông.

— Cụ muốn trời lại gì không ?

— Có, cho tui xin một điều. Cho tui

được gặp thẳng cháu. Nó đó, nó mang súng đứng đó.

Khi được phép gặp đứa cháu, lão Khương mới chảy nước mắt :

— Mày quên tao rồi hả ?

Người thanh niên mặt tái mét :

— Cậu... Cậu tha lỗi cho cháu, cháu biết làm sao bây giờ. Cháu không sao quên được cậu. Càng già cậu càng giống mẹ cháu.

— Mày cũng định giết tao ?

— Dạ, cháu không biết làm sao được. Lạy cậu, lạy mẹ.

Lão Khương vỗ vỗ vào vai thẳng cháu rồi khề khà như không có chuyện gì xảy ra :

— Nói cho vui thôi cháu ạ, đời chừ, còn kẻ chi là bà con làng nước. Tao chỉ xin mày một điều. Khi tao chết xong, mày nhớ lời xác về chôn kẻ bên mộ mày. Khi mộ gặp chú Sót nhớ nói tao đã chết rồi. Nhờ chú về trại nói với mẹ hai mày, gắng nuôi mấy đứa con lớn.

— Con lạy cậu... con nhớ hết.

Sau đó, người ta bịt mắt lão và đặt đứng trên một cái ghế cao chênh vênh trước đám người gục mặt nghe bản cáo-trạng dài. Mỗi người có mặt ở đây đều nghe. Nhưng họ lạ gì lão Khương xưa nay, lạ gì lão từ ngày tám bé đến giờ sống trốn đất căn khô này, lạ gì con người nhỏ bé nghèo khổ đó, khi đói thì bắt ốc, bắt đằm, làm thuê làm mướn. Khi có thì chia xẻ cho bà con từng miếng cháo, miếng rau. Họ lạ gì khuôn mặt tóp teo như quả cau khô đó. Họ lạ gì nữa. Lão Khương, lão Khương đó. Trong các đám ma, có đám ma nào mà lão không ghé vai gánh chiếc quan-tài. Không có cuộc họ chạp, làng tế nào mà lão không « nặng cút heo » dưới bếp.

« ... gián điệp... dò xét... »

Lão Khuông vẫn đứng yên lặng. Cổ mở đôi mắt trong lớp vải đen bịt xòe ngang trước mắt. Lão muốn nhìn xóm làng một lần cuối, những khoảng tối vẫn bao trùm mịt mù. Lão bỗng tức giận cất tiếng thét :

— Ê lũ này, có giỏi giở tấm vải che mắt tao ra đi.

Không, không còn ai nghe lời lão nữa và những phát súng được rời rạc găm vào ngực lão. Lão ngã xuống trên khoảng đất đầy xác lá. Một người một ngã ra về. Có tiếng vụt khóc lên rồi im bặt. Lão

Khuông nằm vật trên khu chợ lộ-thiên, gió thổi mênh mông bốn bề. Nơi mà lão hồi còn nhỏ đã theo mẹ ra lượm bã mía, lớn lên đã cùng bác Hồng ăn ốc nước lèo uống rượu và yêu vợ ở đó. Chú Sốt hoạn heo trở về đây sẽ thấy lão nằm chết thoải mái trên khu đất yêu dấu này, bên lão những giọt máu đỏ tươi như vết son, một vùng sáng chói của mặt trời nằm nghiêng trên đầu và xác những trái vòng khô nứt nẻ rụng xuống.

HỒ-MINH-DŨNG

01-01-1968

Tuần báo **TIN VĂN** đóng bộ từ số 1 đến số 20 giá 500 đ. 1 bộ.
Có bán tại tòa soạn Bách-Khoa.
Miền Trung xin gửi thêm 100 đ. tiền cước phí.
Các tỉnh miền Nam xin gửi thêm 60 đ, cước phí.

BÁCH KHOA THỜI ĐẠI

Từ số 1 đến số 264 (11 năm : 1957-1967) 36 tập : Giá 4.080đ

— *Tất cả sinh-hoạt chính-trị, kinh-tế, văn - học, khoa-học, nghệ-thuật vv... của Việt-Nam và trên thế-giới trong suốt 11 năm qua .*

— *Một bộ tạp-chí mà cũng là một tập tài-liệu rất cần thiết cho mọi gia-đình.*

— *Một món quà trang nhã và lợi ích sẽ làm người nhận vui thích mà lưu giữ mãi mãi.*

Xin hỏi tại Tòa soạn BÁCH - KHOA ở 160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

tình ca Việt-nam

Thơ CHU-VƯƠNG-MIÊN

ngày mai đêm khuya lẫn tròn dưới biển
em đứng đỉnh cao vẫy gọi ta về
cả vườn hồng chim uống rượu say xưa
buồn ngủ giấc đi mờ vào lối biếc
con ốc sên quên ba mùa ần dật
mưa rào về hàng chùm ruột đông đưa
chuyển xe lên ngọn ngút mấy tàu dừa
bàn tay lựa cánh hoa quỳnh hé búp
ngày mai anh em cùng cười thân mật
đồng sâu ơ lúa nếp đã phơi rồi
men đang nồng nhìn lửa cháy thêm nguôi
ngày họp mặt đêm mùa xuân vừa nụ
bên này sông trời cũng cao vừa đủ
mây tím trôi trên dãy núi địa đầu
gió thổi thì thảo phòng tuyến canh thâm
vài trái sáng soi chút buồn lên mắt
ngày mai ta đứng vẫy em bằng khăn mặt
gói sương mù vào chiếc lá thông khô
nặng cũng bay xa ngày cũng mờ hồ
mang kỷ niệm hong trên quần áo trận
bên kia sông ngày có vui đều đặn
có niềm vui có hoa cỏ thiên đường
có ân tình có còn chừa trong tim
hay nước lũ lùa hết đi về biển
mười bốn năm sống nhờ niềm ước vọng
khói hương mù ngọn ngút nẻo tương lai
xuân có lên cao với gió thổi dài
hay giòng nước bốc hơi thành mây trắng
ngày mai em đứng vẫy tay bằng yên lặng
núi vọng phu nhìn xuống biển cấm hờn
áo em vàng dưới gành đá rêu trơn

CÁO LỖI

Vì lý do ngoài ý muốn, chúng tôi phải gác lại bài "Phận mình Việt - Nam" thơ của Mạc - Ly - Châu.

Xin trân trọng cáo lỗi cùng tác giả và quý - vị độc - giả.

Tòa soạn BÁCH KHOA

từng bông cỏ thắm xanh miền hoang dại
biên giới xa từng mùa xuân êm ái
trong lòng tay tỏa hơi ấm loài người
ngày mai núi rừng trái đỏ muôn nơi
em đứng đỉnh cao gọi ta bằng nước mắt

viết trong cơn biến - động

Mậu - Thân

Thơ PHAN-NHỰ-THỨC

Trái bom nổ, tung cuộc đời trước mặt,
nổ tan tành chém xuống trái tim ngoan
ai còn lại giữa hai hàng đồ nát ?...
xin đứng yên cho ta đến tay choàng.

Nếu máu đỏ dẫm đầy thân thể đó,
xin giữ nguyên hai tay nhỏ ân cần,
mười ngón lệ đắp lên khuôn mặt MẸ
cho giòng đất cần cấy đỏ mùa xuân

Nếu trái phá đã châm xong ngòi nổ
người chạy nhanh về trình diện quê nhà
chắc lúc ấy trái tim cùng nhịp thở
cũng vô tình đánh mất quãng đường qua

Khi cuộc chiến đã dàn quân giữa phố
chỗ nào đây vùng trú ẩn an toàn ?
cho em bé giữ nguyên vàng tuổi nhỏ
nổ tan tành không chém nát tim ngoan

Khi ngã tư đưa về nhà mỗi buổi
xác chết cong queo ruồi nhặng mọc đầy
con đường nào dẫn em qua mỗi buổi
sẽ không nồng mùi máu rợn ma trôi

Khi súng đạn người đưa vào thành phố
buổi đầu xuân giờ ngút khói thiêng liêng
ai còn đủ tin trăm lời phủ dụ
lòng sói lang trở tội ác quanh miền

Khi chiến thắng không đo bằng mạng sống
người hân hoan trên thây chết ngậm ngùi
trong rừng thẳm NGƯỜI cúi đầu suy nghĩ
còn lại gì để góp tiếng reo vui ?

Khi phố này khóc thương cho phố nọ
quảng-ngãi, sài-gòn, huế... để tang nhau
TA cùng với nỗi tình nghi ngút đỏ
thấp lời chia buồn soi rõ mặt nhau...

mồng ba — mậu thân
phan — nhự — thức.
(mêkung)

THÁP CỎ

Thơ TRẦN-HOÀI-THU

Những ngày rảnh tôi trở về tháp cỏ
tìm cô đơn trong đôi cánh tay gầy
ru nỗi buồn cùng với gió và mây
hồn âu yếm thương hoài từng phế tích
tháp bạc rưng rưng trong chiều u tịch
nhớ nhung gì nơi đồi núi xa xăm
lòng mẹ bao dung sông ngủ yên nằm
sông nững nịu nên sông về với mẹ
chiều thấp xuống và sông màu lá hẹ
trời bỗng buồn và hồn bỗng băng khuâng
tháp cỏ vươn lên đến cõi vô cùng
che chở lấy đàn con về yên ổn
những buổi quân đi núi đồi vọng tưởng
mẹ thương con mẹ mỗi mắt đợi chờ
con trở về thấy bóng mẹ từ xa
lòng bỗng dậy những ngày xưa thơ ấu
những sáng mùa xuân hoa vàng bướm đậu
chân tung tăng lên tháp cỏ buồn rầu
ngồi mơ màng nhìn con nước về đâu
xếp thuyền giấy và xin Bà che chở
mang giấy học trò hỏi nàng làm vợ
mang cánh mai vàng quà cưới cô dâu
thuyền ơi thuyền thuyền nhớ trở về mau

Những ngày rảnh tôi trở về tháp cỏ
rũ phong sương sau một chuyến nhọc nhằn
mơ thật nhiều về mái rạ quê hương
và thồn thức nhìn làng thôn ủ rũ
mười mấy xuân rồi, hoa mai vẫn nở
mùa xuân này, hoa vẫn nở đầy sân
ôi tháp bà sao ngài lại rưng rưng
đôi mắt ấy mỗi mòn nơi xa thăm ?

(Đồi Tháp Bạc tháng XI)

Thế-giới trong những tuần qua

TỪ - TRÌ

Trong những tuần qua Âu-châu đã giữ vai trò quan-trọng đặc biệt trong thời-sự quốc-tế. Sự - kiện quan - trọng nhất là Mỹ và Bắc - Việt đã đi tới thỏa-thuận chọn Paris làm địa-điểm hòa-đàm.

Âu-châu : Mỹ và Bắc Việt khởi sự hòa đàm

Sau một tháng trời giằng co, Hoa-Kỳ đã đề-nghị tới 15 địa điểm, Nam-Dương đề nghị một chiếc chiến - hạm thả neo ở Vịnh Bắc-Việt và Bắc-Việt khư khư đòi Nam-Vang hay Varsovie, hai bên đã đi tới thỏa-hiệp chọn thủ-đô Pháp Paris để làm địa-điểm hòa-đàm. Phái-đoàn Mỹ do ông Harrimann cầm đầu và phái-đoàn Bắc-Việt do Xuân-Thủy hướng-dẫn đã tới Ba-lê. Hai bên đã nhóm họp nhiều lần để bàn về vấn-đề thủ - tục làm việc, thành-phần phái-đoàn, và ngôn-ngữ được sử dụng tại hội-nghị.

Các quan-sát-viên tự hỏi không hiểu sao Bắc-Việt lại bằng lòng chọn Ba-Lê để làm địa-điểm cho cuộc hòa-đàm. Từ trước tới giờ, Bắc-Việt cố tìm cách đề-nghị những thủ-đô mà Nam-Việt và đồng minh không có đại-diện ngoại-giao. Trái lại tại Ba-Lê, Nam-Việt có tòa Tổng-lãnh - sự trong khi Hà-nội chỉ có Tòa Tổng đại-diện. Chấp nhận Ba-Lê là một sự nhượng-bộ của chính-quyền Hà-nội. Nhưng đối với Mỹ, chấp nhận Ba-Lê cũng là một sự nhượng-bộ không kém quan-trọng. Thật vậy, chính-phủ Hoa-thịnh-đốn ngại rằng thái-độ của tướng De Gaulle, dư-luận báo chí bài Mỹ, sẽ

là những điểm bất lợi cho Hoa-kỳ tại hội-nghị.

Người ta lại ngạc nhiên hơn nữa khi thấy sau hai phiên họp đầu, cả hai bên đã đi tới thỏa-hiệp mau chóng về vấn-đề thủ-tục.

Nhưng hiện thời chỉ có vấn-đề chi-tiết được giải-quyết. Vấn-đề chính là vấn đề hòa-đàm. Trong những ngày gần đây ta sẽ bước vào giai đoạn gay go nhất của một cuộc trả giá giữa đôi bên. Về phương-diện quân-sự, Bắc-Việt sẽ yêu cầu Hoa-Kỳ ngưng oanh tạc hoàn toàn và ngược lại Hoa-Kỳ sẽ yêu cầu Bắc-Việt bảo đảm là họ sẽ không lợi dụng việc ngưng oanh tạc để chuyển quân đội và vũ-khí vào Nam.

Về phương-diện chính-trị, Bắc-Việt sẽ đòi Mỹ rút quân đội về, thành lập một chính-phủ liên-hiệp có sự tham gia của « Mặt trận giải - phóng miền-Nam ». Những yêu sách này chắc chắn sẽ bị Hoa-Kỳ bác bỏ vì nếu chấp thuận những đòi hỏi của Bắc-Việt tức là chấp thuận biện pháp bỏ rơi Nam-Việt mà Hoa-Kỳ đã nhiều lần cam kết bảo vệ.

Để yểm trợ cho kế-hoạch ngoại-giao của họ, Bắc-Việt đã cố gắng dồn mọi nỗ-lực vào lãnh vực quân-sự. Cộng-quân đã mở cuộc tấn-công đợt hai vào Đô-thành Saigon và nhiều địa-điểm khác tại Nam-Việt. Nhưng cuộc tấn công này đã không đem lại cho Bắc-Việt những kết quả mong muốn. Vì vậy tại hội nghị Ba-lê hiện thời ta thấy Bắc-Việt không có

cái tư-thế như hồi năm 1954 tại Genève. Thật vậy tại Genève 14 năm trước đây với chiến thắng Điện-biên-phủ, với sự đoàn kết Nga-Hoa và trước sự suy nhược của quân đội Pháp, phe cộng-sản có thể thành công được dễ-dàng. Nhưng năm 1968 tình thế đã hoàn toàn khác trước : Hoa-Kỳ và đồng-minh đã thắng ở Khe-Sanh và A-Shau. Hoa-Kỳ đã chứng tỏ được rằng chiến-thuật du-kích có thể bị hỏa-lực của không quân Mỹ ngăn chặn. Những cố gắng tấn công các thị-trấn không thành-công. Sau hết Nga và Trung-Cộng đang chia rẽ hơn lúc nào hết. Như vậy ta sẽ không ngạc-nhiên nếu trong tương-lai phái-đoàn Bắc-Việt tỏ ra mềm dẻo hơn lúc ban đầu.

Ngược lại Hoa-kỳ hiện - thời có một tư-thế vững hơn Pháp năm 1954. Hơn nữa Hoa-kỳ còn phải hết sức lưu tâm đến những phản-ứng của Nam-Việt và các đồng - minh như Đại - Hàn, Thái-Lan, Úc, Tân-tây-Lan, Phi - luật-tân. Vì vậy trước bàn hội-ngị, Hoa-Kỳ khó có thể nhượng-bộ được.

Hiện thời, xét theo diễn-tiến của cuộc hòa-đàm ta có thể nói rằng cả Bắc-Việt lẫn Hoa-Kỳ đều hiểu rõ thực trạng của vấn-đề. Không như nhiều người đã tiên đoán, cuộc hòa-đàm Ba-Lê có triển vọng sẽ không kéo dài như cuộc hòa-đàm ở Cao ly năm 1951, mặc dầu lúc sơ khởi có gặp nhiều khó khăn, bế tắc. Chấm dứt chiến tranh là một điều cần thiết cho Bắc-Việt. Đề tái-thiết những cơ-sở kinh-tế bị phá-hủy, đề củng-cố chính-quyền đang bị hai phe thân Nga và thân Trung-Cộng tranh chấp, Bắc-Việt có thể sẽ đi tới thỏa-hiệp với Hoa-kỳ trong những tháng tới đây.

Cuộc hòa-đàm Mỹ — Bắc-Việt được mở tại Ba-Lê đã tăng cường uy-tín của

Tổng-thống Pháp De Gaulle. Hơn bao giờ hết, ông De Gaulle có thể tự hào rằng ông đã là trung-gian giữa hai khối Đông-Tây.

Tuy nhiên Tướng De Gaulle chưa kịp vui mừng về thành quả ngoại-giao của mình thì ông đã phải đối phó với những cuộc biểu-tình bạo-động của sinh-viên. Sinh-viên Pháp, dưới sự hướng dẫn của Tổng-hội Sinh-viên và sự ủng hộ của các nghiệp-đoàn lao-động thiên-tả, đã nổi lên rầm rộ, đụng độ với nhân viên công lực đề đòi dân-chủ-hóa qui-chế Đại-Học và đòi hủy bỏ những biện-pháp kiểm-soát Đại-Học của chính-phủ.

Ngoài Pháp, một quốc gia Âu-châu khác cũng đang phải đối phó với một khủng-hoảng xã-hội là Anh. Thật vậy, chính phủ Anh đang lo ngại trước tình thần kỳ-thị chủng-tộc của dân chúng. Nghị-sĩ bảo thủ Enoch Powell yêu cầu chính-phủ chặn đứng phong-trào di dân, cấm người ngoại quốc da đen, da vàng không được vào Anh quốc. Tuy cả đảng Bảo-thủ, đảng Lao-động và chính-phủ Anh đều lên án những lời phát biểu của Powell. Nhưng dân chúng, nhất là những nghiệp-đoàn tả phái, đã biểu-tình ủng-hộ ông Powell. Họ cho là ông đã nói lên ý nghĩ của tất cả mọi người dân Anh.

Phong trào kỳ-thị đen-trắng còn xảy ra tại Bermude, một thuộc-địa của Anh ở Mỹ-Câu. Thanh thiếu niên da đen nổi dậy đánh phá các cửa hàng và cơ sở của dân da trắng. Chính-quyền Anh phải ban bố tình-trạng khẩn-trương và huy động lực lượng cảnh sát để tiêu-trừ các phần-tử nổi loạn. "Đảng Lao-động cấp-tiến da đen" đang sửa soạn đòi Anh trả lại độc lập cho Bermude.

Phi châu : Tàn sát tại Nigeria

Vấn đề kỳ-thị chủng-tộc cũng là một nguyên-nhân của cuộc nội chiến ở Nigeria. 8 500.000 người thuộc sắc-tộc I-bo không chịu sự thống-trị của người miền Bắc: trung-tá Ojukwu đã tuyên bố ly khai để thành lập một quốc-gia Biafra độc-lập với chính-phủ Nigeria trung-ương.

Quân-đội trung-ương với viện-trợ của khối cộng-sản và Ả-rập đã đem quân tấn-công Biafra. Sau 9 tháng nội-chiến, quân-đội Nigeria đã chiếm được hầu hết các đô-thị lớn của Biafra. Nhưng dân Ibo sợ rằng nếu đầu hàng, họ sẽ bị các bộ-lạc khác tiêu diệt vì vậy họ phải cố hết sức

kháng cự. Quân đội Nigeria đã tàn sát dân chúng, oanh tạc các chợ, các nhà thương khiến số thương vong dân-sự mỗi ngày một cao. Trước vấn-đề không lối thoát này, các nhà lãnh-đạo Nigeria và Biafra đã quyết định nghị-hòa. Cuộc tiếp xúc sơ khởi giữa hai phe sẽ được mở tại Luân-Đôn. Nhưng cuộc hòa đàm này sẽ khó khăn vì Nigeria đòi Biafra phải trở lại Liên-bang Nigeria, trong khi Biafra muốn giữ một phần chủ quyền để bảo-vệ cho bộ-lạc Ibo.

TỪ TRÍ

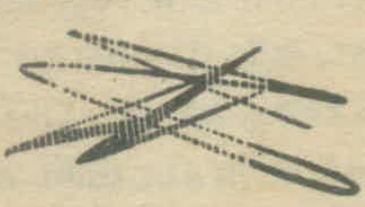
Rượu bổ
QUINQUINA



Quina '9'
CÔ ACIDE GLUTAMIQUE

*khai vị,
ăn thêm ngon.*

BỔ ÓC
bồi dưỡng
cơ thể





KN 2071.BYT

BÀN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

KN. Số 190 M / BYT/QCDP ngày 23-3-68 — Viện bào chế SIFAPP Saigon.

K.D. số 39^E B. T. T. ngày 1^E-5-68,